NAM-PHONG TẬP-CHÍ

Directeur Rédacteur en chef
Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút

PHẠM QUỲNH

TOME XXXI
N°s 174 179

JUILLET DÉCEMBRE

1932

IN TAI

BỘNG-KINH ÁN-QUÁN (Imprimerie Tonkinoise)
80-82, Rue du Chanoine, Hanoi
<table>
<thead>
<tr>
<th>Số 174 — Juillet 1982</th>
<th>Số trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Đức Bảo-dài về nước.</td>
<td>1</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhà luận-ly học.</td>
<td>8</td>
</tr>
<tr>
<td>Cân chuyển ba khác rộng.</td>
<td>16</td>
</tr>
<tr>
<td>Lý thư đọc sách.</td>
<td>22</td>
</tr>
<tr>
<td>Thầm ỏng Phạm Quỳnh.</td>
<td>25</td>
</tr>
<tr>
<td>Một vị cao-tằng nước nhà: Sự cụ Cố-lê.</td>
<td>30</td>
</tr>
<tr>
<td>Giáo-dục phổ-thông phải lấy tinh-thần làm trọng.</td>
<td>46</td>
</tr>
<tr>
<td>Khảo về luận-ly học-sử nước Táo. V.</td>
<td>48</td>
</tr>
<tr>
<td>Việt-Nam tổ-quốc tùy-ngơn. VI.</td>
<td>60</td>
</tr>
<tr>
<td>Tương hát: Trung-biên thân-liên. V.</td>
<td>65</td>
</tr>
<tr>
<td>Văn-uyên.</td>
<td>76</td>
</tr>
<tr>
<td>Thời-dám.</td>
<td>80</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số 175 — Août 1982</th>
<th>Số trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nghĩa-ton Quân đội với thời-thế mới.</td>
<td>101</td>
</tr>
<tr>
<td>Thầm lang Sĩ-vương.</td>
<td>109</td>
</tr>
<tr>
<td>Câu chuyện cây bàng büt.</td>
<td>114</td>
</tr>
<tr>
<td>Lược khảo về sự tiến-hảo của quốc-văn trong lối viết tiện-thuyết. I</td>
<td>116</td>
</tr>
<tr>
<td>Quốc-Am thi-văn tùng-thoại. II.</td>
<td>135</td>
</tr>
<tr>
<td>Luật tiến-dổ Mãn-châu của nước Táo.</td>
<td>141</td>
</tr>
<tr>
<td>Thơ Đường diễn nếm.</td>
<td>151</td>
</tr>
<tr>
<td>Khảo về cách thức làm béo. III.</td>
<td>159</td>
</tr>
<tr>
<td>Thể-thao.</td>
<td>165</td>
</tr>
<tr>
<td>Tương hát: Trung-biên thân-liên. VI.</td>
<td>174</td>
</tr>
<tr>
<td>Thời-dám.</td>
<td>186</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Số 176 — Septembre 1982</th>
<th>Số trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Văn-minh nước MT cùng văn-minh thế-giói.</td>
<td>219</td>
</tr>
<tr>
<td>Làm ẩn nước MT.</td>
<td>221</td>
</tr>
<tr>
<td>Lược khảo về sự tiến-hảo của quốc-văn trong lối viết tiện-thuyết. II.</td>
<td>228</td>
</tr>
<tr>
<td>Quốc-Am thi-văn tùng-thoại. III.</td>
<td>248</td>
</tr>
<tr>
<td>Trên đường Nam Pháp.</td>
<td>257</td>
</tr>
</tbody>
</table>
Số 177 — Octobre 1982

Chữ-nhREADING omitted.
Cái phong câu trực-ngón.
Cái bènh tự-tử.
Truyện lang Ni.
Một lang ở xã Bắc-ký hiện nay.
Nghệ báo bên Au Mỹ.
Việt-Nam dia-dư ngụ-ngón-thi. I.
Việt-Nam tọ-quốc tùy-ngón. VII.
Quốc-âm thi-văn tung-thoai. IV.
Luân-ngữ quốc-văn giải-thích. VI.
Gươm đẹp dân bá.
Thời-dám.

Số 178 — Novembre 1982

Văn-minh nước Nhật.
Câu chuyện có con phải chở di học.
Khảo về luân-ly học-sư nước Tàu. VII.
Việt-Nam ib-quốc tùy-ngón. VIII.
Quốc-âm thi-văn tung-thoai. V.
Lịch-sự Phát-giao nước Tàu.

Số 179 — Décembre 1982

Mừng vua về nước.
Nghệ bàng-không hiện nay.
Một nhà cao-sĩ nước Tàu: Thảo Uyên-Minh.
Việt-Nam dân chinh-luận.
Bản về nhân vật Thường Giới-Thạch.
Việt-Nam dia-dư ngụ-ngón-thi. II.
Luân-ngữ quốc-văn giải-thích. VIII.
Quốc-âm thi-văn tung-thoai. VI.
Ương-thi diễn âm.
Pháp-Việt tự-dĩnh dự-thảo.

Các tranh ấn

Số 174. — Ảnh ức Bảo-dài và sự cư chưa Cử-lệ.
Số 175. — Tranh đan-bảo được thường tại hội Dâu-xảo Quốc-tế, và ấn được Nam-sơn là nhâ Danh-bảo.
Số 177. — Tranh chữ gào bên phủu-ngàn sông Hồng-bà; tranh quan viên sáp vào tê của họa-sĩ Nam-sơn họa.
Số 178. — Tranh hấp chủ Thiền-mụ & Huế.
Số 179. — Ảnh Họa g-thường nguy miền Bắc Trung-ky.

Phụ-trường bằng chữ Pháp. — Supplément en français

<table>
<thead>
<tr>
<th>Numero</th>
<th>Titre</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>1</td>
<td>Philosophie d'Extrême-Orient.</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>La morale et la religion selon M. Bergson.</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>La morale de M. Bergson.</td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>Une rénovation de l'Art Annamite.</td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>La mission de la France.</td>
</tr>
<tr>
<td>13</td>
<td>Politique d'Egard.</td>
</tr>
<tr>
<td>16</td>
<td>L'Ecole des Beaux-Arts à l'Exposition coloniale.</td>
</tr>
<tr>
<td>18</td>
<td>La Grammaire de l'Académie.</td>
</tr>
<tr>
<td>21</td>
<td>Les Idéaux de l'Orient.</td>
</tr>
<tr>
<td>23</td>
<td>Proclamation de S. M. l'Empereur d'Annam à son peuple.</td>
</tr>
<tr>
<td>26</td>
<td>Retour de S. M. l'Empereur d'Annam : Discours de M. le Gouverneur Général Pasquier.</td>
</tr>
<tr>
<td>29</td>
<td>Reflexions sur la Chine.</td>
</tr>
<tr>
<td>32</td>
<td>En Annam : La Cour de Hué.</td>
</tr>
<tr>
<td>35</td>
<td>Un diner chez le « Petit Maréchal »</td>
</tr>
<tr>
<td>36</td>
<td>Finances Indochinois-es</td>
</tr>
<tr>
<td>38</td>
<td>Jean depuis, l'explorateur du Tonkin.</td>
</tr>
<tr>
<td>39</td>
<td>Interprétation du Bouddhisme.</td>
</tr>
<tr>
<td>41</td>
<td>Le Japon s'explique</td>
</tr>
<tr>
<td>46</td>
<td>La réforme de l'Enseignement en Annam.</td>
</tr>
<tr>
<td>48</td>
<td>L'individu dans la vieille cite Annamite</td>
</tr>
<tr>
<td>51</td>
<td>Machinisme et civilisation</td>
</tr>
<tr>
<td>53</td>
<td>L'homme moderne</td>
</tr>
<tr>
<td>55</td>
<td>La France et la nouvelle Europe.</td>
</tr>
</tbody>
</table>
BỨC BÁO-DẠI VỀ NƯỚC


Đội với việc được Bảo-dài hồi-loạn, chúng ta được xem vào cái cảnh thứ khi đó, là cái cảnh lòng hi-vọng đã tới trinh-dò rất cao, trong sự mong-mơi đã có ý thập-thốm bốn-chơn vây.

Nếu ở đội không gợi tò-dèo bàng cái hi-vọng, thời trong cái hi-vọng cũng không gi IOException dep bàng budi của cùng nay, là lúc cái tương-lai đường biết thành hiện-tại, ngoại cái khoai-lạc mong-mơi, lại thơm cái nào-nhất đối cho vây.

Chúng ta được nữa trong cái cảnh tuyệt-thú đó, nò nào bỏ qua dì mà không hưởng cho hết cái thụ.

Âu là ta trừ hối xem ta mong-mơi những gì. Dù kết-qua còn dun mong-dem xuất nữa, thời đến đến dem đến canh tir, ta còn thể tiếp-tục được một vài giờ vây...

Nếu nay đội người trong nước mong-mơi cái-cách về chính-trị thời muốn cái-cách ra thế nào, có lẽ cũng chỉ người biết rõ mà ở ra cho tò-dèo trước.

Đội với một dân-tộc mong-mơi như dân ta, thật khó lòng mà biết được y-hướng của dân thế nào. Nhà cảm

Nay nhân được Bảo-dài bồi-loan, tôi muốn bình-tỉnh xét xem cái khuyên-hướng thâm-trạm của dàn ta về chính-trí gần đây thế nào.

Trong bức thư ông cho quan Tổng-trưởng Reinaud hồi nọ, tôi có nói rằng: "Điều cần nguyễn thứ nhất của chúng tôi, là làm sao cho có một tổ-quốc để mà thở". Lại nói rằng: "Chúng tôi là một dân-tộc dưới đì tổ-quốc mà chưa thấy tổ-quốc ở đâu"


Dù đang náo, phải, náo, chính-khién trái nhau, tự-tư tương nghịch nhau mà móc lòng, dâng thanh-niên, dâng lão-thành, phải thủ-cruz, phải duy-tấn, phê lập-hiền, phê trực-trí, danh-hiều có khác nhau mà xét cho đến cùng cũng là tiếu-biếu cho một cái khuyên-hướng thấm-trạm ấy cả, là cả cho người An-Nam có một cái tổ-quốc để mà thở.

Đó là điều thứ nhất, nghi hồ Kyle, xét đến noi, ai ai cũng phải công-nhanh như vậy, dù người Pháp để ý quan-sát về cái hiện-tình dàn ta ngày này, cũng phải bình-tỉnh công-nhanh như vậy.

Điều thứ nữa là cái tổ-quốc chúng ta trong câu-vọng đó, đôi với chúng ta không thể là nước Pháp được. Điều đó trong bức thư cho quan Reinaud tôi cũng đã nói rõ-rằng. Tôi nói rằng: "Chúng tôi không thể có tổ-quốc Pháp làm tổ-quốc chúng tôi được. Nghe câu đó xin quan lên lòng mình long..."


Tôi theo sự do xét của tôi thấy có nhiều người châu Á tỏ ra khá quan ngại về việc chung sống chung với người châu Á, một kiểu quan niệm mà tôi thấy với người châu Á không thể được chấp nhận được. Họ sợ rằng việc chung sống chung với người châu Á sẽ ảnh hưởng đến lợi ích của họ.

Nay các cách chung sống chung với người châu Á có thể được thực hiện như thế nào? Với tôi, việc chung sống chung với người châu Á không phải là một việc dễ dàng, nó đòi hỏi sự kiên nhẫn và sự quan sát từ phía cả hai phía.

Trong hai cách bảo vệ và trách nhiệm với người châu Á, có thể chỉ có cách bảo vệ và trách nhiệm với người châu Á. Với tôi, việc chung sống chung với người châu Á không phải là một việc dễ dàng, nó đòi hỏi sự kiên nhẫn và sự quan sát từ phía cả hai phía.


Nay đánh-nhguna như vậy, cũng có thể cho la thuan rôi; đổi với Đại-Pháp, được Bảo-dài văn nghiệm - nhiên là quan-chủ nước Nam, nhân có vua thì phải nhân có nước, đó là lề tất-nhiên rôi; đổi với dân An-Nam, được Bảo-dài cũng nghiệm-nhiên là tiêu-biểu cho nước, nước có tiêu-biểu là nước có cảnh-ban, có trừ-co, có nơi để cho cái tư-trường chúng về nước về nơi kết-tính lại mà không đến nơi bi thi-thức làm cho tiêu-tần di mặt, đó cũng là một lễ-tình-nhiên vậy.

Đánh-nhguna đã thuan như vậy thì việc làm của cùng phải xôn-xoàng.

Vậy thi việc làm tình rất làm sao?


Quan-chủ đã có quyền chủa-tê, lúc là có quyền thông-trí trong nước. Điều-roc lập Bảo-ho đã nói rôi-rằng rằng: "Hoảng-de nước Nam vẫn giữ quyền thông-trí trong nước như xưa."

Nay quan-chủ thi-hành cái quyền ấy thế nào?

Có hai cách: một là cứ giữ lời quan-chủ chuyển-chê như xưa, nghĩa là một tay quan-chủ kiêm hết các quyền, thật là một vi siêu-nhan-loại, toàn-trí, toàn-
năng, chịu mến Trời mà trí-vi bách-
tính, tức là Thiên-tử, con Trời, thuộc 
về thần-loại, hơn là nhân-loại, mà lại 
có quyền cai-quan cả bách-thần; đó là 
cái thuyết thần-bì về quan-chủ, xét 
về phương-diện triệt-ly, phương-diện 
tôn-giáo, không phải là không có nghĩa-
ly cao-thǎm, không có giá-trị đặc-biệt, 
nghĩa cứ thuộc-sự thì cùng khó lòng 
hoàn-toàn thi-hảnh được ở đời này; — 
hai là theo về lối quan-chủ lập-hiện, 
gharga là ban hiến-pháp cho dân cũng 
dược tham-dûm một phần vào việc 
nước, bằng một hỏi-nghi bầu-cứ, 
quyền-hạn rộng hẹp thể tạo nên sể 
thành độ dân mà ổn định; thuyên outcry 
thuần theo phong-trào, hợp với thủ-
thế hơn, hiện nay suốt trong thế-giới 
cò lẽ không đâu còn cò nước hoán-
toàn chuyên-chế nữa, nên nur nước 
Xiêm gần đây cũng dồi đãi chinh-thể 
lập-hiện rồi.

Đức Bảo-dài mươi năm sinh-trương 
ở thành Paris, đã hò-hấp được cái 
không-khô-to-dính-dằng của Đại-
Pháp, có thể có là một vị dân-nhan-
vật được, tất là tư-nghi khuyên-hướng 
về cái lôi quan-chủ lập-hiện, chịu 
kông có lẽ thiên về lôi quan-chủ 
chuyên-chế như xưa được. Như 
người nhân-cách của Ngài đã đánh, còi 
hoàn-cảnh vất-chất thiên-tràn trong 
nước nữa: hoán-cảnh này có lẽ cho 
lợi chinh-trị lập-hiện không? Ngharga là 
noi tất một câu rằng: cứ thành độ dân 
An-Nam bây giờ thì lập-hiện đã được 
chua? Lập-hiện có ích-loi gì không?

Có người qua-quyet trả lời rằng:
— Hiền nay chưa thể lập-hiện được. 
Lập-hiện là một việc to-tát, một việc 
lên-lao, không phải là một việc làm-
thượng, một việc dũng-dị; cò—kim Đông 
Tây, dân đầu cùng phải nhận-nhan 
khô-khăn mới có thể thành-công được. 
Không phải là một việc sôm trưa ban-
hành một đào sắc mà làm ngay được. 
Trình độ dân ta hiền nay còn kém-cô 
làm, vì dân An-Nam không phải là chi 
có may mắn người có học-thức ở các 
noi thành-thịnh mà thôi, dân An Nam là 
chín-muoi-chín phần trăm còn quê-mùa 
mộc-mac ở các chơn hưởng-thơn, 
chỉ biết phục-tòng vua quan, còn có 
biết hiến-pháp là vật gi, bầu-cứ là việc 
ghi nữa. Đất ra la skład chuyện chi phiền 
dân. Trước hết hãy nén day dân đã. 
Bao giờ phổ-thông-giao-dúc ban-bố 
dược khắp chốn Ngô Hêm hang cùng, 
hây gô sẽ nói chuyện lập-hiện. Cú 
trình độ dân bây giờ, lấy dầy mà bao 
dược một Nghĩ-viên cho ra về? Cú 
hản-lái trong nước bây giờ, lấy dầy mà 
lập được một Nơi-cá các cho xứng-dàng?

Đó là phải qua thân-trọng mà thành 
ra bi-quan vậy. Xin trả lời rằng:
— Lập-hiện vẫn là một việc quan-trọng. Cái tiệp lập-hiện nó vẫn là to-tát lắm. Các dân-tộc xửa nay mà thuo-
hoạch được cái kêt-qua đó, chặt cùng 
là khó-ngó gián-nạn lắm, chứ không 
phải dễ dàng. Cho nên nước Xiêm 
cũng là phải kinh-qua một cuộc chinh-
hiện mới làm nên. Nhưng mà cái cần-
ngò của chúng ta nó khác. Chúng ta 
là vào cái cảnh ñung-si hướng thái-
hình*. Chúng ta đã nhớ cò Đại-Pháp 
du-đạt cho, thôi không phải khó-khăn 
gi cái lập-hiện được. Vi cái thế-
cách lập-hiện của ta có điếu không 
đồng các nước khác. Ông khác thể 
vua vòng dân là dựng hãi dia-vi tương-
phant nhân, cho nên dân cố đói vua 
ở thứ nhiều quen-loi cho. Chúng 
hư ở nước ta thì vua với dân là cung 
chung một số-phần như nhân, nên 
lien-lặc với nhân dân cũng có lạy 
nhung quen-loi mà điếu-uroc còn 
dành lại cho. Vua với dân chỉ cò cái 
duyén-co tương-thơn, chứ không có 
cái duyén-co cách-biệt. Nơi Thế 
cùng dù hiền rồi, không cần phải giang-giap 
nhiều lời nữa. Và lại trong việc này 
Bào-hộ đã đón trước lòng dân mà 
phơi-thái ra cái chinh-thể lập-hiện tự 
bao nhiều năm nay rồi. Viên dân-biên


(1) « L’adaptation moderne de la souveraineté intérieure de l’Annam au traité de 1884, ne doit être le but de la réorganisation politique de l’Annam-Toukin... La France restaurera au silence d’amoirindrir, et elle restaurera dans le sens de la tradition nationale annamite. Après un si long passé dynastique, le pays d’Annam ne peut pas cesser d’être un royaume... Le jeune souverain qui poursuit en France de brillantes études sera le premier monarque moderne de l’Annam. Il reviendra avec une suffisante maturité d’esprit pour comprendre la noblesse et les péris de sa tâche. Il trouvera son conseiller dans le représentant de la France. Choisisant lui-même ses ministres, organisant une administration renouée, il nous aidera à appliquer intégrale-ment le régime du Protectorat.

Un nouvel Annam s’essuqira dont le visage brillera au milieu du groupe indochinois, dont la constitution finale sera celle d’une association d’Etats sous la souveraineté française. Alors les indigènes de l’Indochine — et j’ajouterai les Annamese principalement — seront à la fois citoyens de leur propre pays, jouissant des droits politiques particuliers, et citoyens d’une fédération au nom de laquelle s’amplifieront leurs avantages sociaux.»
Thực về chinh-sách Bảo-hộ, quan Toản-quyền lại tuyên-bổ mọi cách rát rório ràng:

«Băn-cức không muốn để cho phải chử-trí cái thuyết bảo-hộ chấn-chính với phải chử-trí cái thuyết kiêm-tính giả-dối, lại đăng gay ra một cuộc phán-tranh phải cù với phải mới. Về phán băn-cức thì chỉ quyết giữ y như lời uóc cù và thùy-chung tôn-trọng cái chử lý của nước Pháp. Làm được trong lời uóc cù, đáo chính là cái cách rát chánh-dàng cho thời-thần được lòng người-vọng của quốc-dân Nam-Việt, giúp cho nước Nam tự nhân-chán được cái quóc-thể của mình.»

Je ne veux pas faire naitre une nouvelle querelle des anciens et des modernes, mettant aux prises les parisen d’un loyal protectorat avec ceux d’une annexion plus ou moins déguisée. Pour moi, mon parti est celui de la parole donnée, du respect à la signature de la France. Remplir nos engagements sera la manière la plus légitime de satisfaire les aspirations de la nation, amie, de l’aider à prendre conscience de sa personnalité.

Quan Toản-quyền là người thay mặt cao nhất của Đại-Pháp ở đây, lời quan Toản-quyền nói là lời Đại-Pháp nói, lại nói giữa Hội-dộng Chinh-phủ, thôi lời nói quan-trọng biết đường nào. Đặc lại máy lời đó, thật là rói cái về chinh-dại quang-minh vô-cùng.


Hoặc-giá nói: — Những chinh cai thân-thúc đó mới không!

Xin trả lời rằng: — Muốn cho người thành thì minh phải thân-trước dã, nếu minh người thi người sao tìn mình được. Ta cứ thân-thúc mà mong-mỗi; bưng chỉ-thần còn cánh được trời đất nữa là...

Vậy thì Đại-Pháp đã sẵn lòng giúp, vua ta có thể chử-trí wieder việc cái-lô chinh-trí trong nước, không ng青ngai gi.


nửa. Nên thủ làm di, đã có các quan Bảo-hộ sẵn lòng giúp.

Nơi tổn lại thời đổi với việc được Bảo-bì đại ở nước, quốc-dân ta có thể lặc-quan được.

Tời đây vẫn mang tiếng là một người hay dem con mất bi-quan mà xem xét thời thế. Trong việc này tôi cũng xin sẵn lòng cùng quốc-dân tam tổ y lặc-quan. Rồi sau này ra thể nào sẽ hay...

Phạm Quỳnh

---

NHA LUẬN-LÝ-HỌC


Vậy thời nhà Luận-lý là người suy-ṣết về làm-tình người đối, về những mối linh-câm sau-xa nó tiền-tòng ở trong nội-tạm của mỗi người, và chỉ đối sự kích-thích bền ngoài mà xuất-hiện ra vậy.


Đọc bài văn sau đây miêu-tả về nhà Luận-lý thì đâu rõ vây.
Chân dung Đức Bảo-dài Hoàng-de
Chân dung sư cụ chuà Cồ-lê
Porträt du moraliste

Il faut faire le portrait du moraliste, qui fait le portrait de tout le monde et de lui-même. Car le moraliste, qui s’applique à la peinture de l’homme, occupe entre la littérature et la philosophie un domaine qu’elles réclament toutes deux ; en les rapprochant jusqu’à les confondre, il cherche à réunir leurs avantages et à compenser leurs failles. Il dépouille la littérature du récit, de l’aventure, de l’ornement et du lyrisme, c’est-à-dire de toutes les séductions destinées à enchanter l’imagination ou à émouvoir la sensibilité : il isole cette révélation de nous-mêmes qu’elle nous donne quelquefois dans ses plus belles rencontres et qui, derrière les actes du héros, nous fait toucher du doigt le secret de notre propre vie. Il cesse d’intéresser notre regard aux événements qui dissimulent notre être véritable au lieu de l’exprimer ; il fait tomber tous nos vêtements et découvre comme un corps nu notre intimité pure. À l’égard de la philosophie, le moraliste exerce un nouveau dépouillement : il lui retire cette armature logique par laquelle elle enserre la réalité, la domine en la contraignant, mais lui ôte si bien parfois la souplesse et la vie que l’on hésite à reconnaître, derrière le système, le visage familier qu’elle nous montre tous les jours. Le moraliste cherche à percevoir la nature de l’homme plutôt qu’à la déduire : mais il ne se distingue plus du philosophe quand celui-ci, faisant trève à sa dialectique, nous rend tout à coup présents à nous-mêmes par un simple trait qui nous illumine. Le moraliste semble garder la substance

Miêu-tâ nhà luân-ly

commune de la littérature et de la philosophie; mais il ôte à la première l’ornement et à la seconde les épines.

Nul pays ne compte autant de moralistes que le notre, et il n’y a pas de genre littéraire où s’exprime mieux notre génie. Nous ne demandons guère au roman ou au théâtre de susciter en nous les puissances du rêve ni de nous engager dans les conflits tragiques où nous ne sommes plus que les victimes mystérieuses du Destin : nous aimons surtout qu’on nous offre des situations à notre mesure, dans lesquelles nous retrouvons nos démarches les plus communes, où les forces qui nous sont opposées favorisent le jeu de nos pensées et de nos désirs, au lieu de les opprimer ou de les anéantir. Mais les œuvres que nous préférons peut-être sont celles qui ne craignent point de nous entretenir directement de l’homme, et par conséquent de nous-mêmes, sans avoir besoin de nous décrire les circonstances d’une vie particulière, qui nous découvrent seulement la racine de nos sentiments et de nos actions, et qui nous laissent le soin d’en suivre la croissance à travers les événements personnels que nous sommes seuls à connaître. Montaigne ne nous parle que de lui, mais avec tant de lucidité familière et avec une attention si complaisante à son train quotidien qu’il nous montre en chacun de nous un Montaigne ignoré, jouissant de lui-même, sensible à la vie, content de se posséder plus qu’avide de se dépasser, et cherchant le bonheur dans la maîtrise tranquille de ses mouvements les plus naturels. Pascal nous ôte la sécurité, et dans son âme déchirée nous retrouvons l’angoisse qu’éveille en nous le sentiment de notre destinée et cette


grande oscillation qui remplit l'horizon de notre existence et qui ne nous soulève d'une espérance infinie que pour nous faire retomber aussitôt dans les misères de notre amour-propre. De cet amour-propre qui ne cesse de nous blesser et de nous flatter, et qui trouve dans la bonté et dans la générosité ses formes les plus savantes, La Roche- foucauld, observateur cruel de la vie du monde nous montre la présence subtile dans nos démarches les plus innocentes: et s'il nous atteint d'une pointe si aiguë, c'est moins parce qu'il nous apprend à douter d'autrui que parce qu'il nous donne de nous-mêmes un spectacle dénudé et impitoyable.

Les portraits de La Bruyère rassemblent des traits épars empruntés au visage de tous les êtres que nous rencontrons; le peintre est amer, il fixe avec une netteté incisive tous les plis que la frivolité ou la passion impriment à notre physionomie et à notre maintien; et cette galerie où il nous promène, où défilent tant de types qui sont vrais sans être réels, et qui agissent avec tant de fédélité à eux-mêmes que la vie même leur semble retirée, nous inquiète sur le type qui déjà est en nous et qui se réalise sans doute à notre insu au moment même où nous avons encore l'illusion de délibérer et de choisir. Le jeune Vauvenargues lui-même, ambibeux et imposant à satisfaire son ambition, plein d'amour et de regret pour l'action qui le déçoit, pour la gloire qui se refuse, poursuivait la gloire littéraire à défaut de l'autre, et si plein de confiance dans les passions dont il vante l'énergie et qu'il cherche à discipliner, réussit encore à éveiller en nous toutes les puissances qui remplissaient son âme généreuse, à nous faire sentir en nous la présence de tous ces élans que la vie ne cesse de comprimer, et

hôn tê-tái của ông súc-dong tăm lòng khắc-khoái của ta mỗi khi nghi đến cái văn-mệnh ở đời, nhìn đến cái nhơn-giói của cuộc nhân-sinh như bội bèn nó rõi lại đầy sáng bên kia, khi lên cao thời tương bay-bằng bằng cái hi-vọng tuyêt-vời, khi xung thấp thi như chìm-dăm vào trọng cảm khó-não của cái lòng tự-āi vậy. Lòng tự-āi đó lạc náo nó cùng vò làm da ta lại vò va vô-vẽ ta, có khi nó khôn-khéo đến tơ ra nhân-từ quàng-dài nữa: La RocheFoucauld thường dem con mắt khốc-liệt mà quan-sát cuộc giao-tế ở đời, thấy trong những sự cử-dòng rãm-tãm-thường của người ta cũng có cái lòng tự-āi đó nó thường lẩn-khuất; ông châm-trich ta đưa, không phải là để dấy cho ta biết hoài-nghi đời với kẻ khắc, chinh là vì bày cho ta xem cái cánh-tương cầu ta một cách tro-tro m'vô-tình vậy. Đến những khúc trang nhân-vật của La Bruyère thời là gom-gõp những nét mặt của ta cả các hàng người mà ta thường gắp; tay về cùng cha-cay, bao nhiêu những cái đầu dực-tinh hay cái vị phù-phiembre nó in tren nét mặt hay nó lọ ở dạng người, đều như vạch chân ra không sa; tác-giả đưa ta dạo qua cái biết bay những khúc trang đó, thấy lần-lượt đủ các hàng người, không phải là người vô đức mà hết như thế, người nào tính-cach thể nào thi thủy-chung thượng-đờ một mục như thế, dưới như không phải là giống sinh-hoạt nữa, vậy mà nhìn qua một lượt ta cùng lạy làm chot đa, thấy trong mình ta đã sẵn có một cái kiên-mau người đó rồi, cố lại như lạc là mo-trương đường bán-tinh lý-chơn thò nó đã thành-hính mà ta không biết vây. Cho đến chúng Vauvenargues trẻ tổ kia, có chi công-danh mà không có tài thể được bừng công-danh, ham tiếc sự hành-dong làm cho mình thất-vọng, ham tiếc cái vính-du nó không đến với mình, không được hiền-vinh về sự-nghiệp thì tìm cái danh-
auxquels nous donnons au fond de nous-mêmes une satisfaction illusoire et solitaire qui finit par nous paraître plus pure.

En général, le moraliste ne se met point en scène, au moins d’une manière directe et personnelle. Il n’écrit point un journal intime, ni des mémoires, ni des confessions. Et les événements qui lui sont arrivés ou même les sentiments qu’il a éprouvés ne le retiennent que parce qu’ils lui révèlent une vérité humaine, c’est-à-dire qui est commune à tous. C’est que les traits de notre nature ont beaucoup plus de force, de gravité et de puissance d’émotion quand ils deviennent indépendants des anecdotes qui les traduisent ; ils nous livrent alors une disposition constante de l’âme dont tous les hommes sentent en eux la présence et retrouvent l’application dans le moindre de leurs mouvements. Le moraliste a de l’éloignement pour ces documents purement individuels, et qui peuvent séduire à la fois le romancier avide de renouveler sa matière et d’attiser la curiosité et l’auteur qui se confesse, toujours replié sur cet être qui vit en lui, qu’il n’ausculte avec tant d’émotion que parce que précisément il est unique au monde. Il peut même arriver, à l’inverse de Montaigne, qu’il se détourne avec une sorte de pudeur de ses propres singularités : et Montaigne ne s’y arrête ou ne s’y complaît que parce que, le goût qu’il y trouve, il est assuré que nous l’éprouvons pour nos nôtres. Ainsi le moraliste dirige naturellement son regard vers les parties universelles de la

giá về nghề văn vê, cho tinh-dục là mãn, tìn làm súc mãn dó mà muôn chê-ngru cho được; cho đén Vauvanquares dó cóng dem cái tâm-bôn không-khái mà kích-thích được ta, khiên cho lòng ta dũng-dược cõ-võ, dâ bê dô dê-nén mà không bông-hót lên dược, nhưng riêng mình văn được thôa-thích một mình, hư-không mà lại thuận-tuy biết bao vê.

nature humaine, et l'on peut penser que ce n'est pas seulement pour communiquer plus facilement avec autrui, mais pour établir lui-même sa propre vie dans cette région profonde où prennent naissance les sentiments essentiels et où tout souci d'originalité paraît frivole et dérisoire. Il ne peut donc aborder que ces thèmes éternels que tous les êtres méditent obscurement au fond de leur pensée et que le moindre événement se charge de rajeunir, à savoir la puissance de la vanité ou du désir, l'espérance du bonheur, la signification de la souffrance, les mouvements contraires de l'amour, de la jalousie ou de la haine et l'idée toujours présente de la mort qui donne à tous nos sentiments leur caractère à la fois si aigu et si précaire. C'est toujours un pépin pour un écrivain de se mesurer avec l'un de ces grands objets qui se trouvent toujours sous nos yeux, où il risque de montrer sa faiblesse s'il s'arrête à la surface, s'il ne dépasse pas l'opinion et même s'il n'atteint pas tout à fait le point où notre propre réflexion nous a déjà portés. Il faut donc, pour que le moraliste soit écouté, qu'il soit pour nous comme une conscience plus distincte, qu'il pénètre plus avant dans notre intimité que nous n'avions pu le faire seuls, qu'il nous rende notre vie cachée à la fois tout-à-fait nouvelle et tout-à-fait familière et qu'il semble nous apporter une révélation alors qu'il ne nous apporte rien de plus que notre présence à nous-mêmes. Mais cela n'est possible que parce que le moraliste est d'abord attentif à soi, ne cesse de s'examiner et de se juger, s'intéresse moins à ce qu'il sent qu'à savoir qu'il le sent, sacrifie l'amour-propre à la lucidité, et, en découvrant les motifs qui le font agir, nous oblige déc-tinh của mình,kế khắc tặctùng thiệt-tha đến cái déc-tinh của họ vậy. Như vậy thì mới nhã luận-ly là trư-phênh dề mất sinh vế cái phần dài-dông trong tâm-tình người ta, và só-dí-phênh khong nhưng lả dề dê gia-thông với kệ khắc, nhưng lả dề từ mình dêtre cái dối mình vào một cí tham-tràm kia, là nơi phát-nguyễn của các môi tỉnh-câm cô-twięu, đến đó thì cái lòng hiền-ký lập-dĩ tự cho là nhô-phen phù-phìêm vậy.Vây thì mới nhã luận-ly chỉ có thể nghĩa-cư và mây cái văn-dề-thiên-niên văn-vân kia, mà người ta ai cũng ngâm-nghi âm-thầm ở trong tư-trong, hệ có việc gì xảy đến thì nó lại xuất-hiện ra môí-mê như xưa, như là cái lòng hiền-danh, cái bàng tham-dực, cái hi-vọng về hạnh-phúc, cái y-nghi phía sự khó, nhưng môい thâ-tinh gia-lo, trên, ai-o tướng-tranh, cùng là cái quan-niêm thuong-thuong bát-diet vẻ sự-chết, làm cho hết thấy các tỉnh-câm của ta có một cái tỉnh-cách via thiet-tha mà via bát-thương vậy. Nhà văn mà ra tài đối với một cái văn-dề trong nhưng văn-dề lón-lao nó thuong-bây ra ở dưới con mà tò dò, thì văn là nguy-biên, vêu chỉ xét qua ở ngoài mắt mà thôi, không ở giữ được hon du-luân, hay là không quá được cái trinh-dô mà tự ta say-nghi đã tới rồi, thì dò dò lả bát-tài. Vây nhà luân-ly muôn cho được ngühr nghĩa, thì đối với ta phải có cái y-lúc phán-minh hon ta, phải thâu-dao đến tâm-tinh ta sau hon là ta, phải bài bò cái đối u-ăn của ta thế nào cho đối với ta văn môí mà văn quen, hinh như khắm-phà được cái gi là-tương cho ta, mà kỳ-thúc chỉ là dem ta mà biếu-lo cho ta biết dò thôi. Nhưng muôn cho được như thế thì mới nhã luân-ly trước hết phải chủ-y về mình, phải tự xét mình, tự phán-doán luôn, không dè y đến cái mình cảm mà dè y đến sự biết mình cảm, bồ lòng tự-ai mà cảu lay sáng-suối,khấm-phà nhưng lý-do hành-dòng của mình, tức là khiên cho ta cùng tư
à les découvrir en nous, presque sans l'avoir cherché.

Le moraliste regarde les autres avec la même perspicacité que lui-même. Il apprend à se connaître en eux aussi bien qu'en lui. Mais la vie intérieure d'autrui demeure close, et même elle se refuse à nous et se défend contre nous si nous tentons de la forcer : elle se soutient par la sympathie, qui est moins une demande qu'un don et qui nous livre à un autre plus encore qu'elle ne nous le livre ; seule, semble-t-il, elle peut nous permettre de comprendre un autre être, c'est-à-dire de faire naître en nous, par une sorte d'identification avec lui, tous les sentiments qu'il éprouve. Le moraliste ne refuse point le secours de la sympathie, mais elle ne lui suffit pas ; il arrive même qu'il s'en défie et qu'il sente pour elle peu de propension. Il a peur qu'elle n'adoucisse son regard, qu'elle ne le rende moins acéré et même qu'elle ne le voile pour éviter qu'il fasse une blessure. Celui qui cherche à se connaître lui-même avec une exacte rigueur et qui souvent, par crainte de se farder, perçoit en lui avec plus de netteté le mal qui le retient que le bien qui l'attire, montre généralement peu d'indulgence pour autrui ; il croit que la vérité ne lui échappe derrière l'apparence et qu'il ne se laisse tromper par un homme qui peut-être se trompe lui-même, comme il se trompe à son tour quand il suit sa propre pente. Et nous ne disons pas qu'il perd à l'égard des autres hommes toute sympathie, mais plutôt que cette sympathie prend une forme nouvelle, intellectuelle, amère et désabusée, et qu'elle se mue en un sentiment de cruelle fraternité.

Le moraliste n'a point de système et ne met pas sa confiance dans le raisonnement. Il a besoin d'un contact immédiat avec lui-même ou avec autrui pour saisir la vérité. Et
il n’y réussit pas toujours. Il arrive souvent qu’un événement grave ou émouvant ne lui apporte aucune lumière et qu’un geste à peine sensible lui dévoile tout le cœur humain ; il lui faut, pour percevoir le sens caché de quelque démarche ou le motif universel qui l’explique, certaines circonstances privilégiées, une attention particulièrement présente, et peut-être une heureuse fortune. La lucidité est une grâce que la volonté ne suffit pas à produire. Aussi les moralistes sont-ils incapables d’un discours continu : ils écrivent des maximes, des observations, des réflexions ou des remarques qui n’ont de valeur que parce qu’elles sont une exacte transcription de certains traits de lumière dans lesquels l’être intérieur se découvre à eux tout à coup. De là le désordre de leurs ouvrages, faits de vues successives entre lesquelles il n’y a pas toujours de lien ni même de cohercence : s’ils cherchent à y suppléer, c’est par un artifice qui ôte souvent à ces pensées dispensées leur force et leur éclat. Ils le savent bien, et ne consentent point à amortir par un développement le contact immédiat qu’ils ont obtenu : celui-ci leur apporte une révélation qui doit suffire à se justifier ; elle porte elle-même la marque de la vérité ; elle surpassé l’individu, le temps et le lieu ; elle est dépourvue comme une abstraction, mais sensible comme un être vivant ; et si on l’enferme dans des maximes où nul mot ne semble pouvoir se changer, c’est afin d’attester qu’elle ne change rien à l’aspect du réel, qu’elle n’y ajoute rien, surtout les grâces de l’expression, qu’elle se borne à nous le rendre présent avec une parfaite fidélité : c’est seulement quand la volonté s’efforce d’imiter la nature jusque dans cette sobriété que la simplicité de la maxime cède parfois la place à l’artifice du trait.

S’il fallait un exemple vivant qui nous permet de contrôler ce portrait du moraliste, M. Bernard Grasset pourrait nous le fournir. Homme d’action, incapable de séparer sa méditation sur l’homme des circonstances dans lesquelles sa vie est engagée, il écrit des Remarques sur l’action (N. R. F.) où il nous montre les déchirures que l’action impose à celui qui la sert, quand il ressent encore la curiosité de soi-même, le goût de la vie intérieure ou la volupté d’écrire. Mais en refléchissant sur le besoin d’agir il montre en lui une forme du besoin de créer, et dans le besoin de créer une forme du besoin de donner. Ainsi la source de l’action ne peut être que dans le cœur : et la recherche même de la gloire ne fait que poursuivre « on on ne sait quelle équivalence chimérique de l’amour ». La Psychologie de l’immortalité (N. R. F.) est une œuvre plus suivie, où se dessine déjà une interprétation du besoin de durer qui est au fond même de notre nature : déjà le philosophe y fait alliance avec le moraliste. Soit par la paternité, soit par l’action, soit par le livre, il n’y a point d’homme qui ne cherche à se survivre ; mais il succombe à une illusion s’il espère que cette survivance puisse jamais être celle de sa personne, car il ne peut l’obtenir que par le renoncement. C’est que toute création est un abandon ; et la même faculté d’abandon explique les créations de notre chair et celles de notre esprit. Bien plus, le propre des œuvres de notre amour, c’est que nous sommes toujours vaincus par elles : elles exigent de notre part une véritable dépossession, qui mêle son amertume aux triomphes de la paternité comme à ceux du génie. La nature nous demande une perpétuelle abdication de nous-mêmes : « Ce

n'est pas tant par ses dons qu'elle nous comble que par l'abandon qu'elle nous en permet. » On ne peut pénétrer plus avant que l'auteur dans le secret même de l'abandon, quand il y découvre non pas seulement « cette seule dépense de l'être qui suffit à transmettre la vie, mais l'acceptation par le créateur de l'indépendance de ses créations ». Nulle œuvre, en effet, ne subsiste que si elle a conquis la vie, c'est-à-dire l'indépendance, et c'est de sa propre puissance à la fin qu'elle est appelée à témoigner, et non plus de la nôtre.

Si la plupart des hommes ne prennent point conscience que toute action est un don et qu'elle exige un renoncement à soi-même, du moins faut-il reconnaître que le bonheur est leur préoccupation la plus commune : ainsi, en écrivant des Remarques sur le bonheur (N. R. F.), M. Bernard Grasset est fidèle à la tradition des purs moralistes qui cherchent à atteindre le fond de la nature humaine dans l'observation des sentiments les plus simples et les plus constants. Et si l'on reconnaît en lui la marque du moraliste, c'est parce qu'il donne la présence et la vie à des vérités que tout homme, au moment où on les lui révèle, pense avoir toujours portées dans son propre fond et que les événements de tous les jours ne cessent pourtant de lui faire oublier. On en jugera par les réflexions suivantes, que nous ne citons pas seulement pour faire connaître le tour de M. Grasset, mais aussi pour que chacun parvienne, en les méditant, à découvrir le véritable visage du bonheur : « Le bonheur
ne se cherche pas, on le rencontre. Il n'est que de savoir le reconnaître et de pouvoir l'accueillir. Ce n'est pas à la possession des biens qu'est attaché le bonheur, mais à la faculté d'en jouir. Le bonheur est une aptitude. Accepter les dépendances que nous imposent la Nature, c'est la sagesse ; les aimer, c'est le bonheur. Les plus grands bonheurs humains sont des servitudes bienheureuses.

Ces quelques observations nous permettent d'achever le portrait du moraliste. Car le regard qu'il dirige sur l'homme n'est pas seulement chargé d'une vaine curiosité ni de cet amour de soi par lequel chacun de nous essaye d'acquérir une parfaite possession de lui-même. Seul mérite le nom de moraliste celui qui tout à la fois ne s'intéresse qu'à son être invisible et pense découvrir, dans la lumière même par laquelle il l'éclaire, les seules valeurs qui puissent émouvoir sa volonté et la satisfaire. La connaissance de soi ne nous met pas en présence d'un spectacle que nous puissions nous contenter de décrire. Ce spectacle, nous ne cessons en même temps de le percevoir et de le créer : il ne contient que des puissances qui s'exercent, de préférences qui se manifestent. Qui pourrait dire quand il s'examine où cesse la pure connaissance de ce qu'il est, où commence le propos de mieux régler sa conduite ? C'est qu'il n'y a rien de plus en nous que des mouvements intérieurs qu'il nous est impossible de pénétrer sans qu'ils nous révèlent aussitôt leur profondeur ou leur inanité. Apprendre à nous connaître, c'est chercher notre plus profond désir.


Cái đặc-tính của nhà luôn-lý, là chỉ lấy người ta làm mục-dịch. Mà cái phẩm-vi của nhà luôn-lý là xét về cái
cet homme que chacun porte au cœur de soi, qui est plus vrai que l'homme de chair qui s'exprime par des gestes et par des paroles, et que celui-ci cherche toujours, sans y parvenir, à manifester. Un tel domaine est infini ; nous n'épuiserons jamais cet être toujours en train de se former ; et notre attention retouve toujours avec la même émotion les essais sans cesse recommencés par lesquels, en chaque individu, l'homme entreprend éternellement de se réaliser. Il faut, comme le moraliste, avoir un contact constant et serré avec soi, être capable de le maintenir et de le renouveler à travers toutes les révélations que la conscience nous fait chaque jour, et même garder cette amertume et cette cruauté qui accompagnent toute pénétration sincère au fond de notre nature déshéritée, si l'on veut que la philosophie, en découvrant l'unité de l'homme et du monde, achève de nous rendre intelligibles à nous-mêmes, et que la vie spirituelle, en nous unissant à un principe qui nous est présent et qui nous dépasse, rassemble et comble toutes nos aspirations dispersées.

Louis Lavelle


Hống-nhân dịch
CÂU CHUYỆN BA KHÚC RỒNG

Rồng là một thứ vật người ta trồng-tường ra, bình-thết thật đẹp, tính-thần thật mạnh, vật khác không thể vì được, để vì với những bậc thành-biện, tài cao tự rồng, người khác không thể vì được. Cúng như kê ra con kỳ-lân, con phượng-hoàng, đều là con vật trồng-tường ra cát, không phải là con vật thực có.


Một khi Quản-Ninh cùng với Hào-Hâm cùng cây đất để trong rau. Luợt cây thứ nhất, Quản-Ninh thấy dưới đất có khối vàng, Quản-Ninh cử việc vậy cây mà cây, chẳng dại đến vàng, có vàng cùng như hồn sôi hồn dựa. Đến lượt cây thứ hai, Hào-Hâm thấy khối vàng, khum-nhum cuộc xuống ngắn lên tay, ngậm-nghẹi rồi lại nếm di.


Lại một hôm Quản-Ninh với Hào-Hâm đồng cùng nhau ngồi ở trong nhà đọc sách, ngoài cửa nghe có tiếng xể nghĩa của kẻ sang. Hào-Hâm chạy ra cửa dom, Quản-Ninh trách rằng: "Cái phụ-qui mà phải đạo, thì trương mình có thể làm ra được, lại phải dom người khác đó ru!"


Về sau Hào-Hâm thì tự khi đã tuyệt-giao với Quản-Ninh, già may già nuốc miền Bắc-hải, già bán già sách đất Liêu-dông di vế nói-dịa theo Tào Tháo, làm chức quan theo hầu ở duy phủ thừa-tường. Biệt Tào Tháo có chỉ ño esper ngồi nhà Hán, hết sêc a-dan, hết
lồng phô gió nhốt. Một khi Thảo Thảo có 

lệnh sai Hoa-Hampton các trung vào 
cung Hán Hiền-dệ bất hạnh-hậu là 
dằng với Phúc-Hoàn dem grief di, vi 
Phúc-Hoàn trung với nhà Hán mà 
phấn-dội Thảo Thảo.

Khi do Thảo-bình đến trước sân rồng, 
các trung đều còn có tương-tám, cho 
nên ai ù của đại lái tàu trong 
khong nró bước lên điện. Duy có Hoa-
Ham, hành-ham chong grom di lên bể 
bước vào điện. Bây Phúc-hậu trước 
công đường ở đăng sang sau Hiền-dệ, 
học-lóc lậu vua bệnh-vực cho. Vua 
cùng khỏe-tốc tô y không bệnh-vực 
nói. Lịnian Thọ Hoa-Hampton sung-sy lên, 
Phúc-hậu bát-dác-dĩ chagy vào trong 
cung, nâu mình vào trong cái vách xây 
kin. Hoa-Hampton cùng máy vủng-sĩ chagy 
theo vào cung lồng-soat, phá vách cảm 
tóc Phúc-hậu lói ra, kéo qua trước mặt 
Hiền-dệ, áp thương về phụ thừa-trượng 
hạnh-hinh.

Khi Phúc-hậu qua mặt Hiền-dệ, chỉ 
nói được một câu rằng: «Lâm thiên-từ 
mà khóng cười được vơ thi làm thiên-từ 
lâm chỉ!» Hiền-dệ cùng khóng trả lời 
dược câu gì, chỉ tự tra ngài viết mình 
xương chiếu rồng mà thôi. Ai này đều 
lấy làm đau lòng ngai mặt, mà Hoa- 
Ham vun đong đúng tử đắc, tử cho 
minh là cỏ công to.

Kể về cai công cười đỉnh nhà Hán, 
thi Hoa-Hampton cùng đúng vevai thú hai, 
mà kể về cái tài làm cho mau chóng 
dược phu-qui, thì Hoa-Hampton cùng đúng 
vể hàng thứ nhất. Thế là khác đau 
rồng đa đôi lót Tại đối dài, khong phải 
là đau rồng nữa.

Quan-Ninh thì thứ-chưng làm một 
người ăn-sĩ đất Liêu-dông, tu-tính tiêu-
thành mình, trong-sach như bảm-tuyệt. 
Thương doi chiec mủ den và mạc áo 
quần den, lấy nghĩa là huyễn-mịch, 
chàng thanh sáng với đối. Mây nước 
trång tuyết, dô là cái phong-vị thứ-
thúc trong bón múa ở Bác-hài của 
Quan-Ninh. Hằng ngày ra cây ruộng 
ở bè Bác-hài, khi vẻ thi chỉ ngồi ở trên 
một cái giuong bằng gô lé, trước sau 
ba-muội năm cả thây, chờ thành giuong 
là chờ thưỡng đạt đầu vị tương trong 
giền món.

Vien thái-thú là Công-Tông Đô thưỡng 
khíng-trong Quan-Ninh,mòi Quan-Ninh 
vô giới tien-kien, hoặc có khi đến tận 
chô thô-trong tien-kien Quan-Ninh. Khi 
tien-kien Công-Tông Đô thi Quan-Ninh 
chỉ nói chuyện Thi Thu mà chẳng nói 
dên việc đội. Tuy vậy Quan-Ninh cũng 
khong phải là kẻ yềm-thế, thương tamp-
hợp học trợ, giang nghĩa kinh Thi kinh 
Thur. Duy có một mòi nghiêng-khác, là 
phái ban học-trơ thi không tien-kien 
ai. Đó cũng là một cách chẳng ra tặc 
vây. Nhưng cái danh-dợ Quan-Ninh 
càng hiện-trừ ở đất Liêu-dông, người 
Liêu-dông ai này đều kinh-môn. Mái 
den ngày sau, ông Văn Thiên-Trương 
nhà Tống làm bài Chinh-khi ca, cùng 
kể ra chiec mủ Liêu-dông của Quan-
Ninh nhà Hán để vê với bài biểu Xuất-
sự của Chu-Cát Lương trong Thuc, mai 
chéo do-giang của Lưu Côn nhà Tấn, 
cái hớt-kích-tắc của Hà Phồn nhà 
Đường. Thi ra khác duôi ròng nghịm 
nhân vân còn vật-vêo làm!

Con Bình-Nguyễn thì khong tìm đầu 
cho thấy lịch-sử ca. Chỉ biết rằng Bình-
Nguyễn có kết bàn với Quan-Ninh, Hoa-
Ham,khi họ Quan cây đất thằng rau,khi 
họ Quan đọc sách thì họ Binh tất cùng 
trong rau cũng đọc sách. Khi họ Hoa 
khóm-núm nhất vang, thì họ Bình tát 
không khóm-núm nhất vang. Khi họ 
Hoa dom cu ra thì họ Binh tát không 
dóm cu. Nếu họ Bình mà khóm-núm 
nhất vang hay là dom cu, thì tát là da 
tho họ Hoa và với Thảo Thảo học 
chong grom lói tòc tự báo giờ rói, hạn 
khoong cùng ? và họ Quan ở đất Liêu-
dông mà cây rau đọc sách nữa.
Thi ra cái ịch-sử Binh-Nguyễn, phải
lấy ý đoạn thi mới tìm ra, khúc sống
rồng cũng khó mà bán được. Nhưng
xông xin giải ra từng khúc mà làn
lướt bàn ra cho vu thế cả chuyện.

Trước hay bán về khúc đầu rồng.

Rồng là một thứ được đường trọng,
linh, hương-chi lại là khúc đầu, thì lại
vàng-vàng làm, hiền-hắc làm. Kìa
bác Hoa-Hám kia, thực là một giọng
tiếu-nhăn, cấp-c aprove-qui, thường
cũng là đại đến cộc-diểm. A-dua với
một kẹo gian-hứng, không đào gì đến
thiền-dụ nhán-dào, bác là loại thu dư
chó sần, có hỏi-hường gì với họ nhà
rồng, bông-dạng gì là về loại rồng, mà
doi ấy tăng cho bác cái duy-hieu là
rồng! Lại chẳng tăng cho bác cái duy-
hieu là mong rồng hay là vậy rồng, mà
tăng cho bác cái duy-hieu là đầu rồng,
lại là có sao?

Thức-gia nên biết rằng cuộc đời
thường có một thứ người chân-tiếu-
nhăn, thường lắm ra được một cách
nguy-quan tự. Bạch-nguy-quan-từ, chinh là cái bàn-sắc của kẻ chân-tiếu
nhăn vậy. Chắc là khi ba người biết đầu
mùn bất-chước ông Y-Đoàn, ông Bá-
Đi, tranh định ra ở ile-dông, Hoa-Hám
tắt đường ra làm lãnh-lưu. Khi giảng-bản
dến đào vua Nghĩa vua Thuận, Hoa-
Hám tật cả miệng nói nhieu. Khi ngâm-
ngọi đến mâu trăng lụyết ở bè Bác,
Hoa-Hám tật nói rung tay mửa. Hoặc
cũng có khi trông về có-quốc tức mình
mạng Tảo Thảo, Hoa-Hám lại mạng
trực. Hay hoặc thương tình vua Hiền-
dế, Hoa-Hám tật hu-hu không vua, giọt
lê chan-chua hơn người. Vì những
có ấy, cho nên đặt Lưu-dông đã chẳng
có rồng thi chờ, đặt Lưu-dông mà đã
có rồng, thì khúc đầu rồng chẳng thuộc
về phần Hoa-Hám lại thuộc về phần ai?

Lại còn một nghĩa nữa, Hoa-Hám có
phải là tham vàng đầu, có phải là trong
thây vàng mà hip mặt lại, vội-vàng bo
túi đầu. Hoa-l'am nhất vàng lên tay
rơi lại ném di, chẳng phải là có ca thi
quán-từ dày u? Nhưng không biết rằng
thay vàng hip mặt là hạng tiếu-nhăn
thông-thường; thay vàng thật lại rơi
lại ném di, dưới như thấy-bi rồng là
chẳng tham vàng đấy, mới làm hạng
tieu-nhăn qui-quái. Nhưng lại phải biết
phải kẻ tiêu-nhăn, hết thay vàng tùy
chưa hip mặt, nhưng cũng rõ dải, tự
cẩm lên tay ngấm-nhíe dại rồi môi vị
di, không khi nào thân-nhien có vang
nghỉ sau đã được, ấy là cái tâm-lý của
cái tiêu-nhăn. Sau này cái sự-nghiệp
phó Tảo coppia Hân của Hoa-Hám, can-
nguyễn ở chơn náo mà phát-hien ra?
Can-nguyễn ở chơn khum-nhum nhất
vàng mà phát-hién ra vậy. Nghĩa ấy cón
nhân đã từng bán đến, nay nhân thứ
ra.

Đâm máy trường trên trời, phut chê
biền ra con cho xanh, đời xua vẫn có
lời ấy. Dưỡng lúc là máy ở trên trời,
thiên-hà thà-ho sáng-bài máy; đến
lúc biết ra chỗ, thiên-hà thà-hở
nhiệt máy nào. Cuộc đời có thể, sự
người lại không!

Bắc Hoa-Hám kia, đường lúc để-hủ
với họ Quản họ Bình, thì thiên-hà
thiều gi kẻ sáng-bài Hoa-Hám, gọi Hoa-
Hám là đầu rồng. Kể đến lúc biết ra
kể urs-kyoten họ Tảo, thì thiên-hà
mạng nhiều Hoa-Hám đã chán, lại si
thay cho cái danh-hieu đầu rồng.

Thứ hai xin bán về khúc duôi rồng.

Con rồng thiêng kia tốt đẹp vi duơi,
màn-mể vi duơi. Giờ rồng không
như giờ khác. Giờ khác thì cái
duôi chẳng qua là thế phù-thộc mà
thôi, giờ rồng thì cái duôi lại là thế
chủ-học chủ-dòng. Nếu rồng mà mất
duôi, thì bảo nhiều cái tính-thần thiêng-
liêng, cái thế-thái dep-de, cái năng-lyc
vay-vùng đều mất cả. Con rồng đất
Lưu-dông chia ra ba khúc, khúc duôi
về phần Quản-Ninh thực là xứng-dàng.


Lại một điều cải đạt trồng rau, thấy vàng chẳng nhat, nhất người trưởng xem ra, thì thực là lả qua. Thiên-hà lại chẳng có kẻ chế thấy là cao-thương quá mà hóa ra hàng người gan đây ư! Lẽ ấy thường-tuy tính-vi, cùng ít người hiểu Thu.


Chăng xem bác Hòa-Hảm thấy vàng mà dòng-tâm đầy ư! Ngày tháng chẳng bao lâu, đã kiến cho cái dâu rồng biến ra cái dâu gi, mà không phải dâu rồng nữa. Nếu thấy Quán-Ninh thấy vàng mà cung dòng-tâm, thì chắc là cái đuổi rồng cũng biến ra cái đuổi gi, mà không phải là đuổi rồng nữa.

Thủ ba xin bàn về khúc long rồng.

Rồng xin depth về cái dâu, vung vây về cái dâu, cái lầm làm gì dở? Kẻ ra để đủ bộ-phân con rồng, không phải là thú đây mà thôi. Cho nên khúc long rồng bao-hàm có cái tình-cách thanh-tinh vò-vi của họ Lào, thành-nhan vồ-danhang của họ Trang, sắc-không
của họ Phật, trung-dụng của họ Khổng.
Vậy thì cái lịch-sử lung ròng là cái lịch-sử mập-mò, không phải là cái lịch-sử rứ-rệt; là cái lịch-sử trơn-chuột, không phải là cái lịch-sử gai-gòn, là cái lịch-sử bình-thường, không phải là cái lịch-sử kỳ-quáy.


Nay người-nhiên được một thứ nhân-vật khen không phải khen, chê không phải chê, dè phạm-dề lạy một cách huyết-dịch thanh-cao, cùng là một phép tiêu-thu mỗi-mẻ con nhà văn vay. Cho nên phán kẻ khéo về rồng, về dầu rồng khéo chưa phải là khéo, về dưới rồng khéo cũng chưa phải là khéo, hoặc về lung rồng khéo mới là khéo chẳng!


Tho

1. - Nghi để Quán Hoasurname thư thái dộ

Hoa Văn Bằng

Bắc-hải yên ba lục nguyệt thâm,
特情意气好相寻
Đại thanh y khi hữu trống tâm;

2. - Nghi để Quán-Ninh huy surname sự dős

题管案挥动图

Dao Đông nhất oft yêu nhân binh

Lưu động nhất nào ho hàn ngâm,

3. - Vinh Bính-Nguyễn

詠箋原

Trần thương đầu lộc thề tuổi

Tiên sinh troc thế người cụ Linh.

何許人哉幾自強

Hà hữu nhân tài kỳ tư nghiền:

Hoa Quán chỉ gian riêng kiến ngã,

倗曹此外不聞通

Hán Tào thế người bất vấn triều;
1. - Uớm cỏ bướm tranh Quân-Hoa sữ-thái (1)

Chiếc mủ den mộc thểch,
Dù khiền người ngàn-vphinx khách Liên-dông;

2. - Uớm cỏ bướm tranh Quân-Ninh huy sữ (4)

Chiếc mủ den mộc thểch,
Dù khiền người ngàn-vphinx khách Liên-dông;

Trường năm xua vất-vạt khúc dĩioi rạng,
Tình-thần ấy ưngünk thu muôn kiếp.
Neo khó cây rau là sữ-nghiệp,
Gặp vắng chẳng nhất thây tâm ông.
Chiếc giương mấy trên bể bông trắng rạng,
Xẻ ngoài cửa mặc ăn ăn ai phủ-qui.
Nguy tuôn hối hòa-công ai kheo về,
Về cho chửa đáng bể moi chang;
Hoà-Hâm khâm-nâm nhất vẳng!

3. - Vĩnh Bình-Nguyễn

Dội là dội mạt,
Vây nhả thấy dùng-dình cắt sâng Liêu;
Hỏi tiến-sinh nhân-vặt thế nào,
Ai cùng biết mà ai khôn biết cả.
Hoa Quân chỉ gian ung kiến ngã,
Hàm Tảo thú ngoại bâi vấn triêu;
Bàn đi cây vui thụ đào vua Nghiêu,
Nghệ chủ Trích xoay vâng thời cùng lay.
Đưới rồng đây mà đầu rồng là thê đày.
Lời khen chỉ miếng tiếc biết bao cùng.
Thời thọa thua khúc long rạng!

NGUYỄN ĐON-PHỤC

(1) Quân Hoa sữ-thái = Quân-Ninh Hoa-Hampire cây đất trồng rau.
(2) Thang Văn Y Lạ = Ông Y-Đoàn ông Lã Vong đêu là bực biến-tríet trận doí ngày xua,
cô vua Thượng-Thang vua Chu-Văn còn ra, mới ra giúp đời.
(3) Trạng-Thư Kiệt-Nich = Tên hai người biến-sỉ cao-ăn ở đói Xuân-lụn, cùng nhau kề bầu búa đi cây dối.
(4) Quân-Ninh huy sữ = Quân-Ninh cứ việc vậy cây mà cây, lá ý chẳng doái đến vãng.
LY-THÚ ĐỌC SÁCH (1)

Nhận vì ngày đình cựu lê phát phản thương cho trường Số-đảng tiểu-học, nhưng tôi nằm nằm cây-bạch quả, không được sâm-sưa đáp-liêng, trồng qua quảng-cảnh, các ngày cùng biết là không được về-vang long-trọng như năm rồi (2).


Càng nhận ngày đình cựu-bạch mà trong khi ban tinh lôi-chuộc cuộc thế, ban tôi có ngưới than là sợ không biết sẵn được vật thương cho xưng-dáng. Nghe qua, tôi lại ban to lớn về nơi "lai-chánh" không có, tôi mỗi dập:

— Có gì mà to, chỉ sợ không tiến mà thôi, nên dã có tiền, chỉ bác ngờ ra nhà hàng thì đã được bao nhiêu là vật thương tuỗi sáng tốt đẹp.

Dày giờ ban tôi mỗi hiểu cho tôi rằng không phải là phán-nạn về nơi Không tiến mà phán-nạn về nơi không có vật thương cho xưng-dáng. Vật thương mà nói xưng-dáng đó há có phải là dã choi vài la, hay vừa-là chuẩn-nghĩa đi.

Phải làm vật thương cho học-trò mà nói xưng-dáng đó là xưng-dáng về đường văn-chương học-thủ, thi dâu cho gì ố vòt tran-bảo mà đã có ố ỉng gi, vịt gi nữa cùng không bằng quyen sách. Nếu làm vật thương cho học-trò mà không có sách thì chưa phải là phát thương có ố-nhĩa và chưa phải là vật thương được xưng-dáng vậy (3).


Ai cũng bao xem sách là dã cười Large khaí-thông tri-thức, tăng-trưởng đạo-dực, dã sống tài sống mà ra, dã cười bò-ich cho su học-hành, nhưng ố dã cùng chỉ là câu lày cái vui thú mà thôi, chỉ nên dã có câu nói "yếu sách như yếu giải dep". — Lại thị-thức gắng dàu nên bao nhiêu những còn-viec ở dời, từ việc lớn đến việc nhỏ, việc ấy cùng chỉ là câu dãt muc-dích mà thôi. Vay dãt muc-dích là dã câu lày gi?


(2) Xem bài "Việc giáo-dục ở Phường-thành", N.P. số 144.
(3) Hà-liên tính nhở, không sẵn có hiệu sách, mua sách phải gửi tận Sai-gòn, Hà-nội.
không có kết quả. Vây sự ích-loi đâu
không nổi mà tự-nhiên cũng đã có, vì
nếu xem sách mà không biết được chỗ
vui-thú thì tất không có bội-ich gì; trại
lại nếu đã biết được danh cãi vui
thú thì tất có nhiều bội-ich. Mà nói
“vui”, đó là vui về tình-thân, không
phải vui về vật-chất, nên nói “ly-thú”,
tức là vui có nghĩa-lý chứ không phải
là vui trong cùng vây.

Tiên-nho Hoàng Đình-Kiên có cau
nói: “Kể si dại-phu ba ngày không
xem sách thì nghĩa-lý không gia-o-lop
trong lòng, nên vào lòng từ trống
thấy mất đáng ghét, đối với người cải
tiếng nói ra lỡ vô chỉ khó nghe”. Đó là
nói độc sách căn cho sự sinh-hoạt,
hứng-thú về đường tình-thân rất nhiều.
Người ta không ăn không lấy gì bồ-
dường cho thân-thể, không học không
lấy gì bồ-dường cho trí-nào; về đường
vật-chất, không thể nhìn an được một
ngày thì về đường tình-thân sao có
nhân học được lâu hơn, cho nên câu
nói: “Không độc sách ba ngày...” có
con là lâu vây. Ngươi ta học với thầy
con có hạn, chút học bằng sách là viên
vàng, không có lúc nào là lúc nén nghi,
mà đa là kẻ học trò thì quyển sách là
người bạn bất-bất, lấy làm tâm lý-thú
sởi đời.

Cái lý-thú của việc độc sách có thể
chỉ làm hai quan-câm: là trực-tield
hứng-thú và gián-tield hứng-thú.

a) — Trực-tield hứng-thú là khi gắp
sách đong-ý với mình; những
ý-kiên lý-tưởng mình đa từng suy-
ngợi đến mà chưa từng phó-diễn ra
dược, nay gắp lời sách nghĩa-luan xác-
tắc, diển-là phán-minh, biết sang-sua
rõ-ràng thêm những lý-tưởng ý-kiên
của mình, hứng-thú phát-sinh ngay
trên quyển sách, lấy làm tư-dắc trường
chứng như, những lời kia là lời trong
tầm mình tôi lên. Hay gắp sách tân-
mỉ những luôn-lý đao-dục, phong-nhá
anh-hùng, những điều hay lẽ phải,
hướng, có tăng-đô cho sự học, vì tri-nâo phải nghị-nghi, hoặt-dộng tân, có như thế mới khiến cho mình phải phê-binh phân-doàn để cầu lấy sáng-sủa tư-trường, rể-ràng nghĩa lý Hơn thêm, chỉ không có nhìn như cái khóa chưa, bao nhiều tư-trưởng lập-nRESP góc-phức đều chất-chứa vào đó cả, như dẫn mà không tiêu-hóa, tích-lũy lâu ngày đến làm cho tư-tác ngưng-trệ lại mà khiến cho tri-nâo năng-lực không vẫn-dòng được nữa, làm cho kem sút cái tư-tác đó giác của mình di, giảm mất cái chủ-quyền phân-doàn của mình di; có khi ơi lời quan quan đối tỉnh-ma cả tâm-chí, chán-đát cả tinh-thần, mê-hồn, bại-tri. Nếu độc sách như thế thì càng ngày càng lời-tâm nhu mùi, suốt đời làm cho sách thị sự đọc sách còn có bỗ-ich gì, còn có hỏi-thú gì đâu! — Nói riêng độc sách phải như con lắm mà sự độc sách cũng như sự nuôi tâm làm; con tâm khi ăn, thì ăn là đầu mà khi nhà lại nhà ra thi tư; con tâm càng chẳng là con vật hay độ ru? Lá đầu là vật tăm-thương mà hão ra được sự to là vật qui-bầu thì sự nuôi tâm chẳng là một sự hưng-thụ độ ru? Nếu con tâm khi ăn là đầu mà khi nhà cũng còn là đầu thì con tâm kia đã có hay mà sự nuôi tâm còn cố gì là hưng-thụ. Từ cùng như chuyện người thơ dạo bính ở nơi chuyền với vua Hoàn-công nước Tế. Bằng xè có khi tôi khi nhớ, khi ròng khi bỏ việc trách, mên chế được cái banh xè dep phải tùy hình mà biến-bào, chủ ha chỉ có giữ mỗi một cái kiều-mầu từ đời cơ truyền lại được hay sao? Thi sự đọc sách cũng vậy, phải tùy thời mà vận-dung, tùy cảnh mà diễn-tả, chủ ha có nên cổ-chấp cái-nê mài những câu sách có đó hay sao? Đọc sách mà không tìm được chỗ nghĩa-lý tính-vi, không thấy được chân-lực-thủ cao-thường, thì cùng với kẻ không đọc sách đã có khác gì nhau. "Nghề chời cùng

Có bài đỗ văn dân ra sau nay đã exc-ta cái lý-thú của sự xem sách:


— Vi environment class talk cho Lạng Quang-Lạc nói rằng: Về nhà nằm trong thư-động, ta cã thức, không tiếc ai nữa, một mình một quyền sách xem ch Artículo cho do buôn. Đôi khi người
ngạt ngửng trên giếng, nghe tiếng mưa trong cay thơm, âm ấm như nước réo. Rồi chén rượu trong suốt, bong bóng lòng lành như vàng trang in xưởng mặt sọn màu thu, uống một hổi, tanh bùt như ngàn tuyết. Bay gió giở sương quả, lưng như làm vua mà cũng không bằng, còn tướng gi trân tieng khiên che vôi bồn thơng-nhanh nửa» (Phan Kế-Bình dịch cỏ-văn).

Áy, rừng ven ngan-ngài có đẹp hòa thơm, cõi học thanh-kỳ trăng trong gió

THẦM ONGL PHẠM QUYNH (1)

Sài-gòn ha-tuan tháng 11 năm 1931
Một nhà khách-san lớn gần mê sòng Sài-gòn.
--- Phòng số... Phía nào?
--- Đây. Có ông ở nhà đấy.
Người có phòng với gó cửa, cánh cửa mở hề sản.
Phía trong có tiếng cho vào. Lại có tiếng giây dài rất mảnh.
--- Ông là ông Phạm?
--- Ông Kim?
Ông Phạm Quỳnh hỏi tôi như thế, rồi cười và cùng đi vào trong, phia gần cửa số, được trong ngoe may cây me được đương. Hơn nay trời tổ rỡ, cánh-vạt bao quanh đầu vui lòng chào đời anh sáng buội som.
Ông Phạm nói:
--- Tôi ông ngô ngày.
Rồi thị cũ nói chuyện, trong lòng tôi thật vui-vẻ quá. Có mấy khi kể Nam người Bắc mà được gần như thế này.

Vượng tiền-sinh hỏi: --- Thấy đi đương khó học không, có hào tiến của không, có dâu ơm không?

(1) Bài này của ông Nguyễn Văn-Kiem & Nam-trung gửi ra đã may tháng nay, bản-chi có ỷ ngần-ngãi không muốn đăng, nhưng sự phù lòng tác-giả, là một bản nhiệt-thành của quốc-văn và của bản-chi này lâu nay. Vầy kỳ này đăng báo, duy có bò hớt di may doan có ý quá khen. — N. - P.
Nghĩa của học-sinh đáp là có.

Ông nói: — Thùy quyết-dình đến thẩm tôi, gập nhiều sự khó-khăn mà rồi cùng đến làm được. Nay thấy muốn học, rồi cùng học được, không cần hỏi-han gì thêm nữa, v. v..


Tại của bi-nhanh đây đề đau đâm sành tài thấy học-sinh cao-dàng vừa kề chuyền ở trên.

Tuy thế, nhưng tôi cũng tự hỏi: tự-tường, y-kień ông Phạm Quỳnh đã dài bây hay ông muốn năm này trên các bạ-chi. Nay còn mong được nghe điều gì mới lâ nữa mà đến thẩm ông, chẳng khỏi mà lâm một ngóng-cuỗng!

Thôi thì đánh không học thêm điều mới lâ, nhưng đau chỉ được biết dưng-nhan ông cũng là một điều mới lâ đó.

Tới ở Tấn-an, cả ông một tháng trước chửa rô Bài-hợi-nghi kinh-lê tài-chánh Đông-Pháp sẽ họp ngày nào, lại rô ông Phạm có vào Sai-gòn không?

Vi có chút việc nhà, nên tôi đến Sai-gòn tìm Bài-hợi-nghi đã khai-mạc bâc Trước. Lại dâ, lâm ông Phạm, giữa may ngày hợi-nghi họp kin, nhất là bông-ở (Tới chưa có tân nhu các phòng-sư-viên may bâc lơn bên Âu-châu).

Tới gửi bức điện-tin xin xét-kien. Ông trả lời hẹn ngày mấy, giờ ấy... ...

Ông Phạm đòi khẩn den, mặc áo trang đài. Người ông cao lắm, mà vài thất khôm. Mặt ro hoai mà, con mất lanh-le, cân-thi, và thất sán. Dêm sánh sức khỏe với các danh-si Tây-phương thì sức ông Phạm còn kém. Ông x-hối nước Nam, sức khỏe như ông vừa đến mục trung-bình, nên liệu mà tăng-tiền

thém lên. Sức khỏe chưa nhiều, cùng còn là trường nhà nho, nhưng di đúng nhâm-le, nói chuyện lớn tiếng, chẳng khác người Tây-phương.

Gươm mắt ông hiển-lành, đầy-dài, có lẽ ngây này ông có đã có thít hon khi vào Nam-ký lần trước nhất, vào năm 1919 vậy.

Lâu nay, tôi đọc câu của Herbert Spencer: « Dói nay, càng nhanh muốn dác-thăng, điều-kien thứ nhất minh phải là con vật mảnh (un bon animal) ». Tôi nghĩ câu ấy là hay, tôi nghĩ là làm việc lôn diệu thứ nhất là cái sức mạnh vậy.

Nay trong thấy ông ông Phạm, thật tôi không làm.

Nhưng cái tình-thần lại cùng phải là hoat-bắt lắm, dâ la lẽ ciò-nhien.

Ông được âm diêm-tám, trên bàn có mấy quyển sách, mấy bực dia-dó, ông đã cứ xuống hân mà xem khi nay, khi tôi chua bước vào.

Ông Phạm hỏi:

— Ông con ở Hà-tien không? Có dời di Tây-ninh không?

Tới có bệnh, về nghĩ ở Tấn-an. Không quyết là bệnh chỉ, nhưng trong ngực yếu lắm.

Ông nói:

— Người ông ơm quâ, mất mùa nhiều. Ông có xem sách, dịch sách cho giải phiền?

— Viéc xem sách chẳng phải giải phiền thôi, lại phải lo học, mà học thì phải học hàng ngày. Tôi không biết học thế nào.


người ta, người ta chưa thực-hành mà mình thực-hành sao được?... Tôi có viết thơ cho ông Phặc, nói tôi sẽ vào Sài-gòn. Ông Phặc có cho ông xem thơ chưa?


Ông Phạm nói:

— Tôi titular Di Đa-thiên Đa-thich (Angkor). Có thể ghé Hà-thiên được không? Hà-thiên bao xa?

— Cách Sài-gòn hơn 340 cây số.


Ông Phạm nói sở bảo Nam-Phong bán ở Nam gần bằng ngoại Bắc.

Tôi nói:


Ông Phạm nói:

— Lời xin của mấy ông cũng giống, the là chúng tôi đồng y nhau ca về cải văn-dề quan-trường đó, tôi lấy làm mừng.

Đằng nói về việc học ở nước Nam, tôi lại nói sang việc Hạ-nghi-viên bên Pháp.


Kể đồng-hương, là quan cứu cai-trị René Maran, hết sức phán-dối ông.


Kể đó nói đến chủ-nghi-viên quốc-gia.

Ông Phạm nói:

— Nuốc Nam không theo chủ-nghi-viên quốc-gia sao được? Việc cần-
cap nhất dạy giờ là phải làm sao trong các cũ người. Khuyến dàn sao phải thường nuốc, thường nhà, mà không phải là không tổng quyền Chinh-phủ Bảo-hỏ.

- Điều ấy cần dây làm. Hiện nay cho đến người học Cao-dâng, cũng còn làm người kiếm được nhiều tiền thì thôi, việc nhà việc nước mặc ai ai, có không?

- Tôi cũng thấy như vậy. Tư mình không làm gì, mà người ta làm thì hay ché.

Tôi hồi về cách làm việc, ông Phạm nói:


Đương nói về chinh-trị, liên nói đến cần chuyen học quốc-văn, cần chuyen đúng quốc-văn để dạy học, là một điều ông Phạm rất nhiệt-thành chư-trương dạy lâu nay.

Tôi nói:

- Ông Nguyễn Văn-Liên, biến-thúc tôi, muốn xin phép yếu-kien ông và mời ông diễn-thuyết về vấn-de tieng nói, văn-de tieng co-quan.


Ông cũng hỏi-han về nhà tôi, về công việc riêng tôi, về cái chi-thủ của tôi, tôi cũng thành-thực cảm-dũng mà đáp lại.

Tôi đã trưa, dưới đường xem dì vang người. Tôi vẫn biết trưa, nhưng mà ngay-say, meine câu chuyện mà không thấy đối.


Ông Phạm chiều hôm sau ông được ránh, nhờ đưa ông Nguyễn Văn-Liên lại chòi. Cố lê sẽ gặp quan Thiệu Hoàng Trong-Phu.


Bừa ấy, chủ tôi và ông Phạm nói về các sách tự-dien của Larousse, Littré, và "Việt-Nam tự-dien" của hội Khái-tri tiêu-dic.

Còn địnhailed nhiều điều nữa, nhưng thấy hai ngày sắp đi thăm các ông bả,
nên đánh phải kiên về mà trong lòng liếc lầm.

Búa trước, ông Phạm Quỳnh có cho tôi quyền "Thi ca Việt Nam" (La poésie annamite), toàn chữ Pháp, và bài số báo France-Indochine, cùng Ngo-báo có đăng bài thơ ngộ trình quan Tổng-trưởng Thuộc-dịa.


Ông Phạm nói bức thơ đăng trong Ngo-báo, chính ông dịch, và đăng được nguyên-văn. Còn mấy ngày trước, các báo khác trong Nam-người Bác có dịch đăng, nhưng không được tron, và cũng không đăng.

Lâu nay tôi vẫn biết cái tài diễn-thuyết của ông Phạm, nhưng chưa được nghe ông nói bài giờ.

Kỷ này, tôi được nghe ông đọc suối bài "Húc thơ nghệ" & Ngo-báo, thì kể như được nghe diễn-thuyết vậy.


Các cò ấy đều an trong Nam-sử, chỉ không đâu la.

Cái giọng đọc văn giòn-dañ, tuấn-thể của ông còn vững-vàng trong tai tôi.


Mấy câu rất có ý nghĩa trong bài như các câu:


« Thành ra một sự đau-dön phiền-muộn, còn hệ ngoại thì trong không có gì, nhưng thực là bối có dân chúng tôi nhơn quí-quốc bảo-hộ mà đã được tận-tội hơn trước… »

Lại như câu:


« Bấm qua Tổng-trưởng, tò-quốc ấy đối với chúng tôi không thể là nước Pháp được. Lời nói đó, xin ngài đừng méch lòng. »

« Vây tôi thương về phán người An-Nam chúng tôi, chúng tôi chỉ think-chúa quan lòng có một điều, một điều rất là thiết-thúa quan-hẹ hơn cả các điều khác, là xin ngài cho chúng tôi một cái tô-quốc để chúng tôi thọ. »

Các câu quan-hẹ như thế, thì tôi không hề quên được.»


NGUYỄN VĂN-KIỆM
MỘT VI CÃO-TÃNG NƯỚC NHÀ ĐẤT-SỰ CỦ CỘ

Trước kỷ nguyên Thiền-chúà 1027 năm (có sách chép 552 trước T.-C.) là năm giáp-dần thứ 26 đời Châu Chiêu-vương Đạo Hoàng, ở A-dông ta đã gây lên cảnh nôn tòm-giao dâng-sắc, trườn cả hai giáo Nho và Lão, gọi là "tôn-giao nhà Phật".

Phật-tô uỷ quyền là thân ở Đậu-suất (Đậu, Tushita) giáng sinh, hy vọng là Tất-cạt-da (Tát đạo, Siddharta) hiện là Thích-già-mâu-ni (Tử giác, Sakyamuni), dòng dõi họ Cồ-dâm Cổ-muội (Gotama), là con cái vua Tinh-Phan-vương (Phịnh vương, Sudhouhana) mẹ là Ma-da-phu-nhân (Ma-da, Mayadevi) ở nước Dã-duy-la-vệ (伽陀羅國, Kaipla), nay là Một khu-vực Á-nô, trước quyền người Anh cai-trị.


Giáo Phật bắt đầu phát-siển ở Hạ-lưu sông Hằng-hà (恆河, Gange), truyền-ha ở dân Á-nô rất mau, rồi lan rộng các nước miền ngoài châu Á, tự quảng-dạo Mái-lai (馬來) cho đến miền khoáng-dâng Tây-bả-li-à (西伯利亞); sau chia rẽ làm hai, phải Đại-thọ (大乘, Mahayana) và phải Tiểu-thọ (小乘, Hinayana).


Cu Cờ họ là Viên 畋, tự là Quang-tuyên 光宣, phát-hiếu là Giác-linh thiền-sư 覺靈師, ngồi sinh năm tân-hợi, triều Tư-dức năm thủ 4, tây-lịch 1851. Thân-phụ họ là cụ Phạm Quang-Mién 范光冕 quan ở xóm Văn-áp 溫- BigInt 文亮鄙 xã Quan-phương-thương 禮芳香, thân-mẫu họ là cụ Trần Thi-Tù 陳氏秀, quan xã Quan-phương-trương 禮芳香, dến thọc về тож Quan-phương 融芳, huyện Hải 海後 Nam-dinh.


Nhung xét ra tâm-sự ngài lúc ấy dương như phân-vân bất-quyet, chỉ lo Phật-giao nước nhà đắm-chìm đắm lâu, sai-lạc đã nhiều, nên không ra tay mà nắm lấy trách-nhiệm, thì cái bè trách-
Cú Cô lúc ấy còn hối-tàng, còn lại sự ông, chửa thất lạc, đã có Cô, song ta cùng giở trước di, nhạc cho duyệt-giả để nhận. Cú Cô phán-dổng ngày hai cái ly-thuyết trên, mà cái ly-thuyết thấy tận của ngại khám-phá được chơn chuyên hữu-di dao Phật, mở rộng được theolog; xua nay chưa thấy.


Ây lòng-phái cụ Cô khắc hạn với tổng-phái các sự hiện-thối, đại-khi chia rẽ từ đây.

Xuần-thu đã cáo, tăng-ni tôi thu-gió như, các dân nghề tiếng kinh-phục, trước vẻ sửa chuá, cũng cõ là ngồi 90 cảnh, song ngài thật nhân có 13 cảnh trước vẻ tiện thìa, mà trong số đó ngài chỉ đi về có 8 cảnh, sẽ kể như sau, còn 5 cảnh như đạo-dương, trong lòng thưỡng tưởng, v.v., khi sửa-sang xong, lang nào cũng trái về lòng ấy.

Triều Thánh-thài năm canh-dần thứ 2, lịch Tây 1890, tuôn 40, bất đầu lập chua Chużą-hạ Đức chưu hữu-giây, làm tình cõt đã hoa, và tranh-hoảng các phật-tượng.
Triệu Thành-thái năm dinh-dậu thứ 9, lịch Tự 1897, tuổi 47, sửa chữa Trường-nam-thôn-noi huyện Nam-trực.

Triệu Thành-thái năm canh-tí 12, lịch Tự 1930 tuổi 59, sửa chữa Trường-phúc huyện Giao-thủy, năm sau năm sau lại xây tòa cấu-phàm cạo 9 tầng và trăng-hoảng hơn 40 tòa phát-trương.


Một hôm đánh có偷 phát-tương, thơ đức tịnh đông còn thiếu, ngày báo: «Thiều dời dủ». Gần tới có một cụ tốc bắc râu trăng, quan ao rạch-rồi, gánh hai ro dồng vào cùng ro rả, nhà cửa sai tiêu theo sau không kịp. Dòng ấy bác lên căn được là 2 tạ 5 yên. Giờ thân mai ruột trùng vừa đủ, không thừa không thiếu.

Một hôm đọng vào đâm chay, có một chăng thiếu-niên, trc 20 tuổi, người cao đa ngảm-đďm den, áo the khám xếp, giây bông ở cánh gió, cach ăn mặc cử-chủ diversos công-từ, thắng vào phòng sự cung 150 dồng bắc. Sự hối quế-quan dẫu ta, trả lời một cách kỳ-quặc rằng: «Nam trước đã cùng c về việc âm-hồn, bây giờ xua cùng về việc té-dơ chúng-sinh. Còn như họ tên quế-quan, không cần phải hỏi».


Triệu Bảo-dài năm dinh-mào thứ 2, lịch Tự 1927, tuôi 77, đập cốt chưởng lớn, cao 15 thước.

Ngày 12 tháng giêng, triều Bảo-dài năm mạn-thín thứ 3, lịch Tự 1928, tuôi 78, định ngày rốt đông, thọ ở Hành phong dưa may đức vế. Quan hội-chủ việc chưởng là ông tri-huyen sở-tài Nguyễn Huỳnh-Xương Nguyên, tri-khiết lẻ Phật, bơi được quệ thế 36, mục «cầu muted có câu»:

Tien thi nhận sự bảo quan tri,
Thu hâu kinh-doanh logic ý thi;
Xuго ngày tam-dương khat-thái
Tư tharih-lợi xãm tâm kỳ. [nhã).

Dịch nghĩa:

Trước đem nhận sự bảo ông hay,
Kinh-lý thu sau mở; gặp ngày;
Vi Phạm tam-dương là thằng Tệt,
Bây giờ dánh-liổi thằng lòng ngày.

Sau quả-nhibien quẹ phuc không thành, tôn-phi công-sa kề đến với nghĩa, thơ đức độ cho thơ cọt, thơ cọt độ cho triốt am. Quan châu-hội Nguyễn, nghĩa việc phu mà bere. Cứ Cơ khuyên-giải rằng: «Túc-nghị người Tây có cầu thật-bái là mẹ thành-công, việc này cùng của tiền-tặng tôi, xin các ngài đừng ngơi long».

Khoản thứ 12. — Các khoản trên này, hai bên đã xem lại, và cam-nhan kỹ tên làm bảng.


Tín báo cụ Cổ, ngại đời buôn làm vui, thấy kẻo làm cười, mà cũng không chắc ngại có buôn thật, có ấy-nay thật.

Ngại đúng trước dân-việt an-úy cho công-chúng rằng:

« Nay các quan, các thập-phương nam-nữ, tiểu-tăng tôi muốn đặc qua


Gia-thể nhà ngài tích-dực đã nhiều, quả tu đã dạy, kẻ dòng-dợi thì khởi cự tổ Pham-công Kim-cáp 華公金騏, sắc phong Dực-báo trung-hưng trung-dảng thái 越保中興中等祿, là một cự trong bồn cứ chữ Trần 熊, Vũ 武, Hoằng 黃, Pham 俺, khai-thác ra xã Quan-phương (Lê Hồng-thuan năm thứ 3, lich Tây 1512).

Bộn anh em ngài đã xuất-gia ba, còn một lớn-lằng thứ cuối huy là Quang-Ngon 光 ngôn phải đảm-nhiệt việc nhà, sinh hạ được một trai bao gia. Trói xanh doc-dia, thông cói huyết giã, từ độ lớn-lằng cùng buôn mà xuất - gia theo anh (cuối đời lanh-
thái), ra tam học-tập, câu đen chi-xứ.
Cự Cổ cho thiện-hiện là Thanh-cát ở
sự, cả làm giám-tự chùa Nơi, tục gọi
cự Giảm.

Là quảng, phúc-hào quả l một nhà tu-
hành đã hiềm có, lại thêm một nhà tu-
hành hiển có nữa. Nơi riêng về nhà
cự Giảm thì cự đầy vầy, dàn-dàn có
giái cả cùng tu, thiện-hiệu là Thanh-
quản là chính, câu trai cùng tu, nay đã
tên giới sư ông, giữ chức tri-khách
của Cở, thiện-hiệu là Thanh-long
trực, thiện-tử xem ra cùng định-nghèo
khắc thương, những nhà tin və phong-
thùy đều cho là được dat.

Trí nguyện

Triều Bảo-dài nhậm-thần thứ 7, lịch
Tây 1932 tũ 82, cự Cổ ngày trong cói
sóc bên Mật-lạng, bỗ xể ra can-cổ
suy-nhược, âm-thực sư-khẹm, các sự
muôn tìm thấy lang, ngày khác rằng:
Tình-tử có tiên, biểu tron được số
tri, Bịn-thược, Hòa-dã đã còn.

Bệnh ngày thấy nhợt, ít ăn riêng
nóy, các sự sọ deng don thuộc, ngày
miền-cương cách bất thể đan don rage:
Nước Phát tốt he, nghề lại hiện-tấm
các nghi, ta không no phu (佛國有
−聻念佛等孝心奉負).

Ước thử thây ngơi, dặm Cở-hề dara
vọng-long thần, lạc đō vào 9 giờ
tơi dêm 25 thằng 3 (30 thằng 4 Tây).
Tỏi chua ghé vòng phụ vào phong,
dông-ho vĩa bào 11 giờ, ngày cố pha-
dao may lỗ trừ biệt câu cùng, nghe
rát cung-dưng nanh-nhớ, rồi liệch cháp
tay qui tĩnh. Lớ rage: "Nam-thiên
cực-lạc, là chủ Cở-hề dạy rồi!"
Tây-thien thọ mtries cực-lạc, sao dạy lại nói
là Nam-thiên, không phải ngài làn dâu,
nghiê biến chủ "Nam thien cực lạc
有天極樂" là biểu-h hiệu riêng chúa
Cở-hề, tức ngày thử-bát ra khi mới làc-
thành.

Nghe đâu lạc ngày năm met, có di-
chúc bảo ba năm qui-tích sau phải cải-
mọ mà thiệu hai-cốt, than cồn lơi chia
lâm 14 phán, gọi là xạ-lị-tử 舍利子,
13 phán cho vào cây thập 13 chúa, như
Cở-hề, Thủy-nhai, v. v., còn 1 phán thì
huống ra bên.

Ngày mong 4 thằng 4 (mồng 9 thằng
5 năm 1932) dân các chúa đến làm lê
dai-tàng ở Cở-hề, cùng cơn qui ba
ky, tăng-ni các chúa, mọi người tham
việc mỗi nơi, tôi ra mỗi cải tháng chừng,
xố-xạt trên dưới hàng vang. Nơi nhà là
có bốn câu: "Pháp-thần thượng-trư
生身常住", đó là cải bảo-tàng xẹp
chặt hải-cốt của một vị cao-tàng nước
nơi đây từ-trần vay.

Kể ngày tì-trần là ngày Phát-tọ ruocte,
cho tôi ngày cắt đạm, ròng-Ránh chín
mười ngày đêm, xế đêm văn, trảng, đại,
trường ngọt vì trắng, sê xin lựa-sao
mây bức như sau, gọi là cho đũ các
phái các thể.

1. Một Pháp-thần-tử 证子 là các
su ở với ngài

Đặng-thiện pháp ngữ tăng văn, trân-
tám đỗ của;

2. Một Pháp Giơi-tử 戒子 là các
su ngoài thứ-giơi cho

Giơi-hải minh-châu, nan tài-dắc
iơn-sư chỉ-thị;

3. Một Pháp Tam-qui-tử 三皈子
cà Trung, Nam, Bắc

Nhân-duyền thập-nhi huống tùy lọ đọ;

世界三千粒乘藏.
4.— Phải tam-qui-từ ở Hắc-ninh.
Pháp-duyển giảng-thuyết trần-tâm linh;
法莲華説法心解。
Tình-thê qui-tàng đại-dắc lau.
静土歸依大德留。

5.— Phải Mộc-on-tử 沐恩子 Hà-nội.
Than-gia âm-tì bồ-dề thú;
釋迦黙悲菩提樹。
Phật-quốc văn-khai bất-nhã thuyên.
佛國蠻開般若船。

6.— Hương-lâm hội 香林會
Hành-thiên.
Giải-thoát mê-dối phương hữu vong;
解脫迷途方有望。
Khải-minh giác-lỗ phương tụy duyền.
開明覺路與隨緣。

7.— Duyên-thở hội 延眺會
Hành-thiên.
Liên-tọa tam qui hàn hữu chủ;
連座三皈欣有主。
Liêu xa nhất bài hát vọng tinh.
留傘一拜結忘情。

8.— Phải công-văn 攻文撰
Mạn-nguyệt kim phủ, cõ-quốc quả sinh chấn-tướng phát;
滿月金浮故國果生真相佛。
Thưa vạn đạo kinh, vân-dần không uc đại-tồn-sur.
乘雲遙寄文叢空僧大宗師。

9.— Bàn-chì-tộc 本支族 ở Quán-
phương thuong.
Todos đc xuất gia, thiên-niệm hà tạng vong bàn-thủy;
總發出家善念何曾忘宗始。
Mind làm thành phát, lý-tính vô nhà hệ tiền-chi.
明心蓮佛謹惜疾非系宗支。

10.— Họ ngoại Trần-tộc 藩族 ở Quán-
phương-trung.
Íam thưa viên mô khang-cường lão;
三乘延轒康強老。
Nhất biết thiên mạng thích-thộc nhơn
— 別偏忙或懸人。

11.— Xóm củ Văn-áp-dòng-làn
文邑東鄰
Bát vong cõ-cưu linh, hoat-phê hưu ca vân liêu-hang;
不忘故居懷 activism四歌聞柳香。
Ngầu đâm kinh-sắc sự, kim-liên vô ánh tạo chi-viên.
偶筆空軒事金仙無影到祇園。

12.— Giáp cõ-hương 甲六 ở
Quán-phương.
Phất-gia khởi vô linh, phán-áp kỳ thu tài thiên-quả;
佛家豈無道粉邑幾秋載蘋果。
Hoa-nhi chán mac trắc, trại-ỉ nhã đắc dặng-hoa.
化兒異質溯茶毗夜露燈花。

13.— Xã Quán-phương-thường
霧芳上毗
78-miên trở thành, dàn-vìệt huống lưu tần động vũ;
祖席助成檀越香留新棟字。
Phất-dài thử khởi, lức- phần cảm-hẹ cõ giang-son.
佛臺此去粹裕度故江山。

14.— Xã Cố-đê 古禮街
bổ thế hữu-bì tâm-hài khởi;
度世慈悲心海騰。
tại dân công-dục khấu-bì truyền。
在民功德口碑傳。

15.— Nẹ-trường phả 泥匠譜
Chuyền-ngoạ lịch niên lai, công-giới dòng-nhơn mong ì-dô;
磚瓦歷史近工界同人營濟慶
Tạng-thương kim nhất cái, thiên-phương hà xư nhìn liêu-dào.
桑叢今日改大方何處任逍遥。

16.— Chụ-trường phả 箸匠譜
Cư thiên-sư theo sira chơn danh-lâm, được bể công ngàn, dại ký-niệm tương "dòng" thềm rạng;
17. — Thạch-tượng phật石材塑像
Hàng hà chỉ trư.恒河砥柱

18. — Phái kinh-tế: Xuân-lai hiệu春來號
Linh Sơn qui phật.靈山歸佛

19. — Xuân-lai hiệu春禮號
Công đức phổ lượng.功德無量

20. — Phái Hoa-kìeu: Văn-sinh-duong萬生堂
Hòt-hè nơi lai, trục thị lệ-dình tiêu bảo-sất.忽兮而來卓爾禮亭標寶利
Phieu-nhiên thứ khừ, hoắc rực quặc hiện kim-thân.飛然此去或於榮園現金身

21. — Phái hương-hào: viễn Chánh-tống Tam-thái
Thảo-mộc hạm bì.草木含悲

22. — Phái nho-học: ông kêp Đặng.flexible
Vũ-Khái 胡承熙, ông cự Đặngflexible
Vũ-Bản 鄭武彬Han廷賢
Phạt-pháp hút duyen, vị liễu tam sinh vongbach-phát;佛法有緣未了三生願白髮
Từ-bì võ lượng, nguyên siêu cầu-hút nháp hien-môn.慈悲乘量願超九有入禪門

23. — Ông Nhật Thuận 淮造福
Công đức do tông, Cố-tức mình-minh功德存古寺明明白
Bahông-thần như tài, Lễ-môn mở mở chiếu-chiếu.精神如在孔門慕慕而開

24. — Ông Tất Trấn Xuân-Hàn 穆泰
Wy Quan-phương-trung
Phất-thuyệt đới song dâm, bất thi nhựa cao-sơn, như thảm-thủy;
佛像舞翩蹣 高山如深水
Thiên-dung hà xỉn mịch, kỳ hoạ vi cảnh-tịnh, vi khẩn-vận.仙容何處覓 其或為景儀為靈寓

25. — Phái quan-trương: quan
Nguyễn Huy-Xương 阮輝昌 Thuong-tài Hải-duong, (tri-huyền chủ việc đức chung-trước)
Giác như hòa.覺而化

26. — Vạn tế của chư-tường
Than ôi! Cổ kim kim côi, côi nhân-gian xoay may bất-thương! Không sặc sắc không, bâu phát-giói ireo grong tự-tai.

Hoa in còn đó; nước chảy đâu về.花在生常伴水
Nhở hoa-thương xua:仰
Bấm tình tật-bị; giữ lòng thế-dớ.風拂世道
Xuất-gia từ bè, lây thuận-hoa làm dại-duong trăm-cám; phong phật lòng bến, lạy thành-kính làm cung-duong lệ-vạt.

Vàng lói phan hiểu-sinh ô-sái, đặc 수행 trăm lợi; nhân nghĩa thiên cưỡi khó độ vong, ông chuilen bể.金光特輝世間利益難度生,無常善惡兩途中
Chấm dứt gieo thị lưu-duong gậy-duong, bi-ký có dể; nghi sau-xa thị nghĩa-dài sửa sang, phong-sương trong quan.金盡種下留眼光,化為祥瑞; 與今他日修後悔改, 聲名惠澤遍四方

Chinh muội cảnh xây chưa đức truong, trước sau kẻ mỹ công-trinh; tâm nghiêm quyet định kẻ truyền inh, som tôi đơn kí thiện-nào.景現前後美善功德, 心定無後悔 於此勸勉後世

Vạn trùng ngày dài thằng rộng, tâm chinh muội cho đến côi vi-kỳ; ai ngoại sao làm được làm, tâm hằng tu dầy làm phương tề-colve.千萬裏年歲長,世間一切皆須努力去, 不可虛度時光

Hay là mến côi tiến vụ-thúa, vụt sóng mề mà thấm đến non Bồng; hay là
dam nước Phát thành-nhan, bay gây lich mà với bên Giác.

Ngày là chán cói đối tranh-can, lờ Giao-trì cho khuyết bị tran-i; ngày là thường bể khó trầm-lắn, sang Hằng-thường để wrongdoing báo-phạt.

Chung con nay:

Ngong bông bô-dé; nói đồng y-bát.
Ngõt tinh lý-biết, ngày nay mà thềm nhớ ngày xưa; gỉa đạo thủ-chung, lẽ táng phải trước đáng lẽ diệu.

Người ở bến về "tàng-lê" nước nhà, bảo thế-kỳ thục ha, đối nói-thuộc Tấn, có ông Bảo-Huỳnh làm Đô-dốc quân Vĩnh-xương, sau làm-chung cả dân thường-khôc, văn cho làm ngôi... Ngày nay lại xem tương-sư cu Cơ lại cho là lâ... Rút lại không kỵ to nho, cót o cái "dúc", khéo sửa đức thi người ta phục; quốc-dâa phuc cu Cơ là phuc về "tôn-giao tinh-than..."


Các sự bách ngại là "tò-sx", ngại bio đã có to tay tổ nam, tiến-tô các tốc, không nên gói thiê. Các sự trá lo:

"Để làm đà lên "cu-túc-giội"! 真足 剣, có thiôy như to". Ngái báo: "Vân biết có long tì, thời goi là Hội-thường 父親, Phát dầy ai ngói dù muội ba, tính-thống nghĩa tam-lạng, duye goi tén lý. Hóa bi là lê-bái cho tháp-phương nhiều. Thường ở là phổ-dọ cho ca tuy-on phụ-mâu ".


Hội bởi tháng 9 năm Quy-hồi, lang Xôi-dông có vị thần linh-tring, về đồng xưng là Văn-bien phổ-sự 雲餅副使 bát-tảng 3 bài nam-am, sai người đưa đến Cơ lê.

1
Vào hàng bô-tát hiện thân ngày,
Sông-khai sống-tu hài cảnh này;
Lên cõi kỳ-dì con khúc sirc,
Xây nên công-dúc quyết lai say; Tương ngợi thảm-thắm ngang dầu nui,
Chúa đang cao-cao tràm ứng ngày; Núc tieng gan xo in đầu thần,
Hô-thiên Cơ-sát mãi dấy nay.

2
Linh-tring xua ra đầy tieng ở dầy,
Cho nên mỗi góp có đầy ngày;
Tôi người dạo-dục ra thay mắt,
Chon bậc tu-hành đến trực say; Tương Phát Thích-ca ngồi thành nui,
Chửa lang Cơ-lê đừng liên ngày;
Tiên-tung thánh-tich néng thải đầu,
1 hằng-cánh ngày nay kể từ nay.

3
Người tuân bằng-chúc bắc chơn-tu,
Khái-sảng giác-lâm đã vậy chúa;
Từ cả gốc-môn vào đó chở,
Mur hang thạch-dòng dummy xanh mưa;
Sirc trong một xã công-phu khó,
Cua ở xôi phụng chuyện-dân cho;
Muôn đời ơn trên người ẻ-dở,
Tiếng thơm chép để mãi ngắm thâu.
Cự Cô tiếp được, hoa văn gửi ngay.

1
Duyên-ngho bao xưa ngày với ngày,
Cho nên xướng-tân có thơ ngày;
Vĩnh cửu tiện-tục vang giao giảng,
Bayдут thần-chương ngọc cất lạy;
Cảmen hương chiều khi quay nước,
Chìm vô mờ sớm lúc chén mai;
Miền năm nay da truyân công-dúc,
Loi-lạc âm-dương nhỏ mai nay.

2
«Trạch đắc long-zâ» ba cảnh đây,
Thất ngại linh-úng tư ngời ngày;
Mở-mang cưa thành cho ra mãi,
Lộc-lúa ai diễn độ tươi;
Bắt-nhat thành-chí hình mơ nui,
Kỷ-nień tuần hoan rằng liên ngày;
Thể-gian tình-vào trong càng la,
Phật-khiếu hay là thanh-khiếu nay.

3
Giá đời tình lại kiên chánh-tu,
Khải-sang răm bai cài nơi chúa;
Cố-lê xỏng cao con giọng nê,
Thủy-nhai quét sạch hạt sung mui;
Giáng-sơn hệt sắc kinh-dinh mãi,
Phật-thánh nhớ on ương-lê cho;
Những khách tham-thần như có biết,
Kia nên công dúc dâu xuân-tu.

Ông nhẹ Trần Túc-Phù 陈 蕭 甫
mừng hồi boi;
Nhớ thành muôn dân được thành-thôi,
Nay mừng quý-zâ đến trường boi;
Ba vòng quanh tiếng ca chân thành,
Bốn giải vui reo tiếng khắp trời;
Người phất cơ cao người mồ dập,
Tiếng hò loa vang, tiếng trại ơi;
Mỗi năm khách-hội gắn xa tổi,
Sự tôi vang-lieng khắp mọi nơi.

Cự Cô ngại hoa:
Bình-an hai chút sắc còn thoi,
Thắng chín nóii chở ra nước té boi;
Xe, kiều, long, phan, câu rập dat,
Loa, kên, chung, trống, mò vang trôi;
Mái chéo té-đó khua lần sóng,
Câu kể thương-trần lận tiệp ơi;
Giài thành cho roi đăng tiết chúc,
Tung-hô bia tiếng tu về noi.

Ngài lại nghĩ theo một bài Dương-luat:
Bắt thi Bồng-lai đồng Tuyết-lằng,
Biển khơi Yến Nhược-văn;
Thần-quang Cố-lê tung chiếu thiên long;
Cao đê bích lập quan son cảng,
Hoàng dã mạc hoa vươn ngàn bồng;
Thần tiên ngần thủ nhất thảy trăng;
Sâu lục sông vĩnh,),
Bàn mầu liên-bộ hai tước-kiệt,
Nhất quý vương nguyệt lạc thiên-dặng;
Rùng rũ tháng 月作普
t
Di-cạo loại-thương phượng hòa-nhi,
Phủ cao bể bọ bọ giơ;
Khách đao nhàn lại bố-bố đăng,
Khách đi ngắm bước bước xanh;
Nam 1926 chưa Cự sira trường dực
Thích-gia xông, ông Trúc-viên Phạm-Văn-Nghi 陈文 証 qua chơi, có bài tái
hi-vinh (xem Nam-Phong số 145).

1
Chốt-vốl ngời chi dây, hợi ơng?
Bà nghiền thế-giói ròng mênh-mông;
Chủng-sinh lực-lực bao sau-khe,
Có chịu ra tuy té-dố không?

2
Gặp-gố ngời dây thẹ holds ơng,
Kia vừng khô-hái nước mênh-mông;
Thuyên từ đầu là không đèn thả,
Chốt-vốl ngời cao có mặt không?

Cự Cô-lê hoa lại như nho sau:

1
Sen một loại cao, lòng một ông,
Bốn phương giá tre được ơn ông;
Cái quảng "mắc-lương" là kí thuật,
Hay mắc ai hay, không mắc không.

Công-dức ai bằng công-dức ông,
Để chúng giới đi qua quan mộng,
1 huyền vi không phải là kí ống thứ,
Kia chơn huyền vi tác an không.

Kinh phát nhiều nghĩa khó hiểu,

1) Nam-vô 无… "Nam-vô" hay đọc là "Na-mô", nghĩa deu cùng như "quy y" 印衣, cùng như "dinh lê 聖諦" 之義. Lại còn một nghĩa riêng khác daha, trong kinh đã dẫn cùng ca 6 chữ "Nam-mô-a-di-da Phật南無阿彌陀佛" ra 3 bài thơ, gọi là "lục tул hồng danh 大字梵名".

I

Nhân năng bồ-thi thi vị "Nam",

1. Minh布施是為

Tri-giới vi "Vô" vai gia làm:

持戒為無大者

Nhân-nhuê nhu-hoa "A" mà đạo,

念仏念阿弥陀佛;

2) Phật 佛. - "Phật nghĩa là linh, tinh-ngô mo lê, lại hay khai tinh cho mọi người, cùng như nghĩa môn Đại linh.


4) Bát nhật ba-la-mật 般若波羅蜜 "Là chiệc thuyết ể độ dạy qua bể giắc.

5) Tăng, ni 僧尼. - "Tăng là sự nam, ni là sự nữ.

6) Uu-bà-tắc 優婆塞, uu-bà-di 優婆夷. - "Ưu-bà-tắc là con quyen nam, ưu-bà-di là con quyen nữ.

7) Bồ-dề 菩提. - "Bồ-dề là ông-giác 金覺, nghĩa là tinh hết mọi lý, đây chở Phật hóa gọi là bồ-dề."


10) Đàn-viết 棋弈 — Đàn là lẽ huệ-thi 惠施, viết là siêu-viết 超越, nghĩa là làm lẽ huệ-thi thì hay siêu-viết được bể khô.

11) Bồ-đát 菩薩。— Bồ cùng như nghĩa của Phật là kháp, tất là thể-dổ 渡濟.

12) Trừ 咒。— Độc làm-nam ở dâu lưu gọi là trừ,


14) Tam thạnh 三身。— Pháp-thánh 佛身, báo-thần 碧身, hóa-thần 化身.

15) Tam-bạo 三寶。— Phật 佛, pháp 佛, lăng 僧.

16) Tam-tăng 三藏。— Kinh-tăng 經藏, luật-tăng 律藏, lan-thăng 論藏.

17) Tư-trí 四智。— Nhân 人, nghị 由, tài 財, thiệt 同.

18) Tư-sinh 四生。— Thái sinh 胎生, tháp-sinh 潘生, noăn-sinh 卵生, hóa-sinh 化生.

19) Tư-diều-dề 四妙 録。— Khổ 苦, tốn 疼, diet 滋, đạo 道.

20) Tư-dại 大。— Địa 地, phong 風, thuy 水, hoa 火.


22) Ngữ-nhan 天眼, nhuc-nhan 肉眼, pháp-nhan 佛眼, tuệ-nhan 慧眼, tham-nhan 神眼.


28) Tam-quy 三皈。— Quy-y-phật 皈依佛, quy-y-pháp 皈依法, quy-y-tăng 皈依僧.


30) Luc cung luc tran 侊供六陳。— Tâm 心, tinh性, can肝, trai脾, phế肺, thán 肺, là sau là cùng bền trong, gọi là noí-cùng 內供, lưỡng 醫, hoa 花, đằng 儒, trà 茶, quả 果, thục 食, là sau là tras bền ngoài, gọi là ngoai-tran 外陳.


Thời thường nhà khối-xương hoặc nhà cải-cạch về chinh-trí hay về tôn-giao, người đới thường đế y ghê-ghiê, không kỳ dũng dũng ngoài, ngay bao dong-nghiệp cùng là kết trong nhà, hằng ngày đừng bê-chấp đáp dối.


nơi. Sông kinh Phật đã nói «nhất thiết tài-vọng hòa tắc vi-trần» (一切災殃化作微塵) tự do tại trong-lamentos, sợi đến nguồn cơn-nhanh nghe xua ngày cùng không hài.


411 triều theo về Đại-thừa, là China, Nhật-bí, Mông-cổ, Tây-tạng, Ấn độ và An-Nam ta.

19 triều theo về Tiên-thừa, là Tiếng-la, Điển-dien, Tích-lan, Ai-lao, Cam-piên.


NẠN-VĂN-DỊNH
Giáo-dục phổ-thông phải lấy tình-thân làm trọng


trí-thức, đạo-dục-học và văn-học của các dân miền-trieu Đông-Tây, chia ra từng lớp, tương - ước cao - họ khác nhau.


Phương-chi ở nhà quê, cho tre con đi học lúc ban đêm thì đồng mạ sau cho theo lợi-nghĩa được lơp so-học thì ít. Thế mà lợp đồng-đâu cũng phải học Pháp-văn rồi thì thục là làm phi công của dưa tre con vào chỗ vô-dung.


Nói về ý-kien dưới là việc dịch các sách nghĩa-ly của các trien-trieu Đông-Tây cho học phổ-thông, còn một điều này làm chúng.

chăn-thực mà thôi, chữ thuận-nhiên
day người thượng-ruộng cũng không có
cùng hiểu gì.
Việc đối từ lại đến sự-thực là hết.
Cố thực hiểu được sự đối mới biết tu-
lượng và yên tâm dinh chỉ được. Có sở-
dắc sẵn mới cảm được thâm. Và ngirí
mà vỡ hồn thì dừng làm việc gì cũng
không được. Cho nên cả đạo trì quốc
hoa-dán xưa nay chăm-chăm về dùng
tính-thần nghĩa-lý cũng là việc thể.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

KHẢO VỀ LUẬN-LÝ-HỌC SƯ NƯỚC TÀU (1)

TIẾT THƯ III. TỬ-TU 子思

Tử-Tu tên là Cáp 伋, chầu đức
Khổng tử, con ông Bá-Ngu伯 魁 tên là
Ly 理. Bá-Ngu mất trước đức Khổng,
thế thì biết rõ Tử-Tu sinh ra khi đức
Khổng hãy còn. Khổng-từ thường dạy
Bá-Ngu học kinh Thi, kinh Lễ (Luân-
ngữ) còn như Tử-Tu có được trực-
thường tư-giáo ở Khổng-từ không, thì
không được rõ. Hàn Đô Dù đời Đường
cho rằng học-văn thấy Tử-Tu mà học
dèn đại-thánh, là bồi tử thầy Tăng tự.
(Chúng có thuyết bảo là bồi học trò thầy
Tăng dạy bạo). Nay xét trong sách Lễ-
lý và các sách chỉ chế lỗ Tăng-từ
với Tử-Tu văn-dáp, thì cái thuyết ấy
thực lẫn là có căn-cứ. Xét Hán-thư
Nghệ-văn-chữ: Tử-Tu làm ra sách có
hai muội ba thiên, mà nay truyền lại
chỉ còn có một thiên sách Trung-dưng.
Khi ấy cái tư tưởng về phải Hoằng,
Lào. Dương, Mặc đường thiện-hạnh,
uy-quyền Nho-giáo hay còn thập-kem
mà phát Đạo-giáo là một đường-dịch
với phải Nho-giáo. Vì rằng Đạo-giáo
xuồng lên cái tu-thường triết-học cao
xa, cố làm đạo-eff cái thuyết thường-thực
với tối thực-liên của phải Nho-
giáo. Bối vây Nho-giáo mới phải theo
tên giáo-nghiệp mà thuyết-minh ra

(1) Nguyễn-văn của người Nhật Tam-phá-dăng, Lê soạn ra; Trương Tôn-Nguyễn Lâm
Thái-diện Cẩm-thành 太田錦城 dâu là những sách trí-danh cạ.


1) Thành-thực là đạo trở mà là gốc của đạo người; nên trong sách Trương-dung nói rằng: Thành-thực tự-nhiên là đạo của trở, phải ngã sao cho thành-thực là đạo của người. Đạo trở vốn tự-nhiên mà本来就 vẫn văn-văn, trở vật vạn vật phát-sinh, suối voir không này một rủi nao sai lắm, vậy nên Tứ-Tứ mới cho cái tự-nhiên thành-thực ấy là đạo trở; và cho đạo trở là bản-ngoại của đạo người, thị cái tư-trưởng tự-nhiên hợp-nhai của Nho-giao lại càng rõ vậy.


Luận về tình người. — Sách Trương-dung mở đầu nói rằng: Trở phú-bẩm cho người lấy cải tổ tự-nhiên ấy gọi là tình; cứ thứn theo cải tình tự-nhiên ấy mà làm gọi là đạo; phải dạy bảo sửa sang cho hợp đạo gọi là giáo». Giải-


Cứ như thuyết thay Tứ-Tứ thì cho rằng mình là vốn tự mệnh trở phù cho, nơi theo cái tính tự-nhiên ấy mà làm thì tức là đạo, vậy thì đạo cùng là tự trở phù cho. Nơi cho rõ ra đạo người cùng tức là đạo trở vây. Đạo trở vốn thành-thực tự-nhiên, thì phù cho tinh người dâu là thiện cạ, xem thế thì Tứ-Tứ cùng là luận về tinh thiên.

Bản-tinh người ta vốn là thành-thực, cứ theo bản-tinh mà làm, thì tự khặc là hợp vô đạo, cần gì còn phải sửa sang dầy bảo cho hợp đạo nữa? Song phải biết rằng cái tính thành-thực mà trở phù cho đạo, chỉ có bậc sinh-tri an-hành mới không cần phải tu-dạo, mà vẫn giữ được bản-tinh. Còn như thế-
gian có phải là ai cùng siêng-trí an- nhạnh như bác thanh cả đâu, còn có bác phải học một biết, lại mà làm; lại có bác khổ khó mỗi biết, có gang mà làm, vậy nên Tổ-Tư cho những bác ấy cần còn phải tu-dão, thế là cho tình người có bác khác nhau.


Nguyện là mừng, giận, thuong, vui là cái cảm-tình người ta, cảm-tinh khi nó chưa phát ra thì còn là tình, lúc nó chưa tiếp-xúc với ngói-vật, thì thiện-tình vẫn hồn-nhiên, không có thiên-ỹ, cho nên gọi là Trung. Lúc nó đã tiếp-xúc với ngói-vật rồi mà vẫn không sai lích-trình đều hợp về biết-do cả, nên gọi là hòa. Trung là thế mà hòa là đúng; thế với đúng gồm đủ cả gọi là trung-hoa. Vây suy cho cùng-


Tư-Tư có tiêu-yết luận hai cái công-phu

linh nói rõ về cái công-phu tu-vi, tức


Tự-Tư lại thuyết về thuyết quí thân, cho rằng quí thân có ba hàng: Thien-qui, nhân-quỉ và sao thùy-quỉ. Thien-qui là bậc thiên-thần; so-thùy-quỉ là bậc son-linh hà-bá; nhân-quỉ là tổ-tiền chỉ linh. Tán về được quí-thần
nơi rằng: "Qui thân thiện-liêng, được sảo thông vận! Qui thân vốn không có bình, trong chăng thể thấy được; vốn không có thanh, nghĩa cùng chăng thể biết được; thể mà thể khổ không nợ mà thấy, thấy chung mới về đến không nói gì làm dương tú tân cả; hay biết được trong thiện-bịa phải triều-miệt cương-phương tế-tự, đầy đầy vậy như là qui thân ở trên, như là ở bên ta bên hữu. Kinh 7 hi nói rằng: "Qui thân cận-cách không biết đâu mà luôn được, phương chi dân chán Nam mà chẳng kính u". Vì, qui thân vốn là ăn-vi không nghe thấy, mà hệ khổ mọi vật không sông thì rất là rỗng ràng, nguyên chi là một là thành-thực nó phát hiện ra không thể-dược vậy."


Tiết thứ IV. — Mạnh-Tư 子


tâm; mà một mất lại là người quan-tứ, và cũng là tài mất một nhà chính-trị nữa; một mất cũng là người nghĩa khái, có nói ra mới dối câu về nghĩa đức-quyền. So với cái nhân-cạch của Không-tứ rất là ổn-bàn viên-mảnh, thì thầy Mạnh không khỏi là người khi-cốt lang-làng, ông Không thì như gái xuân hóa nha, thầy Mạnh thì như sương mưa thu rơi mưa hạ vây.


Suốt cả trung-tám tư-trường trong bài thiên Mạnh-tứ là lời bận về tư-doạn tức là luận về tinh thiên vây. Đó là triết-học tư-trường của thầy Mạnh, mà cũng là cái cơ sở về thuyết luận lý, thuyết chính-trị vây.

Thuyết triết-học.—Thầy Mạnh luận về triết-học chỉ có những lời bàn về tính người. Thầy Mạnh cũng như các nhà học-gia khác nói về thông-hề Nho-giao, chỉ dạy bảo về mặt phải thực-tiên và đạo-dực, đó không có dem suy xét về đương triết-học cao-xa; ban về tính người cũng chẳng qua đề làm cón-cứ cho đạo-dực luận mà thôi.

tình thiên, cho rằng người ta ai cũng có cái lòng bát-nạn, đến khi gặp việc mới tổ rô ra, có nói rằng: "Nay người ta trông thấy đứa trẻ con kia sắp sửa ngã xuống điện, ai là không chớt đại thường xốt. Không phải là muốn kết-giao với cha mẹ đứa trẻ ấy, không phải là cầu tình khen vời bề bán lang xóm, cũng không phải là ghét cái tiếng chê cười mà phải thường xót vậy. Xem thế thì người ta không có lòng thường xót thì chẳng phải là người; không có lòng bở-thsen thì chẳng phải là người; không có lòng nhân-nương thì chẳng phải là người; không có lòng biết phải trả thì không phải là người".

Lại nói rõ ràng: "Lòng thường xót là đầu mới nhân; lòng bở-thsen là đầu mới nghĩa; lòng nhân-nương là đầu mới lẽ; lòng biết phải trả là đầu mới tri; đó tức là tự-doan (bọn đầu mới). Người ta ai cũng có cái tự-doan ấy, cũng như người ta ai cũng có tự-thẻ".

Oi! người ta mà có lòng thường xót, biết bở-thsen, biết nhân-nương, biết điều phải trả, có đủ cái đặc tự-Joan ấy, thì thật là tình thiên không sai vậy.


1) Cáo-tư nói rằng: "Tình người ta giống như gò kỹ giỏi, điều nghĩa cùng như cái chén, cái chậu; uốn tên tình người làm nhân nghĩa, cũng như uốn giồng gò kỹ lễ làm làm chăm chăm yêu.


2) Cáo-tư nói rằng: "Tình người cùng như nước chảy quanh vậy, khi oan phượng đồng thì chảy phượng đồng; khi oan phượng tấy thì chảy phượng tấy; tình người không phải biết thiên với bất-thien, cùng như nước không phải biết phượng đồng với phượng taryawan. Y Cáo-tư cho rằng nước người vẫn nhân, cùng như nước vẫn chảy chủ thay vậy. Y Cáo-tư cho rằng tình người như nước chảy quanh, khi oan phượng nào thì chảy vây phượng vậy, vốn không có phảng biết thiên với ắc, chỉ bỏ tài người ta kia-dào khác nhau, nên mới phân ra thiện với ắc. Nhưng y thây Mạnh thì cho
rằng tinh người vốn thiên, cũng như nước vốn cháy chờ tháp; hoặc cũng có bất-thiện thì cũng như nước bị nước mà vôt cao lên, do là tát cả thể một lực bị khích-bắc, chứ không phải là bàn-tình vay. Thầy Mạnh biến-bắc như thể, cũng không quái-quách vay.


Thầy Mạnh có nhiều cơ-trí lại giới tài biến, thường bất lây những lời biện-thuyệt của người mà bè bắc lại. Song nghi-luận có nhiều câu độc-doan, và chưa khám-phà được chân-y của Cáo-tử, mà bè bắc di ngay, thì chỉ là lời bàn suông. Duy thầy Mạnh vẫn thua-nhan cái tinh khác-quan của điều nghĩa, cho làm nó vốn ở trong tâm-tình, thì thưa là trắc-kiến vay.


Nghi thi du cai long bat-nhan, biet suy ra den nhung viec danh lam, thi tu-nien cung biet then khong danh lam, do la dien nghia vay. (Thien Tan-lam-ha).

Nhung trop la dan moi dieu le, cau tam biet phai traj tro luc la dan moi dieu tri; hay khuetch-sung bon cau tam ay ra luc la bon duc nhan, nghia, le, tri. Bo la luon ve cau cong-phu khuetch-sung bon duc, thuc la loi ban dich-dang.

Luan ve tu-vu. — Thay Manh da cho tinh nguoi ta la ban-thien, con cau khi-nhan ra dieu ac the chung tai nhung long vat-duc no lam phuong-hai; nen bay choi theo vat-duong, thay Manh bien ve cach tu-duong, tuy rang bao nguoi phai phuc ban-linh lai, nhung khac roi cai thuyet phuc ban-tinh cua nha Bou-gia. Cai cach tu-duong cua thay Manh thich cua sau dieu: 1) Cau lay phong-tam lai; 2) It bung vat-duoc; 3) Phai giup loi khi thanh-minh luc buoi som; 4) Phai xet biet loi noi; 5) Phai khe nuoi khi khiieu-nhien; 6) Phai khuetch-sung cau tam cho hoan-toan duoc bon duc.

Cau phong-tam. — Khi nguoi ta khoi long ta-nien, thi no lam cho mat cau ban-tam hur-linh di. Thay manh bao do la cau luc phong-tam; mur-dich hoc-van la phai tim lay cau ban-tam cua minh da phong di mat do, nen thay noi rang: «Nhan la ban-tam cua nguoi; nghia la con duong ngay thang vay. Nay bo con duong ngay thang ma khong noi theo, phong cau tam minh di ma khong biet tim lai, thuong thay! Nghi thi du cai long bat-nhan, biet suy ra den nhung viec danh lam, thi tu-nien cung biet then khong danh lam, do la dien nghia vay. (Thien Cao-loc).

Qua-duc. — Thay Manh bao nguoi ta phai nen qua-duc, noi rang: «Mao
đường cái tâm thì không giằng quặc. Vì ràng bưng dục nhiều quá thì dễ mắc về đường bất-trính; như là cỏ mọc rườm lên lan khắp cả đường cái, cái bưng vật-dục nó đã sinh ra thì nó cũng làm che lấp mắt cái sáng của bạn-tâm dài. Song bưng dục nó có nhiều hưởng, nếu chê bột cái bưng dục än đến cấu cho sinh-tôn, thì loai người không thể sinh-tôn được. Thầy Mạnh thì cho rằng những bưng dực không nên có thì cần phải chê bột đi; còn như bưng dục nên có là bưng dực sinh-tôn thì cũng nên cho đẩy đủ. Tuy rằng thầy Mạnh nói chê-dục, nhưng không phải bảo cả dực, không như Tông-nhô lại nói nghiêm khách là phải tuyết-dực đi.

Giữ lấy khi thanh-minh bì dự sở.


Tri-ngôn.


Duống-khi.

Khuếch-sung. — Tâm người ta vốn có bốn mối là thường-xót, thiên-thọ, nhục-nhuong, biết phải trả, hồn cái tâm ấy là tự trỗi phu cho, người ta phải nen khuếch-sung ra.


Vương-dạo thì cùng cót về đường công-łożyć làm cho dân giàu, những cót phải dạy cho dân biết điều nhân, nghĩa, lẽ-tiết. Déc giáo để dạy dân mỗi là điều cót-tử thường-dạo; còn như cách làm cho dân lợi-dũng hậu-sinh chăng qua là những việc bất cứ, nên thầy Mạnh nói rằng; « Lạm cho dân nuôi người song dura người chết không có an-hân điều gì, do là những việc bất đầu làm Vương-dạo vậy ».


dành lيرا dán ấy vây. (Luong Huệ-vương thương). Thay Mạnh dã cho việc kính-tế là không nên kính-thái, nhưng người náo trong vế dòng kính-tế quá mà chỉ di cuid lây phụ quí thì lại không nên. Vây thây lại phán biện một đàng làm thiên nhưởng Thuần, với một đàng vế lôi như người Trích, khác nhau xa, vây nên thây nói rằng: "Möl gã gây trò dầy mà đã châm chỉ làm thiên, là lũ ông Thuần vây; mới gã gây trò dầy mà đã châm chỉ nghĩa đến lôi, là lũ người Trích vây; hai đàng sở-di khác nhau xa là vi một đàng vế thiên với một đàng vế lôi vây" (Tân-tầnm-thương). Thay lại chê những kẻ chỉ gây vế dòng kính-tế nói rằng: "Những người chỉ châm vế sự an ương, thay ai cùng kính; vì là những kẻ chỉ gây biết nuôi cái tiêu-thất là kháu phúc mà bò mắt cái dài-thể là cái tâm vây" (Cao-tử-thương).


Đạo-dực Nho-giao tự Không-từ đáp dải-thánh, đến thay Mạnh mới phán ra thông-he mà phát-triên thêm ra; do là cho sở-trường của học-thuyết thay Mạnh. Luận vế tình người và luân vế bàn-vu vế đạo-dực, đến thay Mạnh mới nói rõ hình-thúc ra lại càng
chính-bi hon. Luan về cá-ch tu-vi thì
cùng dâ bảo phải suy-nghi, chang
những là chi báo thực-tiễn. Song trên
phần tu-tiều luan về dòng-co, vẩn là
thuy-chung nhất-qua cảm; phần lý-
tiều về dao-dục, lại hay thich-dưng
về việc chinh-tri, mà lại chi giảng-
thuyết về dao Vượng, rất là bác-sịch
dao Bá; đều là những chở só-trưởng
của học-thuyết thi đã Mạnh. Song có
chở só-trưởng cùng có chở só-doan.
Về học-thuyết thì ít phàn can-cú ở
triết-học, tu-tiều cùng không được
quản-triện cho làm, do là điều só-doan.

Song thì Mạnh khác với những nhà
dao-học lâm-thương; thi có cái thiện-
tài về chinh-tri, thường cậy tài-khi,
phát ra bàn-liên sang-sang, về phân
luan-ly cùng có nhiều chở không được
chinh-xác. Xem như thủy cùng với
Cao-út tranh luan thi khái biết. Cao-út
thi chỉ y một dăng, tuy rằng bị thi
Mạnh bái-bác nhưng cùng phần nhiều
chở chỉ là chở nói bàn xưởng, do là vi
tu-tiều chutra được quán-triệt vậy.

(Cón nữa)

DÔNG-CHÂU dích-thuát

VIET-NAM TỔ-QUỐC TUY-NGÓN
越南祖國粹言

VI

205—Lắm trai đã đăng nên trai,
Bảnh Đống, Đông tỉnh, danh Đoài,
[Đoài tan (1)].

206—Lắm trai có chí lập thân,
Rồi ra gặp hối phong-văn có ngày (2).

207—Lắm trai chí có cho bèn,
Cho luôn vò, chó phân muốn con
(3).

208—Lạy Trại, lấy Phật, lấy Vua (4),
Cho tội manh-khô tôi zuôi con ruoi (5).

209—Hoa sen moc bái câi làm,
Tuy rằng làm-lập vẫn mà hoa sen (6).

210—Hoa thơm ai nói bò roi,
Người khôn ai nói nâng tôi đến ai (7).

211—Hoa thơm ai chẳng muốn deo,
Người khôn ai chẳng nâng nữa bền[8]

212—Hoa thơm mất nhe đi rồi,
Còn thơm đâu nữa mà người róc-no (9).

213—Hây quán, hay áo, hay choi,
Mà chẳng hay người là của bò đi (10).

214—Ham cái nết, không hết chỉ người

1) Đoài là dạy là phuong chinh tả-
dổi Lê chia nước làm tự-xử: gọi là x
Đống, x Đoài, v.v.

Đối Hậu Lê hai xừ ĐôngĐoài nhiều
loan. Dạy là lời phong đạo là một cái
nhân-cách tương tài, giep loan an-dàn
và để làm gương cho kẻ làm trái.

2) Phong xã là giờ, vân vän là máy.
Sạch nói hò gầm thì gió đến, long bay,
thi mỹ theo, đề vì như có anh-hùng
thi có thời-thể.

Dạy nói làm trai chỉ lo lập được
thần cho thành nhân-cách, chở không
lo gi không gặp thời-vận hay.

3) Vô con là nghĩa-vu làm trai phải
cô để dòng góp với xã-hội, song dường
tuổi thanh-nień cần phải tu-dực tiến-
ghiệp, nên da-mang som, tất không
thêu duôi được mục-dích. Thế thì co
mượn một chút cùng là sự hay, chở nên
lo phień. Dạy là khuyên nên bền lòng
lập-chie.


7) Đấy là nói người khôn ai cùng trong, cùng như hoa thơm ai cùng qui.

8) Cừng giống nghĩa câu trên.


10) Đấy là chê kẻ không biết tu lạy nhân-cach thức, mà chỉ chăm sỉa-sang bề ngoài. Quả nhiên, choi-bộ đâu thạo-gió, nhưng chính cái người của mình thì không giói, thì lầy đó vô-dũng rồi, còn qui gì.


Coi đủ biết nhân-cach là trong ở the mình-thần.

215 — Trai thì mạnh, gái thì mềm (1).
216 — Trai anh-hùng, gái thuyên-quyền (2).
217 — Trai tức-đạt, gái giáng-hộ (3).
218 — Già áo, tơi cỏm (4).
219 — Gạo đồng mức nước nghiêm tay, Khôn ngoan cho làm tổ-thấy người ta (5).
220 — Hi ra đăng vì quý quý danh sáp, Trở về nhà liêm lạp nói niếu (6).
221 — Đềm năm nghĩ lại mà coi, Lấy chúng hay chút như sofort quý vang (7).

222 — Đềm năm nghĩ lại mà coi, Lấy chúng có-bạc như vơi phá nhà (8).
223 — Bất xâu trong cậy không-nghi, Những người thôi-lúc nói đều phân-phu (9).
224 — Bất tốt trong cậy rứt-rặc, Những người thanh-lịch nói ra qui-vui vương (10).

lên thì ra giúp việc phục vụ nghĩa, việc giao-dục càng hay. Hôm nay như nhưng bậc anh-thu, nũ-khiệt cùng không bở được cái đức mến.

2) Thuyên-quény 福 姻 là người con gái cựudeparture mà có tài có đức.

Đây là nơi về hai cái nhân-cách tôi-cao của trai gái.


Đây là nơi về hai cái nhân-cách cựu của trai gái.

4) Câu này là dịch đôi câu "y đã phan nang 衣架朴" của Tâu. Thanh mặc áo mà như cái đã dèo áo, đa dùng có mà như cái tài due dụng có. Đây là nơi kẻ không có tri thương, không có tình-từ, không làm gì được. Tuy là người mà đã cái đã dèo áo, cái tài due dụng có.

5) Đây là câu phong-dao về thế "bung", gièng tay có lẽ là cái gièng nước không tốt mà tác-giá trọng thấy bày giải, bèn lấy cái giao bàng dòng là một vật quái mà đã mực cái nước gièng không tốt kia, để hướng vào một người khó-ngoan tài giờ mà chỉ làm thấy ướt cho người ta, cam chịu ở-نعم như thế thì có làm gi. Nhân bài chữ "người ta" có nghĩa là người người, cho nên có người cho là cái này ở về lúc sau đối Hỏ.


Giàng bằng biết rõ miễn người, người hay chử là kẻ thong-minh biết rồi tâm-tính trước, tức là kẻ trí-kiền. Đây là lời người hoác-trở tự phỏ nhân-cách với người con gái hay là lời người con gái đã lấy được chóng hay chử mà biết lòng.

8) Đây là lời người con gái chế gì cơ-bắc không chịu lại làm mới, đây là lạy rồi hết cả gioi-sắn rồi mà than-thở.

9) Đây xấu thi cây cần, người tức thì lời phạm, lệ tự thể. Vậy muốn có nhân-cách tất phải cải-lương từ giốc.


... 225 — Dạy song, dạy cùng may liên, Dạy có một tiện dạy cùng sâu-nuôi (1).
226 - Đây vắng dạy cũng đồng den,
Đây hoa thiên-ly, dạy sen Tuyên-hồ (2).
227 - Đây ta như cây gữa rừng,
Ai lay chẳng chuyền, ai rung chẳng dời (3).
228 - Hã có một lượt thi thòi,
Lược này lượt nữa người dời khinh chê (4).
229 - Đền đầu cũng kể là người (5).
230 - 1 hước cam-thảo, nước tạo-thần
231 - Đẹp đòn đánh mà đi (7).
232 - Bước cã người lấn nết (8).
233 - Đẹp không mái mà vòng (9).
234 - Dù rạch mới ra thành lớn,
Xưa kia nó cũng hống-nhan hơn người (10).

1) Song với máy một loài mà song
to máy nhỏ. Có tiền 60 đồng là một tiền qui, cũng như bày giờ nuôi xu là một hào. Đây là lời người bị kể kia có ý khinh mà đọ nhân-cách để tổ mình cũng không kém.

2) Hoa thiên-ly thom thoảng mà thanh, cảnh nhỏ, hoa ra chum, cây về loài leo, sắc hoa màu là màu. - Tuyền hồ tục hồ Tuyền ở Hà-nội, trong nhiều sen. Một cái hồ to ở độ-thành, sen lại vón là họa thanh-qui. Đây cũng như nghĩa trên.


4) Đảy là nơi về sự phải đời lời. Đã lỡ một lượt thì nên an-nần mà thôi ngay.


6) Cam-thảo jế vị ngọt làm, tính hóa, giải độc, điều-hỏa được cả các vị thuốc khác. Cho nên không may dồn


7) Đảy là khinh cái nhân-cách đẹp người mà vô-dương không giúp được việc gì.

8) Đảy là nơi nhân-cách tót, người đẹp net hay.

9) Đảy cũng như nghĩa câu giải (3) trên.

10) Đảy là cái độ tay cấm che mua
năng làm bằng tre với giấy. Nay Nhật-
bản còn dùng mà ta thị bô. Sắc đầu ngoài đen, trong đó hoắc xanh mẻ có vẻ thường, nên mỗi hống-nhan cũng như gài mà hống quí giả. Đây là nói trước giải sau nghĩa, nhân-cách cùng nhân
dó bi người khinh. Nhưng cái đầu thì the, chứ nhân-cách thì không bén dời được.

235 - Dáng chú-mày coi cũng xinh,
Cóm ngày ba bừa còn rính còn còn (1).
236 - Chuột chú che khí rằng hơi,
Khi lại trả lời, cái họ may họ (2).
237 - Chinh-chuyền che mặt ra ma,
Lặng-la chét cùng khinh ra đay động (3).
238 - Chím hôn tiếng kể rank-rang,
Người không tiếng nói Đặc-dạng đặc

239 - Chàng chú cũng thế là chẳng,
Chàng ngạt cùng thế cam sánh chinh cấp
240 - Cha đại cái áo rạch nay, (6).
Mặt chẳng mặt bàn về may áo ơi (6).
241 - Ẩn xôi ở thì (7).
242 - Cùa đội muốn sự câu chung,
Hơn nhau mỗi tiếng anh-hùng mà thôi.
243 - Ở cao chàng quan gió rang, (8).
Bè cao chàng so nước sông tran vào (9).
244 - Cơ cùng mới đàng đầu giữ (10).
1) Đây là lời giải một cái nhân-cách tốt mà mà nên tai.

2) Đây là nỗi kẻ chỉ biết chế người mà không biết xét mình. Chùm chế khi hỏi mà chính nỗi ớn mình là lúc họ không ai chịu nỗi.

3) Chinh-chuyên là dực tốt của dân bá, chính mà chuyên một lòng, tức cùng là dực trình. Lạng-lo là nét baru của dân-bá, tự trái hoa gheo ngàyệt không chưng-tinh với ai. Đây là lối của kẻ lạng-lo, biết mình bị đi chịu khá mà không chịu sửa lại nhân-cách, bèn nỗi bị rằng chinh-chuyên với lạng-lo rồi cũng chết cả. Đo-đức với vô đạo-dức phong có làm gì. Song lạng-lo mà để phải phát ra câu ấy để cái liều thì biết nó đã bị bỏ bỏ râu rồi.

4) Đây là nỗi về nhân-cách quan-he & lời nồi.

5) Cam sành là một giống cam ngot làm, nó tự chính & trên cây lại càng ngot.


7) Đây là chế cái bùng không tràng-viên.

8) Đây là danh thục cho người đời biết tài-sân với vinh-danh, đăng nào là quí. Bồn đồng-túc thấy nhóm tô vươn ruộng, lớn thì căng son, hết cái gì thuộc về ai thì là của riêng người ấy. Nhưng không nghi trách đã bao nhiêu chi,


9) Đây là nỗi dè có cái nhân-cách cao thì bốn tiêu-nhan hoặc sự tiến-cố không chuyên-di, làm-app được. Cũng như cây cao với dê cao thì gió với núi không rung chuyên, không trên vâng được.


245—Anh no ngữ kỳ (1).

246—Anh-hưng gặp phải khắc loạn, Khi gặp thì ngôn khi vươn lại dài (2).

247—Anh-hưng gì anh-hưng rom, Tôi cho năm lừa hết con anh-hưng (3).

248—Anh này rồi kéo làm ăn, Bi cây chẳng biết chỉ khàn muôn người (4).

249—Anh này rồi kéo ra trò, Ở nhà cả cao, cả mơ trong tiệc (5).

250—Anh dụng chế thiệp xưa xa, Bồi chúng bác me sinh ra thế bây (6).

251—Ai cho sen muôn mới bến, Ai cho chánh thế sành cùng lưu lê (7).

1) Đây là nỗi về cái nhân-cách ngưu-xuẩn, không biết lời nghĩ gì. Chỉ ẩn cho no ro lợi ngư cho kyi. Việc bẩn-thần cùng không nói nghĩ, phỏng còn lo nghĩ gì đến nha đến nước.
2) Đây là nơi nhân-cách điội thì
không lo hoạn-nạn. Xem con lươn kia
không gặp khốc lợi thì trông ra ngán,
nhưng khi nó uốn ra thì lại dài. Anh-
hùng gap vần bể cũng thể.
3) Đây là giới kể hay tưởng lả anh-
hùng mà xem nhân-cách thì rom-rác
lảm. Nên nói khởi-hài để mà giải. Anh-
hùng rom thì ta chở nằm lừa là ra tro,
hết cả khoẻ khoang.
4) Đây là lời giải kể ngu-dắn không
lầm gi được mà lại hay gió việc ra.
5) Đây là lời hoat-kể giới kể vọ-tài
chì hay ăn hay uống, ăn hai gia-dình
ma ăn một cạc lêm-nêm. Lại còn có
len-lóc chen vào sần kháu xã-hội dễ
cùng ra tró.

6) Đây là lời người còn gài, xấu
người mà dép нет, nói để cho người
con trai biết trong đen tài đức của
minh từ tự-tiền được, còn cái dưng-
áo bởi tự sinh-thành có xâu-xa cũng
không hãoi gi.
7) Đón ran là cái chau. Đây là lấy sen
ví mưòng, chánh kẻ với lần lê mà
vi nhân-cách có eso hâ khác nau, thì
không có thể còn cái làm một hàng nbr
nhau mà đem để chung sánh liên vào
với nhau được.

(Còn nữa)
Đô-nam và Đông-châu

TUỒNG HÁT
TRUNG-HIỆU THẦN-TIỀN (1)
(Truyện Hưng-dao-vương 胜道王傳)

Hội thủ XIV
Kể dự-dích quân lui về Vân-Kiệp
Lồng thương-dắn vua gia-hạnh
Hải-dông

Các vai :
Thoát-Hoan — Ông-mã-nhi — Trương
Ngọc — Hưng-dao-vương — Đa-Tường
— Yết-Kiều — Nhân-tông — Hoàng-phí
— Trần Lai — Quản-sĩ.

Thoát-Hoan cùng chủ-trương ra.
Thoát-Hoan nói :
Trữ Nguyễn-dinh phung minh; giả
dao danh Chiêm-thành. Тоa-Dô dài theo

(1) Xem Nam-Phong số 170,171,172 và 173.
phi ngưới ngu. Như nay mi mưa giữa, nước ta qua đánh nước Chiêm-thành: Nam-Việt nay thực cừng như Như Gừng; Chiêm-thành nó khắc gi với Quắc. Như nay dầy: Mưa gián không đế mắc; kế quyết trưởng không xong. Đánh phải quyết thur hùng; đặng cho phán thắng phụ.

Thọt-Hoan nòi:

Nghè lời dâ tim ruột; thấy nòi cùng cảm gan. Ông Hưng-dao-vương ta bia cho:

Nước nhớ teo nào khác Thế đên-hoàn; người nghĩ ngẫu đã đang dến người giáo. Trư-trư; Bỉnh không cẩn mắc giáp, ngưa không đối giắc yên. Quan; Trùyên kip phải đánh liên; chociaż đàng cho thu-thoát.

Hai bên đánh nhau, Hưng-dao-vương hưu chay vò.

Thọt-Hoan nòi:

Mới ra oai một phụ; giấc nó dâ chay dài. Khruu-cáp kia nó dâ bỏ rơi; Chi-lăng nó ta man tiến phát.

(Bể vò)

Hưng-dao cùng chứa-trương ra.

Hưng-dao-vương nòi:

Oi cha chặt! Quân ta dâ hai đôn trăm thủ; sắc đăng ưu từ diện giáp công. Đánh lại chẳng xong; giữ ưu không dâ. Chư-trương, truyền thiếu quân. Nghe. Bố Khruu-cáp phải lo thái kế; vẻ Chi-lăng sẽ thiệt đại đôn, nghe.

(Bể vò)

Thọt-Hoan cùng chứa-trương ra.

Thọt-Hoan nòi:

Mừng đăng-trương hai đôn thủ thẳng; khen mu ru thành nhất kế đúng kỳ. Chư-trương; Kì truyền đối dòng Khả-ly; dao v trọng Chi-lăng tiến phát. Truyền tiến quân.

Văn ràng:

Dao-v trọng Chi-lăng tiến phát, Quyet phen nay tan nát mới thôi. Điều susa ưu cùng định rơi, Châu kia đâm đầu với voi bao giờ.

Lài nòi:

Đây dâ đến Chi-lăng rơi mà : Muôn đăng đôn nay đã phá; ưu dừng đại-bác mới xong. Ta hân làm tự khai ta phừng men sang dânh, vua ta có cho ta mái cù nhất-bắc, sang nay đã đên thành dânh kỹ. Thời tan nát hết, mà bô vậy cho nên: Chi-lăng kia cho vậy lấy chín lân; bái tên nó cùng sai riêng một toàn.

Quan Hưng-dao-vương ra, Quan Thọt-Hoan vây Hưng-dao-vương.

Hưng-dao-vương nòi:

Oi cha chặt Quân đâ dâ dòng trái kiến; thế thí mạnh như điều. Ý khôn chống lại cùng bái; tên đề dịch nhau với sung. Như thế nay: Thất mắc con lung-tưng; khôn biết nòi treo-bào. Chư-trương; Âu là ra sức đánh liên; đằng đâ dâ trong lâu-thoát.

Hưng-dao-vương dânh giải vò.

Hưng-dao-vương nòi:

Nạn kia thoát khi oai một phen; đường nó chia làm hai ngâ. Ta muốn chạy theo trong hồ; Nâ-trương: người xem có ngài gì không?

Đâ-trương nòi:

Đâ đâ: Nếu chạy theo trong hồ; và Nguyn-trương theo liền. Bái-tân kia trương cùng có truyền; Yệt-Kiều không chắc đâ ở dô.

Hưng-dao-vương nòi:

Cố cùng gập con giống mạnh; tôi hiện giúp vân nước ngoe. Đû ràng gập bubi treo-bào; nhưng cùng tắc lòng vâng đâ.

Văn ràng:

Nhưng cùng tắc lòng vâng đâ, Đû gian-nàn hiêm-тр quả đâm. Cánh quen chở lấy làm sau, Cánh vui chắc sẽ theo sau đâ mà.

Đâ-trương văn ràng:

May ra ta lại gập ta, Bái-tân trương cùng khôn xả chế o ngày.
Hưng-dạo-vương nói:
Ai như Yết-Kiều dismantle món?

Yết-Kiều nói:

Hưng-dạo-vương nói:
Nước cùng duuyên với cả; may bồng cảnh ếch hòng. Như khi gặp hối long-dông; may cũng nhờ tôi giúp đồ.

Văn rằng:
May cũng nhờ tôi giúp đồ.
Quyết phen này trả nợ non sòng.
Một mai văn-lý thừa-phong.
Cũng vì său cảnh may hòng bay cảo.

Yết-Kiều vân rằng:
Phản hén bạo quân công-lao,
Chưa không bồng cảnh lơi nào yên tâm.

Đại-tường vân rằng:
Phen này rằng bày nhịn tâm,
Một mai mua gió âm-ầm sê bay.

(Thể vő)

Nhân-ton nói:
Từ nghe tin bái-tran; lường e nói hao bình. Âu là theo lói thảy-trinh; dạo vong Hải-dòng tiên-phát, a.

Hoàng-phi ra. Hoàng-phi nói:
Đã đà, {}lạy Bệ-ha, như cách sự thế này, xin cho tiên-thief theo chúng: Cha gặp con bối-rói; con xót nói bới-thương. Xin cho gặp mặt phu-vương; {sẽ đáng thoa tỉnh nhi-nữ.

Nhân-ton nói:
Ta cho.

Nhân-ton văn rằng:
Dạo vong Hải-dòng tiên-phát,
Chớ bị ma chửa kip quan bao.
Mỗi hay thiện-từ ngôi cao,
Trong sung-sương lại gian-lao thể này.

Hoàng-phi văn rằng:
Có đâu Siêu-mầu ở đây,
Mỗi hay nhất phân cùng đầy thiện-kim.

Tiểu-tỡ Trấn Lai nói:
Đã đà, {}lạy Bệ-ha cùng Hoàng-phi
nưr nay: Trời cùng đa trưa quà; ngoài chưa có con. Xin tha lối cho kẻ hạ-thần, vì kẻ hạ-thần có đem bất con tổ di
dày: Tấm lòng son đâm quên phấn tôi-dời; lượng con đồ xin đăng lên chửa-thương.

Nhân-ton nói:
Hào a: Thối ta cùng phù-nhậu nhân lấy
cho dọ mà: Trưởng những lúc đa không còn dối; mỗi hay rằng cảm ngoài là ngon. Ngờ đâu chút phân trực con; biết giầu đao tổ làm thể. An đã đánh xắt kề; ta cho mi trước là thường-phương nghe: trước cùng thường lên ngay.

Hoàng-phi nói:
Như thế nay: Ðủ phán nhỡ, hữu công lạc thường; nhở còn sau mỗi phân bất vương. Thỏi thì đánh cam khó hi thường; mong lại đăng gian-nan công tề.

Hưng-dạo-vương ra.
Nhân-ton nói:
Tội xin chào bà-phu.

Hoàng-phi nói:
Con xin chào cha.

Hưng-dạo-vương nói:
Chương hay Hoàng-thương cùng Hoàng- phi qua đay có việc khi mà hay?

Nhân-ton nói:
Như ta qua đay cũng bồi vi: Tin từ nghe bài tran; lòng lòng những thường dần. Như nay sinh ra cơ-sau làm vậy: Cũng bồi vi đàu lúc với cường-lân; nên đến nỗi la tai cho tiêu-tính. Ta nghĩ công-việc bày giờ thô thì ràng nó
cho xong mà: Âu phi đàm treo có trường; thời thì e nói mau hồng. Bối vay ta muốn gắp Quân Nguyễn-suy đó mà: Nay được gặp ngày-nhưng; sẽ thứ xem y-kien.

Hung-dao-vương nói:
Trăm lấy Bê-ha, như nay Bê-ha bảo hằng với nó, tôi lấy làm xuất-hô làm mà; Bối đành mô chứa roi xương đất; chắc ngày vàng còn vương ngôi trời. Lẻ đầu mình chịu phân tôi đói; đế cho nước cam bà xi-nhục. Như nay tôi đành cũng nó mà cưỡi phua luôn làm vậy, cùng là cái cách du-duơng đó mà: Bối đủ nó dọn dẹn lành phát; rồi sẽ ta bỏ bỏ tiên sống. Đánh một trận thi xong; có việc gì mà ngại. Xin Bê-ha thuyết rồng trở lại; cho hạ-thần thụ-thập tận-quan.

Nhân-tơn nói:


Văn rằng:

Long-dơ là-thời tương-kiện,
Đu may phen nguy-bit chẳng nào.
Chu Du chắc có tài cáo,
Sê xem Xích-bích Tôn Tao được thua.

Hung-dao-vương văn rằng:
Lo chi việc ấy mà lo,
Đầu tôi chửa mất ngồi vua hãy còn.
Hoàng-phi nói:

Tôi hết lòng với nước; vợ tron dạo Cùng chẳng. Lời nay thế với non sông; nghĩa ấy ghi vào vang dâ.

Văn rằng:

Nghĩa ấy ghi vào vang dâ,
Tả lòng nay biết thuở nào người.
Cô buồn mâu lai có vị,
Cha con hiếp mất vua tôi một lòng.

Hung-dao-vương văn rằng:

Hây xin lang-lang mà trông,
Trời nam sẽ thấy cảnh hồng cao bay.

Nhan-ton cùng Hoàng-phi vào.

Hung-dao-vương nói:
Trồng thuận rồng đa xa cách Hải-dông rơi đó. Quan, âu la: mở trường bể sẽ ở sống Vân-khiệp nghe.

Hội thụ XV
Đốc hội hội ở đồn Vân-khiệp
Lánh năn danh bò đất Thắng-long

Các vai:


Hung-dao-vương cùng churn-tượng ra.
Hung-dao-vương nói:


Churn-tượng cùng nói:

Phượng-menh.

Quốc-Nghiêm, Quốc-Tẳng, Quốc-Nghê, Quốc-Oai đều ra, cùng nói:

Đà đa, trăm lấy vương-phu, như nay anh em chứng tôi đên dấy: Nếu xuống vương-phu gặp con nguy-biện; bối vay cho nên
dung-lánh; đế giúp việc chinh-tran
Cho áu-nhí quân lấy thần-bính; theo vương-phu chung cùng tắc-dàng.

Hung-dao-vương nói:

Ta cho.
Phạm Ngũ-Lão, Lê Phúc-Trần, Dã-Tường
Yết-Kiều, Nguyễn Khoái, Quốc-Toàn đều ra

Cùng nói:

Phương
Từ hai trăm thua cùng tắc-dâng; nhưng rủi ma; may chúng tôi thu lấy tận-bình. Bây giờ chúng tôi đã sáu sang được như trước rồi đó ma: Quân sạc đã phân-minh; bình-hưng thềm chỉnh-túc. Trăm lấy đại-vương, cho anh em chúng tôi đánh một phen nữa ma: Trước xe canh côn mông sau phán-dục; thất dòng-ngừng âm thu lại tang-du.

Hưng-dao-vương nơi:

Hảo a! như nay; Đ seçim dụ vai chư-trương; lại thêm hổ mất bốn con. Trương đã lừa đáng nhiều viện; bình cũng hai hai mươi văn. Ta khuyên các người nghe: Đừng hãy thua mà cần; dù cho được không mừng. «Sắt Thất săn» dè hai chữ châm xanh; tuấn-cựu giữ một lòng son đó. Từ hiç-thi ránh-ránh ở đó; khuyên chư-quan lang-láng mà nghe.

Hích rang:

Kỹ-Tĩnh với Do-Vu thuở nọ, liều mình mà thay chạy chợ vua; Duy-Nhuơng và Than-Khoái đòi xưa, tuân-quốc cùng trả thua với chưa.

Kinh-Dực phân một chằng nhỡ nhỡ, mình che vua mà thoát được nạn kia; Chân-Khanh tỏ đằng đám xa xa, miệng cười giác quyết không theo lời nọ.

Trái xem tôi giới đòi xưa; dù ở đời nào cũng có.

Giả vi kiền may chằng yyyyMMdd, khu-khu mà giữ thời nụ-nhi; lại còn đầu muôn kiếp lưu phương, hạch hạch đằng đầu dầm vui-trù.

Truyền đời xưa còn có khá-nghi; việc cánh-thẻ lại càng thêm ơi.

Tòng thân như Vượng Kiên Nguyễn Lập, lấy một thành mà cử đích trên muôn; Nguyễn-trường như Ngọt-Ngai, Tu-Tư, dù Văn-lý cùng mơ-mang xích thương.

Chứng ta sinh ở đời nay; các gã xem giống lấy độ.

Kia người nào, ta cũng người nào; việc lại khó, thời thêm lại khó.

Kể từ khi nguy-sử vắng lai; biết bảo nội đào-dỏt bargaining.

Hào-dieu vẻ vay ba tắc lui, để đau toan ép lại chien-thu; khuyến-duường này mãi gang thằng, liu câng không thềm chờ tôi-phu.

Phương sự thắc lời Tắt-liệt, ngọc bạch đưa còn bày cách tru-căn; giạ-vương rung tiếng Văn-nam, vàng bắc hét, còn gì là phụ-khô.

Cửa bao nhiều ưu dễ chần lòng lang; nuối cho làm trưởng không vời miếng bò.

Ta bèi vay:

An chẳng thấy ụng; năm không nên ngụ.

Hai hàng lệ nhỏ thương luôn; chim khúc ruột đau như bò.

Giản thay loại Mộng-cô, năm đã ẩn thớ trưởng không người; cảm bày lạc cười-Nguyễn, ương mâu ăn gan hư đâu dù.

Nay ta soan trưởng-lược chu-thư; giao cho đồ binh-thư nhất bờ.

Nếu chịu chăm xem mà học, tính quan-thần xin kể bạn thế-thần; vì bằng biểu nhạc không xem, cách thucht ciò gì theo chủ.

Bời thù kia chẳng chịu sóng chung nhan; nên sách ấy cho nên khinh mà bò.

Chư-trương ơi!

Các người đánh đem đã vui chịu; sĩ tốt chẳng ra công dày bờ.

Áy thật là không thù dích cùng người; nào có khác cam tấm hằng với lô.

Chót mang an phụ tài, thân phân nay đánh phải nên lô; nếu chịu đưa cười thù, đien mực ấy thôi cam chịu bò.

Quân ra báo rằng:

Đề đề, Nguyễn-bình chia ba đạo; thụy-lộc lại trưởng-phương. Năm trăm
chiếc ôi cảnh-thuyền; đã gần sang Văn-kiếp.

Hung-dao-vương nói:

Bức sóng no giấc Nguyên bầu trời;
Đức-thủy này trên thể bài lắc.Chư-trương
ughe ta đôn: Tả-hưu phần lưỡng-dien
tế khai; còn như ta: chiên-thuyền tu trung-quan đọc chiến.

Thoát-Hoan cùng Chư-trương ra.

Thoát-Hoan nói:

Ta cảng khen cho do mạ: Dù Đức-thủy
trấn bảy cũng giới; nhưng bất son dao
văn nan đương. Truyền chư-trương khai
thương: quyền tràn-tiền thảm phủ.

Hai bên danh nhau. Hung-dao-vương
thua chây.

Thoát-Hoan nói:

Tràn-pháp dụng còn khoe giới; phen
này cùng cứ thua hoài. Quân: Truyền
quan-sĩ đủi đại; đăng sinh-cảm Trân-
trường, ugeh.

(Để vào)

Hung-dao-vương nói:

Như nay ta phải thua làm vây: Đức
pháp-trấn bảy lại cùng giới; nhưng
quán ta có nhược nan đương. Thủy
trinh dao vọng Phụ-trương; sẽ тот Long-
thành cử-dịch.

Văn ràng:

Sê тот Long-thành cử-dịch,
Chắc Hồ-Nguyễn khúc-kích cũi ta.
Căng di đường lại càng xa,
Kèi vào đã vây khi ra lề nào !

Quan ra báo ràng:

Đa đa, Quân ta đường lấp trại; giấc
nó đa các sông. Nghe sung bàn đúng
dung; tôi đứa tin kịp kịp.

Hung-dao-vương nói:

Giặc kia đã đối ngan; chắc nó cùng
qua sông. Âu kíp tổ đen rồng; đăng
sê nghinh già phượng, a.

Lại nói:

Thương-hoang hoàng-thương clip sự.

Thương-hoang, Nhân-tơn ra, Thương-
hoang nói:

Bà-sư mà bày,

Hung-dao-vương nói:

Nay gặp con hoạn-nạn, phải lánh
chơn hương-thơn. Ta phát theo nguy-
giá luôn luôn, nàng kíp phải đối chẩn
chòng-chống, ugeh.

Thoát-Hoan, Ông-mã-nhi, Khoan-Triết,
Lý Hạng đều ra.

Thoát-Hoan nói:

Giặc kia đã bò trai; câu no dàng qua
sông. Nay ta đã chìm đăng thành rồng;
thương-quan Khoan-Triết Lý-Hạng ta đôn;
Hai gã phải duty theo nguy-giá.

Khoan-Triết, Lý-Hạng cùng nói:

Phong menh.

Thoát-Hoan nói:

Nay đủ tiền đèn Đông-bô; nhưng
thể mà ta nhập lại từ khi Toa-Bô qua danh
Chiêm-thành đến dây, cũng đa lâu ngày đê
má: Còn mong tình danh Chiêm-thành.
Thương-quan Ông-mã-nhi: Người nên theo
lời hài trình, cùng với Toa-Bô tiếp ứng,
nghe.

Ô-mã-nhi nói:

Phong menh.

(Để vào)

Thương-hoang, Nhân-tơn, Hung-dao-
vương ra.

Thương-hoang nói:

Bất thái thiên-co khắc trách, hung vong
quốc vấn trường quan.STORE... Ha vai đánh lang giáng-sơn; muốn đấm biêt bao làm-
cát.

Văn ràng:

Muốn đấm biêt bao làm-cát,
Danh vang tài đa nạt quân dâu.
Ngính nâm giữ lấy kim-âu,
Có giàn-ruơn mới phong-lư ru lâu ngài.

Nhấn-tơn nói:

Đạt đù không nói khan-thình; трòi
thể chăng chịu đói chung. Thảo-hoa
từ già đến rồng; khuya sớm theo cháu già bác.

Văn rằng:
Khuya sớm theo cháu già bác,
Lòng đã vang ghi tắc từ đây,
Thân-hồn cam chịu tới rày,
Trần cam đã ít đăng cay thì nhiều.

Thành-dão-vương nói:

Thống bài bình-gia thường-sự; hung vong đề-nghiệp quan làm. thắng sái gia tân nhật vụy sự. Thần rằng mình chia nỗi cảm làm; đâu đề chúa gap con vào-vá.

Văn rằng:
Để chúa gap con vào-vá,
Tấm lòng này biết thục nào người,
Công tử lí vậy phân đổi,
Để lo việc nước phải người việc nhà.

(Để vua)

Thuy-Ngọc phu-nhan nói, Thi-Nguyên,
Phương-cúc đều ra.

Thuy-Ngọc phu-nhan nói:
Tối chúa đã đánh một lời; vợ chồng phải về hai nơi. Tắc lòng lương những bố-hội; ngôn dân biết bao bất-thiệp.

Văn rằng:
Nghìn dân biết bao bất-thiệp,
Tấm lòng này ai biết cho ta.
Bường di một bước một xa;
Nỗi chung vào-vá nỗi nhà gian-truan.

Thi-Nguyên nói:
Trời nới con giáo bội; đặt đầy tran
ba-dào. Truhan-chiền thường nỗi mà
dào; bất-thiệp biết bao đăm bắc.

Văn rằng:
Bất-thiệp biết bao đăm bắc,
Co-duyên nay còn chắc về đâu;
Một mình suy trước nghi sau,
Gió vắng cao thấp lệ cháu ngàn dài.

Phương-cúc văn rằng:
Thời thời tôi đã biết rỗi,
Mối tình ai cũng như ai phen này.

Thi-Nguyện nói:

Oi cha đi không biết thế nào mà tôi đau
thế này: Đương quan-sơn bất-thiệp;
hoi tương tuyết xông - pha. Như tôi
sinh ra co-sử dân yêu thế này cùng lạy vì:
Thương mầu-thần vật-vá nỗi nhà; xót
vương-phu can lao việc nước. Bồi u.u
sằng từ Trước; nên tât-bền theo sau.
Nur tôi bảy giờ: Đắm hối bước thấp
bước cao; hồn quê con mê con tỉnh.

Thuy-Ngọc phu-nhan nói:

Nay sinh ra co-sử thế này: Biên lai
khôn để liêu; sự chỉ cũng không nghi.
Cam khổ cho tôi bảy giờ: Chồng đúng
giúp vân gian-nguy; con lại làm con
dau yếu. Con chỉ, mẹ biết tình làm sao bảy
giờ: Gảng lấy con lấy cháo; lo mà
thuộc mà thằng. Bây giờ giữa đúng giờ
sa, có lẽ để Thế hay sao? Phát phải ãn là:
Mau mau chỉ lơi Thiện-trương; chòng
chồng trong chúng Tứ-mac.

Hỏi tạt XVI

Hung-dão-vương phu giả kip dời
Tran Binh-Trong liệu mình thế từ

Các vai:

Khoan-Triet — Lý Hạng — Thượng
hoảng — Nhãn-tọn — Hung-dào-vương —
Tran Binh-Trong — Quan-si

Khoan-Triet, Lý Hạng đều ra nói:

Nay vang Thái-tử; truy niệp Trần
vương. Nghe thừa-dư còn & Xuân
trường; âu tiến-lớ trong chúng Thiên
mac.

Văn rằng:

Tiến-lớ trong chúng Thiên-mac,
Chắc giấc khi tan lạc khó lòng
Lắm cho biết mắt rõ-ràng,
Bao giờ có trang chịu hàng mời thôi.

(Để vua)

Thượng-hoảng, Nhãn-tọn, Hung-dào
vương, Trần Binh-Trong đều ra.
Thường-hoảng nói:


Quán ra bảo:

Đa đê. Thoát-tloán sai hai tròng; Khoa-Triết với Lý-Hằng. Trò Thiên-mac tròn chưng; dằng dudi theo nguy-giá.

Hung-dao-vương nói:

Giặc dudi theo rát kip; ta áu phải lành xa. Xin thường-hoảng cùng bê-ha theo tôi; Miên Hải-dông áu kip đối xa; bội Nam Triệu đang vào Thanh-hóa.

Lại nói:

Trưởng-quận Trần Bình-Trọng, ta bảo: Chúa gęp corн hoạn-nan; tôi giữ đà trung-trinh. Ngũi chòng với Nguyễn-bin; ta theo cùng nguy-giá, nghe.

Trần Bình-Trọng nói:

Như tôi tận ngày; Giang-son áu phải gánh; sất da quýệt không dời. Suôi đèn đánh giũ lày phần tôi; mãi bác dằng thoát cho nan chuà.

Vạn rằng:

Mất bác thoát cho nan chuà, Như doí vang doí thu chếng-tri.
Phen này đề-hiem phu-nguy, Kêm chi Kỳ-Tín nhưng gi Do-Vu.


Khoa-Triết Lý Hằng nói:

Ở Trần-thương, ta bảo cho: Ta còn theo doat giá; người sáo đam ngàn đường. Như xe này Châu để khôn đường; tướng dằng ấy cả áu đam nhày.

Trần Bình-Trọng nói:


Hai bèn đánh nhau, Trần Bình-Trọng bi ngày.

Trần Bình-Trọng nói:

Đánh dâ hòa trạm hiếp; sóc khôn dịch muôn người. Đâ đánh rằng chịu chết cho rôi; khôn nô dể quản ta phải mét.

Ngâm rằng:

Ta nghĩ lại những đông trung-thân nghĩa-si đối xpra chăng là để tiêng thom đâng nghĩa thu độ mà:

Bút Đồng duy Trưởng chợ đã ránh, Cừng vi chiêm-khi mới thom đâng.
Ta như làm ơn cha ta, á phải phải:
Tổ-tiên công-nghiệp còn ghi do, Cử Tông xia khả vấn ñai-hảnh.

Quán Nguyễn cõ bất dức Trần Bình-Trọng. Nó dura cót cho cùng không in, như bồi việc nước Nam cùng không nói.

Nguyễn-thương nói:

Ở Bình-Trọng, ta báo cho: Ta có hồi giăn nhiên phải nói; gả xin gi ta cùng cho làm. Nếu hàng cùng ta mà những việc gi cùng nói thuc cùng ta, thì ta đã hâu cho gi không có sai đâu: Khi đã định nước Nam; sẽ phong vương đạt Bắc.

Trần Bình-Trọng nói:

Ở Nguyên-thương, ta báo cho: Đây đã cảm một đà; doch phó nhiều bì. Như ta phen này: Đánh đã thoát nên cho vua; đầu nô chịu hàng với giấc. Như nay mi báo ta tôi đối như vậy, chẳng là xí-nhúc làm thay! Chiu song dục mà làm vua đạt Bắc; thì thắc trong mình làm quí nước Nam. Đù cho gi quýệt cùng không làm; nếu muôn hồi danh không chịu nói.

Nguyễn-thương nói:

Quán Chăng hồi gi them mét; thế chăm quách cho rôi. Chư-thương: Thưa-dư đánh đã xa rôi; Đông-bô áu danh trở lại, nghe.

(Đếu văn)

Thường-hoảng, Nhân-tôn, Hung-dao-vương ra.
Thường-hoảng nói:
Miền cho yên nghiệp chứa; âu phải nhở công tôi. Như bây giờ ta đi đường-sá xa-xôi làm vậy: Mệnh-mông muốn đắm bè kholi; chan-chusra đời hàng le hâ.

Văn râng:
Chan-chusra đời hàng le hâ.
Gian-nan này biết thuở nào người.
Một minh muốn đắm xa kholi,
Thường thay ngựa đã mỏ-hối may lân.
Nhân-tón vẫn râng:
Thần nay bao quán phong-tràn,
Xót vô chút nói đường-thần chưa đánh.

Hưng-dao-vương văn:
Trong chùng dâ đến xérc Thanh,
Chắc là son-thủy hưu-tính đón ta,
Thường-hoảng nói:
Đày dâ tôi Thanh-hoa rõi mả: Trong thây son thành thuy tú; mừng vi lang-thiệp ba-binh. Nguyễn-tâc mi hời mì, như ta phên nay: Bái dâ lặc cầu sinh; cố dâi thời nìi dòng không hưu cuc giai tai.

Quân ra bảo râng:
Báu nghĩa-vương Bình-Trong; dâ Nguyễn-tuồng giao bín bình hiệu ê-phong quân dụng. Đâ đánh với quốc quyen sinh; chẳng chịu cam tâm hàng tác.

Thường-hoảng nói:
Nghe nói tac long thám-liệt; vân ngon đói lé chứa chan. Cung vi tôi chịu nói gian-nan; nênh chi chưa thoát con nguy-hiểm.

Nhân-tón nói:

Hưng-dao-vương nói:
Tôi có nghe lực Bình-Trong đi quan Nguyễn bất được, nô có du ràng nói hội gi cứ nói thuc với nó, rôi nó cho làm vua đâ Bác

nhưng thê, mà Bình-Trong lâ tôi râng: «Ta thâ làm qui nước Nam không thêm làm vua dâ Bác.» Nếu như vậy: Giác dô đánh dâ kholo; lòng vâng đã không khol.
Nếu như quí ấy duirc nhiều; âu chẳng mâ nào đâm tôi.

Hội thu XVII
Tiâh văn-vương tờ đã hỉu lòng thây
Lời khuyên giải con đánh
theo ý mê

Các vai:
Thi-Nguyễn, Phương-cúc đrn ra.
Thi-Nguyễn nói:
Tôi nghĩ lai như tôi bây giờ: Bôi gâp con nguy-biên; nên lô sự nhân-duyên.
Cam kinh cho kẻ thâm-nhan tôi gâp bôi nay, không biết còn thông nữa hay không; bôi vậy: Co-hởi nay đau đâm chạc lôi tiêu; như tôi dâu yếu thể nay: bính—não ấy thương không hay thuộc thành. Phái phái: Môn tôi ngâm-vinh, tâ cảm nhàu-bi, a.

Ngâm rằng:
Nur tôi si hu ra đau yêu làm vây, cùng là tức tôi lâm đầy đâ mà:
Sự mình mình biết là mình hay, Bôi vây cò nên.
Thiêu não lòng người dâ bây nay.
Nur gâp lây co-hợi tiêu nay náo có châc gí nữa đâu:
Kiep trước thời thời đánh chịu vây, Những thê mà:
Nhân duyên còn dâi kiep sau nay.
Lại nói:
Nur tôi bây giờ: Sâu nay khôn đê cát; lòng no thuc như bào. Hóm nâm canh möng diếp xâm-xao, ngày sâu khắc binh nhân vâng vê. Phương-Cúc, nur ta bây giờ thuc là chịu bất-hieu với mê do mà: Con lường những làm râng cho mê;
tổ phải cam chịu tieng cùng thấy.
Nử la bay gió không có thể song được đâu:
Sự vắng an cùng gắn dầy; duyên
thăm mong chờ kiếp khác.

Thi-Nguyen nám me.

Phuong-cúc nói:
Phu-nhan cấp-sử!

Thuy-Ngoc phu-nhan ra nói:
Hạ-sử mà hay?

Phuong-cúc nói:

Đa đa, Bệnh có áu rất ngại; phân tổ
phải trình ngay. Sao mà con tình con
sây; danh cũng như không như có.
Mình xác nhớ ngày càng vỡ-vỡ; tieng
quyen kia đem lượng hao hao. Trầm
lấy phu-nhan: Xin phải tính làm sao;
dề quá ra sợ ngày!

Phu-nhan nói:

Nur sinh ra co-suy the ngay: Gian-nan
dánh dã chịu; lo sợ biết là bao. Qua
ra khi đến the nào; liệu trước còn
mong chua được. Trước là mỗi thấy
thang thuốc; sau là xem quẻ cắt hung.
Gia-dông, cho mỗi thấy thuốc ra ngày.

Thây thuốc ra.

Phu-nhan nói:
Tội xin nhờ thấy xem cái bệnh con tôi ra
the nào?

Thây thuốc xem mach.

Thây thuốc nói:

Tội xem như bệnh quan-chúa là cha cha
là mẹ: Minh thức con chỉ xúc; bệnh
khác thể tranh-bi. Bội bệnh này chỉ-tử
khá nghiêm; vi thuốc nó linh - tiến đã
trạng. Trương-tư-thảo đăng là phải
dùng; kỳ-sinh-tảng thật cùng nên
phòng. Nêu không được thuốc hô-
dường; lại sợ đến thang đạo-mênh.

Phu-nhan nói:
Xin thấy cho đơn béc thuốc.

Thây thuốc cho đơn xông thi vao.

Phu-nhan nói:
Gia-dông cho mỗi thấy bôi đến dầy.

Thây bôi ra.

Phu-nhan nói:

Nay con tôi nhờ thấy xem cho một quí
bội xem the nào.

Thây bôi nói:

Lạy bể, quế lấy la ça cha lả lả : Nay
vốn thật đôi là nư-quái; hay đâu là cân
dống đường-hào. Bểm bể như bệnh nghiệp,
khour không không còn uống thuốc làm chỉ
mà : U-trình vốn thật là cao; Tất được
cũng là hưu-hỷ. Tôi nói cày ngay ra li
thai tôi cho tôi, bôi thành dạ dạ làm sa,
thi tôi xin nói làm vậy : Nếu gài ấy thằng
niên bất-tú; chiec bệnh này làm đủe bai-
hung. Bôi vậy cho nên: Đặc-sĩ-phu tôi
ay phải nên mừng; vật-bốn-câu què
ki xã nhở dựng.

Phu-nhan nói:
Xin cảm ơn thấy. Chào thấy lại nhà.

Thây bôi vào.

Phu-nhan nói:

Nur thể ngay : Lời được-sử xắc-lạc;
quê bốc-sĩ rõ-ràng. Chạc vi tinh một
chứt tư xương; nên chỉ bệnh trách ngón
chỉ rồi. Phuong-Cúc ở, duyên-co làm sa
mây phải nói thật cho bể nghe : Mây đi
hậu sôm tôi; viéc áu rõ thấy-chung.
Thồi tôi nói quách cho xong; đừng co
giâu di mà bái.

Phuong-Cúc nói:

Trầm lạy bể, bệnh có tôi tương là để biết
do mà : Bệnh này áu để biết, tính nó
chặc tương-tu. Nur có tôi bị bệnh làm
vây, tương cùng đã lâu đó mà : Bệnh nay
tương tư bao giờ ; viéc ấy quén là để
tinh. Trầm lạy phu-nhan, tôi hậu có tôi,
tôi thấy tôi có tôi thơ ngần than dài, còn
nur tình-nhan là ai thi tôi có biết đầu, bôi
vây cho nên : Tôi không tương cạnh-
tính ; bể gân lạy thấy-chung. Tôi muốn
cô tôi thế nào cùng nói thật với bể đến mì
thôi : Cố lể đầu lòng lại đồi lòng; âu
cũng chắc thưc xin thua thực.

Phu-nhan nói:

Con ở, con lai tính, con lai tính. Mẹ đánh
cam hết sức ; con chở khởi ối tổ.
Nur sinh ra co-suy làm vậy : Mẹ đa rõe
thây-chung ; con phải tổ bay dien-mat.
Nếu con nói: thực cung me, me lo cho con
đó mà: Âu phải biết bên trong hà phát;
dáng mà lo, chê lấy làm gì. Con đừng
e-lê làm chi; me sẽ lo toan cho đó.

Thi-Nguyễn nói:
Trảm lấy me: Án me xem như con đế;
tình con dâm giác me dâu. Tông các
việc trước sau; kể và lời văn-tất.
Cùng bởi vì lúc con theo Vương-phụ Hòa ngoại
diên-vô-trang, trồng thầy chẳng Ngụ-Lão gì;
cưa chả là gọi: Tài Ngụ-Láo dàn rằng
hần-thất; bởi vậy cho nên: lôi thiện-
tien ăn cùng không sa, Thiền-co tường
cùng an-bài; nhưng thê mà: nhân sự
không hay dể liêu. Con nghĩa rằng chẳng
may cho con, gặp phải co-hơi thế này!
Vi gặp bội phông-trần tao-nhiều, nào
chắc chi tinh nghĩa vương tron. Như
lám vậy: Trước là túi phân cho con,
sau cùng bò duyên cùng chi. Bởi vậy:
Ngã đã không biết, lôi Annie ấy dâm
ngô lôi. Nay me đã hỏi làm vậy: Con xin
thu thiết cho rồi; me có quôc gì cam
chiều.

Phu-nhan nói:
Háo ơi! Me nghĩa là ai chủ như Phảm Ngụ-
Láo, con còn phải nói làm chi nữa: Thức
là trai ănh-kietf; sánh với gái truyền-
quêy. Mốt lôi duyên dâベン duyeù;
maơn việc y dánh thanh ý. Con, Thói
chô sau chủ nghĩa, lo lấy việc làm thằng,
việc này có khắp chi dâu: Me đánh trình
với phu-vương; con đăng sáng cùng
Ngụ Láo.

Thi-Nguyễn nói:
Háo ơi! Mốt lôi mừng dâBenchmark; trảm
bền hôm như không. Thói tôi long l deviations
dân lòng: ölçü dâBenchmark dâBenchmark dep dâBenchmark.
Nàng thế mà ta nghĩ đi nghĩ lái, lái cùng e
lám mà: Nghe chú-thương giúp con bô-
bê; e truong-thần làm nói gia-nan-
Khôn hay tác đa lo toan; mưa lấy vai
lôi than-thơ, a.

Ngâm:
Tôi nghĩ lại tác-hợp co trời nào có phải
dâBenchmark;

Tác-hợp co trời phân nghệ xa,
Sao cho yên nước mới yên nhà.
Nhu gặp co-hôi thế này, chẳng may chịu-
thương cơ đi dì chăng nữa, không có lẽ
tinh-nhân tôi sống được hay sao;
Chưa như chủ nhân đức tôi danh chét,
Nhu gặp lấy co-sự làm vậy:
Thời cùng nhân-duyên phân chủ tiêu già!

Phương-Cúc nói:
Đà đã thưa cơ, trói đã hóm rồi, xin cơ đi
ngủ.

Thi-Nguyễn nói:
Thế a, thời tôi ta như cơ đi ngủ ngay.
Đường ngủ, Thi-Nguyễn nằm thấy ciêm-
bào Ngụ-Láo-trong đủi ngụ-Láo, mà mình
Ngụ-Láo thì lâu chây dâm-dia, Thi-
Nguyễn ngất đi.

Thi-Nguyễn nói:
Oi chao ơi, là cha-chá là lâBenchmark Dắt bàng
dâu nói song: trở sông thuộc như
groman; Mâu dâm-dia bông thấy một
chông: tieng la tướt thực là Ngụ-Láo.
Thương-hai cho tinh-nhân tôi còn có sông
nữ dâu. Giảng-sơn no còn dâu ngaung
ngon giáo; nhân-duyên này danh chi
khó dịu thương. Như tôi dâBenchmark như
tiếng dâu: Chằng tu thì cùng là tu;
chưa chê đành như đã chê!

Phương-Cúc nói:
Phu-nhan cặp sự.
Phu-nhan nói:
Hả sự mà ha?

Phương-Cúc nói:
Tôi không biết thế làm sao mà có tôi sinh
ra làm vậy: Còn đường yên mong diệp;
dậu phut đầy dân ông. Trảm lấy ba,
tôi lấy làm sở làm, mà như cơ bây giô:
Hai bể phut đã lánh dong; một giác
hâu òa suối bắc,

Phu-nhan nói:
Oi chao ơi! Con lại thab, con lại tình.
Phương-Cuc ơi, thue thang dâBenchmark May lây mà
xoa bớp cho cơ máy, ơi cơ co cơ cơ co lâBenchmark
sao, con phân phân lại cho mẹ nghe cũng.
Thủ-Nguyễn nói:
Đường đèn khuya thành vàng; hồng
nơi tranh chiến-tranh. Trong lúc bày giờ
còn trong mấy núi rơ-rơ, làm mà:
Thây một chăng máu chạy đầy mình, thú
Ngữ-Lão trông đà rô vật. Cư nhân chiến-
bao làm vậy: Người này Âu đã mất;
việc ấy thực không ngờ. Còn nghĩ như
thế chằng là tật hoa cho còn làm mà:
Mỗi mình cam chín bu-vơ; tranm việc còn
gi mong vượt.

Phu-nhân nói:
Me trôi là gi, nhắng là chiếm-bao đó mà;
Nhân-duyên Âu đã định; mồng ơi
cư chi đâu. Con có sao mua nào chú
sâu; me chê себе ra duyên để phán.
Me khuyen con từ nay trô đi đường có
tu-trường mà sinh ra chiếm-bao nữa nghe;
Đừng nghĩ vô nghĩ vẫn: ma thêm yên,
thêm đau. Nghe con.

(Còn nữa)

(Để vòi)

VĂN-UYỄN

Dập họa thơ ai người đất Bắc (1)
Đem mối to xuống lấy một sau,
Sầu xuống, xuống cả tấm lòng nhau;
Xuan thu đời bực tranh hoen le,
Nam Bắc cùng chung một dip cään.

Dip cään trường doan doan trường
Ai thủy long ai may khác đâu; [nhau,
Chen rung ngày ngày người bça truóc,
Cũng dân ngoại ngày khác hôm sau.

San truóc đời phen một doan lòng,
Sâu xua hăn câu gọi bão xong!
Xuân thu đời ở sau mưa gió,
Dưới ngạt cùng ai khúc chen dòng?

Chen dòng dã lỡ hẹn bu sinh,
Đâm buốc đời nhau, chi buốc tỉnh;
Cười trường vẫn không ngàn nước mắt,
Trần-ai ai có biết ơi mình?

Biệt mình subj lẻ văn tuồn dạo,
Bắt muc bao phen đăm máu dạo;

Mây nuốc hàng-khuang tìm cảnh mộng,
Than ôi! cảnh mộng vẫn chiếm-bao!

Chim-bao khi linh mộng khi lan,
Su truóc linh sau những chưa-chến;
Mồ mắt trong ra đời lê ngát,
Chân đời cùng tức mộng muôn van!

Mùn vẫn lo linh chỉ sa muối,
Lanh-leo ngày xưa chẳng biết cười;
Nhưng khóe thương mình thương khóe,
Bao nhiều tâm sự bây nhiên lọi. [bàn,

Lời chơn tương khúc tiếng doan-trưởng,
Ban lòng, ai có l Katrina vân-chương!
Còn « hai giọt lệ » duyên mây nuốc,\nMây nuốc buồn tênh budi thích-trưởng!

Tích-trưởng vu-văn đời ai đầy?
Đối khác sâu thư khắc gió tay;
Ngày thàng đời chờ ngày tháng văng,
Nô duyên yếu dên-doang chuyen bơi mây.

Mây hop rẽo tan bàn chuc sau,
Châu Về Hop phó bàn về đau?

1) Hoa 10 hai liên-hoán của H.T. nụ-st dostęp N.-P. số 170, muc Văn-uyn
Song sa bạn lại chớ tin nhan, 
Nay nhan thành Phương đáp may câu! 

Đồng-hồ

1. — Ngợi dém

Đêm qua lắc-dắc múa ngâu, 
Hơi ai rằng lý vi đâu ai phền. 
Đêm qua trưa bồng hoa đón, 
Ai ở biết no: vui phien chẳng ai?
Đồng-hồ thắm-thơi đăng hai, 
Tiếng giao xao-xúc sao mai nhấp nhô. 
Băng-khuâng trường, đói, mong, chở, 
Hơi đêm ngày bao giờ ru đêm?
Rón tay rốt dìa đầu ấm,
Nhủ bà con dập xem đêm những nào. 
Trầm mình ran chớ quên đạo, 
Đời huông thơ đế Nam-tảo chung-minh.
Gần vàng quà tất dinh-ninh.

2. — Đi tâm

Tây cảnh hồn dâng ba sinh, 
Sầu đêm ran-rì tran huynh vấn-vơ. 
Vui tay cùng chuyến linh-cô, 
Sự dời điederuong tờ mới heò!
Vangel ngảmng overturn, véo, 
Bể sóng chung cha biết béo hay sen. 
Mặc đầu xua trường rày den. 
Bài tran đi dễ đâm duyên với tran! 
Chàng qua duyên cùng vi thân, 
Tốc đa cha mẹ, ao quá yêu con.

Nước trong, hoa nở, iar lòng tròn, 
Nên huông thơg-tểm hồn nghiêng
Những hàng mảnh càng đồng thưa, xua.
Thể quan trong dúc, xem thưa thơm tanh.

Hoa thể gọi thơgoing quan mảnh, 
Bông cười kính thì xem mình la quen.

3. — Trà lối chi

(Thác lối người em gâitrà lối chi 
vẹ sự hira-gia de ngu ý không muốn di thì)
Chỉ như em đời may nang sira, 
Cha mẹ già và sơ dạo non; 
Giờ thường nông ngần-ngo buông,

Củi đầu nghi phần cánh chúu má thương.

Chà mẹ đã kiếm trong sinh nó, 
Trọng báo mình nên quay thương yêu; 
Cố hay không nã cung cựu chiều, 
Phản xung tình cung ít nhiều đềm-tô. 
Những mình em em dù chẳng nghĩ, 
Con o ngày đơn nói thò-o'; 
Đâu trái những cung sớm trưa, 
Minh lòng em cùng chứa thưa kém
Quen biết cùng mắt vơi ba kê, (người)
Sơ lại mình khi đê phần hơn: 
Hèn ra may cùng vương trón,
Minh em mong phần riêng cơu lòng-dông.

Thời đánh lòng như cầu tường tre, 
Cái thân người như thể bong hoa; 
Một len sao cùng thành gia, 
Thời kia chờ với xán giả thu non.

Lời tiên-dĩnh em còn riêng nhớ, 
Chữ ký dựy dường dọc bò oan: 
Nay dẫu tôi cả muôn vẫn,
Lẽ dem thái-phương theo đàn loạn nha,
Ngo cảnh đạo tìu ở tron Trước,
Vạn công nguyện chẳng khúc non xanh;
Hơn xua trước mơ reo cạnh,
Nghề riêng xem cùng ra linh vui-vui.

Vàng, đam chẳng ơi lài chi như, 
Mướng lối ngày mà phong tin may; 
Vi nhan nên ths linh tay, 
Nay nay, vậy vậy, đây vậy, mãi mãi.

Xứ Tiệm(Hải-duong). — Đn.n. sox-luc

1. — Ân tết

Mỗi tết ngày nào dâ lêt a? 
Không vang không mỗi chẳng xa-hoa; 
Bánh chưng tầm chắc là xong têl, 
Lọn giết mới con ngày cười nhà; 
Pháo khách ta buôn không sam nham, 
Rượu tay lạ bàn chẳng mua qua; 
Gánh vang đi đòi song Ngô mơ, 
Dài may nghi canh chưa biết a?

2. — Tằng bản cõ-tri tái-ngo

Hợp hợp tan tan nghĩ cũng hay! 
Æu vong đôi quanh-quần thấy nhẹ ngày.
Sông Thàn (1) chừng lại vui trông giot, Hồ Nguyệt (2) đan tay ngầm có cây; Gặp gỡ bàn thiên nơi đất khách, Hắn-mà chuyen cua chân hiện tay; Lời quê kinh làng người tri-ký, Thành khe thuong-trung sung tê ngay.

3. - Khơi răm mất u tai
Răm mất u tai dã khổ rọi, Đơn hay bàn biết chang xin ai; Chuyen đổi rác-roi có nghe chán, Cuộc thế vấn xoay cú ngờ chợi; Hà-hơn thanh can đơn đa nghĩa, Tư âm bản thanh trục con nói; Sao cho thân-thẻ ngày thêm mạnh, Mà đề lo toàn gánh việc đời.

4. - Mong thành-tra đến
Các cuộc Thanh-tra kẻo nguy cải, Sức ngay miếng-tâm lấy đối-mười; Học-na công-viec dầu vào đao, Thương-qua anh em sáp-sân roi; Chà biết có không không lại có, Hay là thời thế thế mà thời; Việc quan căn trong còn như thế, Có do mà Myanmar viec đời.

5. - Ngâu-vịnh (5)
Vui đến dương-giang ngoài tám thu, Nào ai tri-ký chờ giao-dù? Gó đau lụ trở qua nguy tháng, Lạnh mặt lang chờ chăng chuyên-trở; Lực rând rụng ngon vui mặc chen, Khi buồn chuyên cõ doc vài phọ; Mặc ai bốn lâu vong danh lê-li, Kia cái ô-tô chay bể mê! huấn-dao Nguyễn Kinh-Chu (Phủ Tiên-hưng, Thái-bình)

DỊCH CỔ-VĂN

Văn Đời Tân

Triệu Luong nói với Thượng-quán (4)


(1) Sông Thàn là sông huyện Thanh-khê tức là phủ Tiên-hưng.
(2) Hồ Nguyệt là họ Bát-nguyệt ở tỉnh Hưng-yên.
(3) Bái này vịnh từ khi còn dang dạy học ở Hưng-yên.
(4) Tên là Vợ Uông đệm phong áp ở Thượng, nên gọi là Thượng-quán.


Thượng-quan không theo.

THỜI - ĐÀM

Việc thế giới

The-ghiố dài-sử-ký
(Từ mồng 1 đến 30 tháng 6 năm 1932)


— Ở Roumanie ông Titulesco được thương-thuyết lập Nghị-các mới. Ở Gréc, ông Venizélos cũng lập Nghị-các mới.

— Nghị-viên Mĩ quyết-nghiệt đạt các thủ-thuê mới tốt 27 ngàn triều franc.

Mồng 5.— Thủ-uống Herriot tiếp ngoại-giao-doàn.
— Ông Bouilloux-Lafon, nguyên phó-nghi-trưởng Ha-nghi-viên Pháp, được quốc-vương Monaco chọn làm quốc-vũ-khanh nước ấy.


— Nhân có tin đến Tái-chinh Tổng-trưởng Germain-Martin và Dự-toàn
tổng-trưởng Palmade, vì không đồng-ý với Chinh-phủ về việc chinh-dồn tài-chinh, muốn xin từ chức, Chinh-phủ tuyên-bổ là tin áy sai.

— Hội-nghi nước Anh với nước Irlande họp để xét về vấn đề bài lê tuyên-thế và trả tiền thuế-dien, không thành kết-qua gì.


— Tổng-trưởng bộ Thước-dịa Pháp Albert Sarraut khai hội cho thước-dịa & Bordeaux.

— Ông Eusebio Ayala được bầu làm tổng-thống nước Paraguay.


— Ông Đức có xác-lệnh Tổng-thống cho phép đăng Hitler được giữ các dõi quản nghĩa-dũng do Hội-các Bünning trở về bất bái bối.


— Ông Đức có xác-lệnh của Tổng-thông giám các khoản phụ-cáp cho thợ thái-nghiệp và đặt một thị thuế chung về tiền công thợ từ 1/2% ở đến 6%.

— Đặng Công-hòa nước Mỹ họp hội-nghi, về vận-dề cảm ruộng, ý-kien phân-văn làm.


— Ông Lausanne, đại-biểu của sau nước đứng mới, họp một buổi hội-nghi riêng và mặt, do thủ-trưởng Anh Mac-Donald chủ-tịch, để định thủ-tục việc hội-nghi.

— Ông Đức có xác-lệnh Tổng-thống cho phép các đôi nghĩa-dũng của đảng Hitler được tư-do hành-dộng.


— Hội-nghi Lausanne hôm nay công-khai, ông Mac Donald làm chủ-tịch.

— Đặng Công-hòa Mỹ họp hội-nghi, cụ ông Hoover để lại ra ứng-cử Tổng-thống kyi sau nay.


— Hội-nghi Lausanne, phải-bố Đức trình cho chủ-tịch Mac-Donald một bản thuyên-minh, xin thủ-liệu cả các khoan boi-thường, một cách hoàn-toán, tức-thi và vô-diệu-khiển.


— Ông Thương-nghi-viễn Pháp bắt đầu thảo-luan về luật cho dân-bả có quyền bầu-cử và ứng-cứ.

— Ông Lausanne đại-bíu Pháp và Anh đã đồng-y nhu, còn đường thương-thuyết với phải-bố Đức.


Vua Xiêm nhẫn dỗ chinh-thể chuyển-chê ra chinh-phủ lập-hiện.


Quên-vuông Xiêm trong lời dự cho Chinh-phủ làm-thủ tiên-bộ rằng những việc của dân-đảng làm trong việc chinh-thể là chánh-dáng ca, và vua hằng lòng theo chinh-thể lập-hiện.


Đừng Dân-chủ Mĩ hợp hối-nghi ở Chicago đề cử người ra ứng-cử tổng-thông sau này.


Ở Hồi-nghi Lausanne, phải-bò Đức nhạt-dính xin thử-tiếp các bộ-khoản. Còn thử-thượng Anh muốn châm-chước thỏa-liệt hai cái thuyệt của nước Pháp và nước Anh không xong.

Hồi-nghi đương vào cái cảnh khó xin.


Ngày 30. - Hội Hạn-lấm Pháp tăng phán thuong 10,000 phathlete cho quyền sắc của ông Albert Sarraut, hiện làm Tô-ôc-dài-bò Tổng-thượng

đè là : Grandeur et seruitude coloniale (Cái vinh với cái nhục về thuộc-dịa).

- tuyển-hỏi-dòng hợp ở Hồi-nghi Lausanne làm nền dinh x k호an (forfait) một số là bảo nhiều cho nước Đức nhân đề bù vào các bị-khoan. Nhưng Đức vẫn giữ cái thái-dô tiêu-cực.

Nơi-các Herriot làn thư bà.

Ông Édouard Herriot, lãnh-tự đăng Xà-hội cấp-tiền, lần này lên cấm quyền thử-thượng là lần thứ ba, lần lần trước là vào 1924 và 1926. Nơi-các Herriot này là Nơi-các thứ ba vậy.


tubit, von là ban của Clemenceau, cuội
bội chiến-tranh là một tay giúp việc
dắc-lực của Clemenceau. Ngày
lâm
chánh ban Tài-chinh & Thương-viện,
hỏi tháng 6 năm 1931 đã ra ứng-cú
nghi-trường tranh với ông LEBRUN. Ông
viện, thuộc về «Dân-chủ tâ-dâng» (Gau-
che démocratique).

Ô Ha-Nghi-viên thời nghi-trường cù
là ông Fernand BOISSON là được tâ-
bâu, không có ai tranh, được 504 phiếu
trong tổng-so 558.

Ngày chiêch hôm hai viênn bâu xong
nghi-trường, quan Giảm-quốc chỉeûn lên
hơi ý-kien hai ông nghi-trường, rồi liên
cho môi ông HERRIOT để giao lập Nôi-
các moi. Trù ngày mong 8 tháng 5 là
ngày đăng Cáp-tien được thăng, ông
HERRIOT đã có dự sẽ-giô mà dự-
bĩ trước để lên kệ chánh ông TARDIEU
rồi. Trung-gian đăng Xã-hoi lại hop
hội-nghi, yêu-cầu nhiều điều đăng Cáp-
tiên không thể tha-nhàn được, nên
cũng đã rõ ràng đăng xã-hoi không thể
tham-dự vào Nôi-các moi được. Vậy
thời Nôi-các này lại thuận ngôi trong
đăng Cáp-tien hết, chỉ có một vài nhân-
vật về đăng Cáp-tien đóc-lập và đăng
Công-hoa tâ-plai mà thôi. Ngày mong
4 tháng 6, 11 giờ sáng thì Nôi-các đã
dèn-lập, đến trinh-dien quan Giảm-
quốc.

Ôn HERRIOT thời giữ chức Tông-lý
Nôi-các (tức là thủ-trường), kiêm Ngogi-
vu tông-trường. Như trước kia đã nói, ông
lâm thủ-trường lần này là lần thứ ba:
lần thứ nhất tự ngày 14 tháng 6 năm
1924 đến 17 tháng 4 năm 1926, lần thứ
hai thì kệ cho Nôi-các Briand lần thứ
10, ngày 17 tháng 7 năm 1926 giờ hỏi
tài-chinh khang-khoáng, ngày hôm ra
têp-xúc với Nghi-viên thời bị tổ-liên.
Ôn HERRIOT là một tã à chinh-trí trù-
dan nhôe Pháp, xì cùng đê biết rõ, chi
nên nhiều ông là một người có
lương, góp hồi ngày-kịch, ông biết hi-
sinh chu-nghiêx toàn nhân đã mà hiêp-
vâc với ông Poincaré, lình chinh Hôc-bô
tông-trưởng trong Nôi-các Lien-biêp
Poincaré từ tháng 7 năm 1926 đến tháng
11 năm 1928; còn cả lòng ái-quốc
minh-mân của ông, thì dù kệ thu ông
cùng phải công-nhan.

Ông René RENOULT, thương-nghi-viên
quân lâ, kinh Trí-phap Tông-trường,
kiêm chức phó-thủ-trường. Tông-trường
bô Nôi-vu là ông CAMILLE CHAITEMS, là
một lay trai-trê mân-cân trong đăng
Cáp-tien. Nôi-các TARDIEU trước gôm ca
ba bô Luc-quân, Hải-quân và Khỏng-
quân lại làm môi, gọi là bô Quốc-
phòng; này lại phan ra làm ba nhù cù; Tông-trường Luc-quân là ông PAUL
BONCOUR, Hải-quân là ông GEORGES LE-
GUES, Khỏng-quân là ông PAINELEV. Ông
bô Tài-chinh thời ông GERMAIN-MARTIN,
crü-giao-su ở trúng Đại-bôc Lưt,
thạt là một tay tài-chinh thông-thọ.
Ông PALMADE, tông-trường-bô Dư-toàn
chi-thu, cùng là crü-giao-su trúng
Đại-bôc và cùng là một tay tài-chinh
chuyen-môn. Bô Công-chinh thời ông
DALADER, bô Giao-duc ông DE MONZE,
bô Thuộc-diâ ông ALBERT SARRAUT, bô
Lão đông ông Dalimer, toàn là nhung
nhà chinh-trí có liên giao. Ông-ghi-that
bô Huru-cô ông BERHOLD, là ta y giao-
su cù, bô Nông-vu có ông ABEL GARDET,
thông-nghi-viên quan Gers, bô Brün-
chình ông Queville, bô viên-sinh ông JUSTIN GODART, bô Thương-vu ông JULIEN
DURAND, bô Hằng-lại ông LÉON MEYER,
Cون chức thủ-trưởng thời có 11 vị;
thủ-trưởng bô Thuộc-diâ là ông CAMELLE,
nghi-viên thủ-doc-diâ Guadeloupe, ngưu
đa đêm.

Ôn者の HERRIOT Trước tâm thu-
trường hai lâm, trong Nôi-các có ba vî
đả tâm lâm thủ-trường trâc-ça xã LEYGUES,
PAINLEV và CHAITEMS. Các vị khác thời
thân hết đê có tham-àp vào Chinh-phê
rôi, trừ ông ABEL GARDET và 0 chúc
thủ-trường.


Trường Học-Lưỡng động y với tướng Giori-Thạch đa phải biếu lời hào các tướng chi-huy các tỉnh hợp lực chống Nhật.


Cư-quốc-quan cùng theo những tốn-drium sau này:


phải giúp đỡ cho nhân dân biết tự-trị, để vun đắp cái cơ sở dân-trị mà ngăn nhân cải ngoại-hoàn không báo giờ còn xảy ra nữa.

Hiện nay hợp lình các đạo quân cứu-quốc cá ba tỉnh Liêu-ninh, Cát-lâm, Bắc-long-giang được 15 vạn người.

Các đạo quân cứu-quốc, kể từ khi xẩy ra việc biến đến giờ, dường có đạo quân của Vườn Sóc Lầm & Cát-lâm là chống Nhật hăng-hài và có nhiều công-trưng hơn cả, trước sau iêt dự quan đích chữ chết lại ba nghìn người và cực kỳ được sống ẻn-dân-duy cùng rải rác nhiều, mà nhất là việc ngăn-trò người Nhật đập đường Cát-dồn lại là một việc rải có ý nghĩa vay.


Bien-trưng tỉnh Bắc-long-giang cũng khắc hàn trước, các người trong ba cộng-dân, chính quan, điều biết cùng lồng hợp sức, cùng tồn Mã làm thủ-lĩnh.


Chính-phủ Mãn-châu ở Trương-xuyên tuyên-bô rằng sự chiếm của "Dòng-thiet-lo" là một điều can-thiết để Nhật liể nên vươn hưởng theo đường bên vào Tùng-hoa-giang, và để cho Nhật để bể do ính đến cãi-trùm quan phản-nghịch.

Đầu Nga có khàng-nghi thế náo dì nữa, Nhật-bản cữ việc thi-hành chính-sạch xâm-lược của mình, chớ không hoài-bô nữa.


Việc trong nước

(Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1932)


Giám làm với và rút người làm — Cơ lệnh của chính-phủ ràng từ nay các người Tây Nam làm công-nhất cho Nhà-nước đều phải giám làm di 10 phần trăm (10 %). Các những người làm có giấy hợp-dông nữa cũng thể.

Tại sở Địa-điểm thì rút các sĩ-quan và các viên tài-sự chuyên-môn người nào đều trá về ngạch cử của người ấy.


Quí sẽ dùng tiền ấy trá lại cho chính-phủ, cã gốc lăn lại các khoản tiền chính-phủ đã trich trong ngân-sạch, trong quí trư-kim cho các nhà đơn-dień vay trong năm 1930, 1931 và 1932.

Quí này sẽ đỡ quyen dụng cho đến khi các nhà đơn-dień có Ny trá het. Quí lại có thể trá các món tiền xuất ra cho quí « giữ giá cao-xu » và các món tiền ngân-sạch trư của quí cao-xu.


ở may nhà Canh-nông böi-quan các tỉnh ấy, co noí rõ tình-hình kinh-tế hiện-thời, cùng các co-quan của Chính-phủ mới lập ra để cứu-cấp may người diện-chù thiếu nợ mà chưa trả được.


Ngày 11, các quan di thám tình Sóc-trang và Bác-liêu, đến đâu cung cất
ngatisfaction cho những điện-chủ nghe Chinh-phủ đã lập ra các cơ-quan để giúp đỡ cho trong buổi khó-khăn này.

Ngày 12, các quan di thám Cân-tho rồi về Sài-gòn, đi đạc đường ngài có ghé thăm những chỗ lấy nước và những công-trình thú-nghiêm về nông-phở của Nông-doàn ở Vĩnh-long làm chưng với sở Cân-nông.


Số tiền đã phân-phát cho nạn-dân các nơi tỉnh đến ngày 10 tháng 7, cộng là 13.730 $ 00.

Ngài số ấy, Hội Cựu-te Nam-ký lại tự cho 60 tấn gao, đã phân-phát cả cho các nơi.

Cuộc công-thái 500 triệu quan của Đồng-Pháph. — Tin Paris ngày 12, theo các đạo Luất ngày 22 tháng 2 năm 1931 và 26 tháng 4 năm 1932 cho phép, thì các quan Tổng-trưởng bộ Tài-chính và Thoát-dia đã quyết-dịnh phát-hành một cuộc công-thái chung cho cả Đồng-Pháph là 500 triệu quan, lại 4, 1/2%.


Quan Thống-sịr dì Sông-cầu. — Ngày 13, quan Thống-sịr Bắc-ký đã lên Thái-nguyễn xem cái mạng nước Sông-cầu, có quan cân lục-lơ cùng đi với ngài.

linh đem về đầu tôi bán Hải-phòng ngày 18 tháng 7 này.

Ấn-dịnh giá dòng hoa-viên. — Quan Toản-quyền đã trả lời cho ông Thường-mai Hà-nội về việc phòng Thường-mai không thuận biên báo văn tài văn lâp hợp-y nghĩa và nghĩa căng nhất-dịnh không thay đổi giá dòng bác hoa-viên, đề khoái xảy ra mọi điều ngăn-trớ như đã từng thay đê các nước Âu-châu sau cuộc chiến-tranh, là vì các nước ấy không có một thứ kiến-tế vững-vững. Ý nghĩa quan-quyêt không có thay đổi gì về giá dòng bác hoa-viên cả.

Nghi-dịnh cảm men ruột. — Ngày 22, quan Toản-quyền có ra một đạo Nghi-dịnh cảm men ruột ở đã-hất Bác-ký như sau này:

Hai thừ men gửi là menNaN ruột và men làm ruột nê thầy cạm ban không được làm dược màng và dược ban suối trong đa-hất Bác-ký, trừ ra mấy khoăn đốc-cách đã dính.

Nhung ngurôic có phế men ruột phải theo nhu sau này:

1) Han tâm ngày sau khi ký nghi-dịnh này thì phải đem trinh những người làm men là bảo nhuì.

2) Cam đoan gửi cho quan Công-sự một bản giấy thue những người làm men là bảo nhuì.

3) Từ nơi làm men đến nơi bán men phải có một cái giấy để kèm đê chúng-thực là men ấy được phế làm.

Nhung người làm men cùng phải cam đoan rằng chỉ bán men cho những người được phép nào ruột thói, trách-niệm thì do người nào ruột chịu, cùng là phải chín đề các viên-chức Nha-nước để khám-xét theo nhu mọi cách-bước sẽ do quan hành-chính có nghi-dịnh dính sau.

Mời năm trong bấy ngày từ mong 1 đến mong 7 tháng 5 ta thi men làm ruột nê được miễn cảm.

Tô thông-tur của quan Chánh Bác-học Bác-ký. — Quan Chánh Bác-học Bác-ký thông-tur cho các bài dốc ông dốc các trường Pháp-Việt, các ông Thanh-tra học-chính, các quan Bác-học Kiểm-học trong xứ Bác-ký:

Vi những sự chẳng hay.write ra, quan Thống-sự Bác-ký phải dùng những phương-phê têng-phê những quan-chức dông các đáng dập dội-dài với những người bán-xử ở dưới quyên minh.

Ta lên quan Thống-sự, tối trích một đoạn sau này trong tô thông-tur của quan Thống-sự gửi cho ngồi biết:

Bân-chức khoa ngày nhà: ký-càng cho hết thay các viên-chức thiếu quyên ngày nhỏ ràng: cấm không ai được đánh đập người bán-xử, dự hơi khó thể cũng không được. — Nhỉ là những người duỗi mình, và nên có việc nano như thế, đến tài bân-chức, thì bân-chức nhật-quyết không có dùng-thức.

Tôi truong biết-tai phải nhắc lại các viên-chức trong ngành học-chính mới toàn thể cho đúng môi diệc đến trăm ấy và mới liều rằng nếu ai trái lệnh một lì, tức là làm phẩm đến cải thanh-gia của mình đây.

Nhờ ngày chuyển-dạt đó thông-tur này cho hết thay các viên-chức thiếu duôi quyên ngồi.

Việc ký-niệm quan Giám-quốc Paul Doumer ở Hồng-Pháp. — Quan Toản-quyền Pasquier mời thông-tur cho các


Quan Thông-soái và quan Thông-sứ đi kinh-lý. — Sàng ngày 30, quan Thông-soái Billotte và quan Thông-sứ Tholance đã sang kinh-lý các đơn bình ở tỉnh Bắc-ninh.


Sờ từ tài nhà pha Hòa-lớ Hà-nội. — Sờ từ giam tại nhà pha Hòa-lớ, hiện nay có 1.463 người. Trong số đó có 97 người từ chinh-tri, 20 người từ độ, 71 người bị khô-sai có hạn, 67 người bị tôi khô-sai chung-thán, 2 người bị tôi từ; còn ngoài ra là thương-phắm.


Sở giao xuất-cảng. — Sở giao ở Đông-Pháp xuất-cảng từ đan năm đến hết tháng 6 năm nay công được 631,958 tấn, so với khoảng ấy năm ngoài thì tháng lên được 122, 770 tấn.
Ông Bạch Thái-Buội tả thế. —
Ông Bạch Thái-Buội là nhà doanh-nghiệp có tiếng ở Bạc-kỳ đã tả-thể tại Hải-phòng ngày 22 tháng 7 năm 1932, thọ 58 tuổi; ngày 28 tháng 7 làm lễ an-tạng tại sở mở Bi-chở của ông ở Quang-yên, cách Hải-phòng năm chức cày sổ.


Sau đây dằng bái diệu-văn của quan Thieu-báo Hoàng Trong-Phu, Hoi-trưởng Hội Khai-tri Tiên-dực, đê vieng ông Bạch khi làm lễ tang ở Hải-phòng:

“Thưa các Ngài,"


“Ông Bạch mất là Hội Khai-tri thiệt mất một nhà sáng-lập có công, một tài tri-sư đặc-lực.”


“Chúng tôi chưa kịp đến tham ông để báo tin ấy cho ông biết, thì than ói đã được tin ông mất rồi !”

“Ông Bạch Thái-Buội tử ngày đã thành người thiên-cô rồi.”

“Ông mất di không những thịt cho Hội Khai-tri Tiên-dực; chúng tôi một người có công to, lại là thiết cho cả trường thục-nghiệp nước nhà một tài kiến-tuong nữa.”

“Tới xin nội tên ông là liên với lịch-sử Hội Khai-tri Tiên-dực, có thể nói tên ông liên với cả lịch-sử nước nhà trong hai ba mươi năm gần đây nữa.”

“Nước Nam vân mang tiếng là một nước vân-nhuộc, không dũ từ-cách
ra canh-tranh với cái đói thực-nghiệp ngày. Ở dem cái tài doanh-nghiệp, cái chủ kiến gan mà tổ cho thiên-hà bất rằng Ảm-Nam cùng có người có tri-khôn, có nghi-lạc, kinh lý đước những sự-nghiệp lớn về công-thương, chẳng kém gì người ngoài. Mả ông làm được thành-công, khiến cho thiên-hà phải phục.

"Cái sự-nghiệp thành-dần kim-doanh của ông, cái nhân-cách gan-góc mạnh-bao của ông, cái đức-tính kiên-nhan cần-can của ông, thực đàng làm gươm cho cả quốc-dân noi theo.

"Nhưng đàng phục hồn cả, lại lại cái chí-khi của ông, vi ông không phải là một nhà doanh-nghiệp thường. Ông thường-chung vẫn mang nặng một tâm lòng vì nước vì noi, ai biết ông cùng phải công-nhan như vậy.


"Than ôi! Mày mò của Cẩm,
Giờ lành ngần Yên l(1)

"Ông Bach nay đã theo mày theo gió mà đi về nơi mồ cung xửa, chỉ để lại mới thương-xót cho kẻ than-bằng saí-

"Tới xin thay mặt đồng-nhan Hội Khai-trí cái đầu kinh-piềng trước linh-cưu ông và tran-trọng phần-u vực cùng qui-quyen."

DƯU-LUẬN TRONG NƯỚC

Sau khi dốc Bao-dài về nước tiến-dổ viễn dàn-biều sẽ ra thế nào?


1) Phái cực đoan thân dân-quyen.


(1) Mô Bích-chúa ông Bạch là một sô mò than ở gần núi Yên-tú, giáp tỉnh Quang-yên và hạt Đông-tríu.
Một là tiêu-cục, hai là tich-cục.

Theo thuyết tiêu-cục, người ta nói rằng:

Viên Đàn-biều xuất-hiện là can-cụ vào tổ hiếp-vôc năm 1925. Dưới lúc bày giờ, đức Khải-dinh thẳng-hà, vua Bảo-dài còn richness và dưới di đã-học, quyen-chinh trong nước, do Chính-phủ Bảo-hộ và Nam-tríệu coi sóc; trong khoảng "chủ thiệu quốc ngữ" (主少國疑 = vua nhỏ, trong nước nguy- nghi), long người đề sinh ra diễm làm-lặc, nên đặt ra viên Đàn-biều, cho nhân-dân được dự bàn việc nước.... Từ hiếp-vôc làm can-cụ cho viên Đàn-biều chính là nhân lúc vua nhỏ chưa quyen-chinh mà sinh ra, có cái tính-chất tâm-thởi, chỗ chưa phải là vinh-viễn như Đàn-biều đã quí-dình trong Hiei-pháp....

Còn thuyết tich-cục thì phán-dội cái thuyết trên, nói rằng:


Chính-phủ nghị-sao? Mỗi ông Dân-biều nghị-sao? Anh em nhân-dân nghị-sao?

MINH-VIỆN
(Bảo Tiếng-dắn & Huệ)

Nghĩa vụ tử-dắn đối với sự trị-an của đức Bảo-dài Hoa-ng-dệ, sau khi ngự-giá Hội-loan

Cột tin rằng đức Bảo-dài Hoa-ng-dệ ta đến ngày 12 tháng 8 một số đáp tàu hội-loan tại thành Marseille, phòng đến ngày 10 september sẽ đến Huệ.


Ngày là vi học-thuyệt chưa có thẩm-vi, tỉnh-thần còn hiền, vi sự tảo-phương?
Câu hỏi ấy tương nên đáp rằng:
Sĩ — Làm quan phải trung với nước, phải thường đau, phải thanh - liêm can - thần, phải minh - chính, biết làm trọng bổn phận mình, làm thế nào cho bộ mặt tę - than quan những - lại mà được tiếng hiện - lƣờng phong - chính cho rơi mắt quan - trường.
Công — Làm thoy thuyết người Âu Mĩ tối - trọng, tràm - ban vận - sự như có thoy mới nên, đã đánh rằng nhất nghề tính nhất thân vinh, mà nếu một nước nhiều nghề tính thì phải đến ngày giầu mạnh vậy. Vi thể mà ta phải biết theo khoa - hoạch công - nghề.
Thượng — Nghề bán buôn thì không nói cùng đủ thầy người ngoại -
quốc đến xử ta bao nhiêu nhà phủ-thương đại-cồ được kinh trọng biết bao, mà sự-nghiệp của họ to lớn bao nhiêu; ấy là nỗi thứ-thương của người vi có khoa-học chuyên-môn thứ-thương-mại mà được lợi ngàn to.


VĂN-BỊNH
(Báo Tiến-long & Huế)

Văn-dề cứ ông pháp viễn An-Nam sang Pháp làm thế nào cho vừa dân-nguyên?


Người thì nói quan Toản-quyên Pasquier sẽ định cho tất cả cụ-trí (1) của hội-dòng Quân-hạt được quyên bổ thâm.


Và người ta lại còn quá-quyết rằng chính ngày một ít ông hưu tâm về vấn-dề ấy đã cạy ông huyện Nguyễn Văn-

Của lên dien-yết quan Toản-quyên, thì ngại cho hay rằng Chinh-phủ đã nhất-dình dụng cách tuyên-cư thể-tam-cấp và nay mai chỉ đây ngại sẽ kỳ tố nghĩ-dình ấy.

Nghe vậy hay vậy, nhưng chúng tôi cũng vần cử họ-nghi rằng cái tính ấy là một tính không lành.


Ý, thật thế, nếu như Chinh-phủ nhất-dình đúng cái thể-cạch tuyên-cư đề-tam-cấp, thì chỉ có ông hội-dòng Quân-hạt. 10 ông hội-dòng Thành-phủ, 41 ông Cần-nông Thương-mại và vài trăm ông địa-hạt được linh cải chức tôn-qui một cách âm-thầm đó mà thôi.

Hương-chi, cải địa-ví của may ông hội-dòng địa-hạt là hàng cụ-trí đại-da-so trong trườn tuyên-cư sắp đến ngày, nó buốc chúng ta phải nói ngày và nói một cách rõ-ràng rằng: mấy ông đó đã không thay mặt cho ai hết mà lại là một hàng người có tính phức-tùng may ông chẳng chịu-lịnh từ xưa đến nay.

Không, tôi đây chưa phải là người có cái sức mềm-tín các sự cải-cạch ở xứ này cho đến nói trọng rằng cái ông nghi kia sẽ giống như Diệm Cửu-Quì, hệ sang bên Pháp rồi, thì do đang ra báo mật tội xề của Đông-duong trò lại dung uego.

Nhưng, tôi cứ lấy lòng hằng-thực mà cho sự cải-cách ấy là một bước đầu dân chúng ta đi, sẽ lên ở cải thực-tế hiếp-tặc, mà từ gần một thể-ký này chúng ta chỉ nghiệm tính nói lao-xao của may tay đường-dạo.

(1) Người có quyền bầu-cử (tiếng Nam-ký):


Ai kia, cho quan Toàn-quyền Pasquier, ngại dự biết rằng nó là một cái đạo hai lưỡi. Có khi một việc cái-cách hay duơng lâm cho dân-chưng có hi-vọng, rồi bởi cái cách thi-hành, mà nó lại hào ra một mối thật-vọng, là nguồn-cội của trầm ngạn sự rắc-rối cho cuộc tri-an xã này về sau.

Diệp Văn-ky
(Bảo Công-luận & Sài-gòn)

Bá-chi mới


Giół-thieu sách mới

Morceaux choisis d’auteurs annamites, précédés d’un abrégé de l’histoire de la littérature annamite, à l’usage de l’ensei-

Nam-Phong từng-thuc

(Bàn & Đông-kinh án-quan, mooie quyen giải 4 hào hay 5 hào, ở xa uốn cụrc ngoài).

Mội xuất-bản:

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giải 4 hào.

Xuất-bản từ trước:
1. — Văn-minh-luận 4 hào
2. — Ba thang & Paris 4 hào
3. — Văn-học nước Pháp : 4 hào
4. — L’ideal du Sage 4 hào
5. — Chinh-tri nước Pháp. Quyên thứ 1 4 hào
6. — Khao về tiểu-thuyệt 5 hào
7. — Lịch-sử thể-giới 4 hào
8. — Le Paysan Tonkinois 4 hào
9. — Lịch-sử và học-thuyệt VOLTAIRE 4 hào
10. — Phát-giao đại-quan. (In lăn thứ hai) 5 hào
11. — La Poésie annamite. 4 hào

Số xuất-bản:
12. — Tuông Lôi-xich và tướng Hô-vé.

100